

Kỷ yếu Hội Luận 2011 - Đuốc Tuệ

ĐÓNG GÓP CỦA CƯ SĨ TRONG VIỆC HOẰNG PHÁP TẠI HẢI NGOẠI



Quý Thầy:

Thích Trí Hoằng • Thích Viên Giác • Thích Đức Trí

và quý Cư sĩ:

Thiện Quả Đào Văn Bình
Nguyên Thọ Trần Kiên Đoàn
Nguyên Giác Phan Tấn Hải
Tâm Quang Vĩnh Hảo
Mật Nghiêm Đặng Nguyên Phả
Tâm Cát Nguyễn Trung Quân
Tâm Huy Huỳnh Kim Quang
Tâm Diệu Nguyễn Xuân Quang
Mật Hạnh Đỗ Mậu Quỳnh
Trí Tánh Đỗ Hữu Tài
Chân Văn Đỗ Quý Toàn
Nguyên Lượng Nguyễn Phước Trí
Huyền Độ Đỗ Vinh

Kỷ yếu Hội Luận 2011 - Đuốc Tuệ

Hội Phật học
ĐUỐC TUỆ



KỶ YẾU
HỘI LUẬN 2011



Kỷ yếu Hội Luận 2011 - Đuốc Tuệ



Tài liệu trong Kỷ Yếu này được đúc kết từ buổi *Hội Luận 2011* của **Hội Phật học Đuốc Tuệ** và từ những bài viết trên các trang mạng điện tử *thuvienhoasen, lebichson, phattuvietnam, quangduc, daophatngaynay, vietbao* và *nguoiviet*.

Hội Luận 2011 là một diễn đàn tự do và đa chiều.

Cá nhân các tác giả chịu trách nhiệm về nội dung bài viết của mình.

Hình ảnh: **Vạn Từ** và trích từ **Viet Báo** và **Người Việt**

Trách nhiệm xuất bản: **Hội Phật học Đuốc Tuệ**

duoctue@2011, California, USA

MỤC LỤC

☐ Phần Một - Thư mời và bài Giới thiệu

Tạp chí **Việt Báo** – **Trung Đạo** - **Chánh Pháp** - **Người Việt**

☐ Phần Hai - Trình bày tại Hội Luận

- 1- *Chút tâm sự để mở đầu buổi Hội Luận* , **Mật Nghiêm Đặng Nguyên Phả**..... 25
- 2- *Vấn dụng bài học lịch sử cận đại về Hoàng pháp của các Cư sĩ tiền bối*, **Tâm Diệu Nguyễn Xuân Quang**...32
- 3- *Thật tâm, Thâm tâm và Bồ Đề tâm là ba sức bật Hoàng Pháp*, **Nguyễn Lượng Nguyễn Phước Trí**43
- 4- *Nghiệp Hoàng pháp: Hãy giữ linh hồn cho nhau!* , **Huyền Độ Đỗ Vinh**..... 31
- 5- *Cư sĩ và công cuộc Hoàng pháp*, **Tâm Quang Vĩnh Hảo** 49
- 6- *Phật tử là người Hoàng Pháp*, **Chân Văn Đỗ Quý Toàn**63
- 7- *Đúc kết buổi “Hội luận 2011”* , **Tâm Cát Nguyễn Trung Quân**67

☐ **Phần Ba** - Bài viết Tham chiếu

- 8- *Người Cư sĩ gương mẫu, Thích Đức Trí*73
- 9- *Vấn đề đào tạo Cư sĩ Hoằng pháp, Thích Viên Giác*
..... 79
- 10- *Đào tạo Giáo thọ sư tại Mỹ, Thích Trí Hoằng* 85
- 11- *Hải ngoại và Dòng Sinh mệnh Phật giáo, Thiện Quả
Đào Văn Bình*91
- 12- *Người Cư sĩ Phật giáo, Nguyễn Thọ Trần Kiên Đoàn*
..... 102
- 13- *Người Cư sĩ phải làm gì để Truyền bá Phật giáo trong
Thế kỷ 21, Mật Hạnh Đỗ Mậu Quỳnh*122
- 14- *Tu học để Hoằng Pháp, Nguyễn Giác Phan Tấn Hải*
.....127
- 15- *Đem Phật pháp đến cho Tuổi trẻ, Tâm Huy Hỷnh
Kim Quang*135
- 16- *Tăng đoàn của Đức Phật buổi sơ kỳ – Vài ý nghĩ về định
hướng Hoằng pháp, Trí Tánh Đỗ Hữu Tài*142

☐ **Phần Bốn** - Lời thưa Tổng kết và Hình ảnh

- 17- *Lời thưa của Hội Phật học Đuốc Tuệ, Mật Nghiêm
Đặng Nguyên Phả*157
- 18- *Tổng kết: Hoằng pháp là đem lại sự An lạc cho mọi
người, Việt Báo*163
- 19- *Hình ảnh, Vạn Từ*169

Kỷ yếu Hội Luận 2011 - Đuốc Tuệ

Phần Một

Thư mời và bài Giới thiệu



Kỷ yếu Hội Luận 2011 - Đức Tuệ

Kỷ yếu Hội Luận 2011 - Đuốc Tuệ



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP - TIN TỨC PHÁT SỰ - VĂN HỌC PHẬT GIÁO

THƯ MỜI

Kính gửi Quý Đồng hương Phật tử

Trong tinh thần đồng học đồng tu để phụng sự Đạo Pháp, Hội Phật học **Đuốc Tuệ** sẽ tổ chức Buổi Hội Luận năm nay với chủ đề:

SỰ ĐÓNG GÓP CỦA NGƯỜI CƯ SĨ TRONG CÔNG CUỘC HOÀNG PHÁP TẠI HẢI NGOẠI

từ 2.00 giờ đến 5.30 chiều ngày Chủ nhật 11-12-2011
tại *Trung tâm Sangha*, 7641 Talbert Ave, Huntington Beach,
CA.92648. (Điện thoại liên lạc: 714.425.3938)

Trân trọng kính mời quý Đồng hương Phật tử đến tham dự Hội Luận để trao đổi ý kiến hầu cùng nhau làm tròn vai trò của người Cư sĩ Việt Nam hải ngoại trong hoàn cảnh hiện tại.

Quý vị Diễn giả được thỉnh mời tham gia Hội Luận:

- 1- Đạo hữu Đỗ Quý Toàn, Giáo sư Kinh tế Tài chánh
- 2- Đạo hữu Tâm Diệu, Chủ biên *Thư Viện Hoa Sen*
- 3- Đạo hữu Vĩnh Hảo, Chủ biên Nguyệt san *Chánh Pháp*
- 4- Đạo hữu Huỳnh Tấn Lê, Chủ tịch HĐĐH/ Tổng hội Cư sĩ
- 5- Đạo hữu Nguyễn Lượng, Hội trưởng Hội Cư sĩ Orange County

Sự tham dự của Quý vị sẽ là niềm khích lệ lớn lao cho chúng tôi trong nỗ lực Hộ trì Tam Bảo.

Orange County, ngày 25 tháng 10 năm 2011

Mật Nghiêm Đăng Nguyên Phả
Hội trưởng, Hội Phật học **Đuốc Tuệ**



HỘI PHẬT HỌC ĐUỐC TUỆ THU MỜI

Kính gửi Quý Đồng hương Phật tử
Trong tinh thần đồng học đồng tu để phụng sự Đạo Pháp,
Hội Phật học Đuốc Tuệ sẽ tổ chức Buổi Hội Luận năm 2011 này
với chủ đề:

SỰ ĐÓNG GÓP CỦA NGƯỜI CƯ SĨ TRONG CÔNG CUỘC HOẰNG PHÁP TẠI HẢI NGOẠI

từ 2.00 giờ đến 5 giờ 30 chiều ngày Chủ Nhật, 11 tháng 12 năm
2011 tại *Trung tâm Sangha*, 7641 Talbert Ave, Huntington Beach,
CA.92648

Trân trọng kính mời quý Đồng hương Phật tử đến tham dự
Hội Luận để trao đổi ý kiến hữu cùng nhau làm tròn vai trò
của người Cư sĩ trong hoàn cảnh hải ngoại hiện tại.

Diễn giả được thỉnh mời tham gia và Đề tài dự trù được trình bày:

- Đạo hữu **Tâm Diệu Nguyễn Xuân Quang** - *Vận dụng bài học lịch sử cận đại về hoằng pháp của các Cư sĩ tiền bối.*
- Đạo hữu **Nguyên Lượng Nguyễn Phước Trí** - *Kinh nghiệm về sinh hoạt hoằng pháp của Cư sĩ trong lúc hợp tác với các Tự viện.*
- Đạo hữu **Quảng Phước Huỳnh Tấn Lê** - *Kinh nghiệm hoằng pháp của Tổng hội Cư sĩ trong giới trí thức hải ngoại.*
- Đạo hữu **Tâm Quang Vĩnh Hào** - *Cư sĩ mọi thời - Nội dung và đối tượng hoằng pháp của người Cư sĩ.*
- Đạo hữu **Chân Văn Đỗ Quý Toàn** - *Cư sĩ nên tích cực tham gia hoằng pháp như thế nào ?*

Sự tham dự của Quý vị là niềm khích lệ lớn lao cho chúng tôi trong nỗ lực Hộ trì Tam Bảo - Văn nghệ và tiệc trà nhẹ - Vào cửa tự do

Kỷ yếu Hội Luận 2011 - Đuốc Tuệ



**Hội Phật Học Đuốc Tuệ Mời Dự:
Hội Luận Về Vai Trò Cư Sĩ
Giúp Hoằng Pháp ở Hải Ngoại**

Hội Phật Học Đuốc Tuệ Mời Dự: Hội Luận Về Vai Trò Cư Sĩ
Giúp Hoằng Pháp ở Hải Ngoại; Diễn Giả Tâm Diệu, Nguyễn
Lượng, Quảng Phước, Tâm Quang, Chân Văn
Chủ Nhật, 11-12-2011, Tại Trung Tâm Sangha, Huntington
Beach



*Cư sĩ Mật Nghiêm Đặng Nguyên Phả,
Hội Trưởng Hội Phật Học Đuốc Tuệ. (Hình hồ sơ VB)*

QUẬN CAM, Calif. (VB) -- Một buổi hội luận với chủ đề vai trò người cư sĩ trong hoàn cảnh hải ngoại sẽ được tổ chức vào ngày 11 tháng 12-2011, theo một Thư Mời do Hội Phật Học Đuốc Tuệ gửi tới các đồng hương Phật Tử.

Với 5 diễn giả là những cư sĩ đã hoạt động tích cực trong vai trò hộ pháp nhiều thập niên qua, hội luận sẽ có chủ đề *Sự Đóng Góp Của Người Cư Sĩ Trong Công Cuộc Hoằng Pháp Tại Hải Ngoại*, từ 2 giờ chiều đến 5 giờ 30 chiều Chủ Nhật, 11 tháng 12 -2011 tại Trung tâm Sangha, 7641 Talbert Ave, Huntington Beach, CA.92648. Điện thoại liên lạc: 714.425.3938.

Thư Mời viết:

“Trân trọng kính mời quý Đồng hương Phật tử đến tham dự Hội Luận để trao đổi ý kiến hâu cùng nhau làm tròn vai trò người Cư sĩ trong hoàn cảnh hải ngoại hiện tại. Diễn giả được thỉnh mời tham gia và Đề tài dự trù được trình bày:

- *Đạo hữu Tâm Diệu Nguyễn Xuân Quang* - Vận dụng bài học lịch sử cận đại về hoằng pháp của các Cư sĩ tiền bối.
- *Đạo hữu Nguyễn Lượng Nguyễn Phước Trí* – Kinh nghiệm về sinh hoạt hoằng pháp của Cư sĩ trong lúc hợp tác với các Tự viện.
- *Đạo hữu Quảng Phước Huỳnh Tấn Lê* – Kinh nghiệm hoằng pháp của Tổng hội Cư sĩ trong giới trí thức hải ngoại.

Kỷ yếu Hội Luận 2011 - Đuốc Tuệ

- *Đạo hữu Tâm Quang Vĩnh Hào* – Cư sĩ mọi thời - Nội dung và đối tượng hoằng pháp của người Cư sĩ.
- *Đạo hữu Chân Văn Đĩ Quý Toàn* – Cư sĩ nên tích cực tham gia hoằng pháp như thế nào?

Thư Mời ký tên Hội Trưởng Hội Phật Học Đuốc Tuệ là Mật Nghiêm Đặng Nguyên Phả, còn cho biết là sẽ có “trình diễn văn nghệ và tiệc trà nhẹ. Vào cửa tự do.”

Được biết, cả 5 vị sư sĩ diễn giả đều là những người hoạt động nhiều thập niên cho việc hộ pháp và hoằng pháp từ khi còn ở VN cho tới khi ra hải ngoại.

Trong khi cư sĩ **Nguyễn Lượng Nguyễn Phước Trí** nổi tiếng về các hoạt động xây dựng Gia Đình Phật Tử và hiện nay là Hội trưởng *Hội Cư Sĩ Orange County*, cư sĩ **Quảng Phước Huỳnh Tân Lê** là Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành *Tổng Hội Cư Sĩ*, và cả hai đều gánh vác nhiều Phật Sự giúp chư tăng ni và các tự viện.

Một diễn giả khác, Cư Sĩ **Tâm Diệu** là Chủ biên Trang nhà *Thư Viện Hoa Sen*, có sơ lược tiều sử như sau, theo trang Quảng Đức:

“Thê danh Nguyễn Xuân Quang, pháp danh Tâm Diệu, bút hiệu Hoàng Liên Tâm, sinh năm 1943 tại Hưng Yên, di cư vào Nam năm 1954 và qua Hoa Kỳ tháng 4 năm 1975. Tốt nghiệp Cử Nhân Khoa Học Kế Toán và Cử nhân Khoa Học Điện Toán Viện Đại học University of Mississippi, Oxford, Hoa kỳ. Hiện định cư tại bang California, Hoa Kỳ.

Cư Sĩ Tâm Diệu thọ Tam Quy Ngũ Giới năm 1967 với Hoà Thượng Thích Đôn Hậu tại Chùa Thiên Mục Huế, thọ pháp với Hoà Thượng Thích Duy Lực năm 1990 tại Hoa Kỳ và thọ Bồ Tát Giới năm 2000 tại Đại Giới Đàn Tịnh Khiết, chùa Tường Vân, Huế.”

Cư Sĩ Tâm Diệu đã xuất bản nhiều tác phẩm về dinh dưỡng và Phật Học, được biết nhiều nhất qua trang www.thuvienhoasen.org, và hiện nay trang nhà này là nơi lưu trữ nhiều nhất so với cả trong và ngoài nước các thể loại kinh, luật và luận Phật Giáo Bắc Truyền và Phật Giáo Nam Truyền cùng là các tài liệu nghiên cứu Phật học và các tài liệu liên quan đến kinh nghiệm tu tập từ hai truyền thống Phật giáo Nguyên Thủy và Phật giáo Đại Thừa dưới dạng vi tính điện tử...

Trường hợp Cư Sĩ **Tâm Quang Vĩnh Hảo**, ông tự giới thiệu sơ lược qua trang vinhhao.info các thông tin như sau: Sinh ở Nha Trang, thuộc dòng Nguyễn-phước (Huế xưa), có bút danh Vĩnh Hảo và cũng là tên riêng, sống và làm việc tại miền Nam California, Hoa Kỳ từ 1991, đã xuất bản 13 tác phẩm gồm truyện dài, truyện ngắn, thơ và tùy bút. Hiện nay, Cư Sĩ Tâm Quang Vĩnh Hảo là chủ biên báo *Chánh Pháp* (<http://www.chanhphap.net/>).

Trong khi đó, **điền giả Đỗ Quý Toàn** đã nổi tiếng với nhiều hoạt động đa dạng từ Việt Nam: nhà thơ, nhà biên khảo, nhà báo, huynh trưởng Hướng Đạo, công tác xã hội, giáo sư. Sau đây là sơ lược tiểu sử vài dòng về Cư Sĩ **Chân Văn Đỗ Quý Toàn**, theo trang nhà Luân Hoán. Bên cạnh tên riêng, ông còn dùng nhiều bút hiệu như Ngô Nhân Dụng, Vương Hữu Bột, Chân Văn... Sinh năm 1939 tại

Kỷ yếu Hội Luận 2011 - Đuốc Tuệ

Bắc Ninh. Năm 1954, cư ngụ tại Sài Gòn. Ông là giáo sư văn chương ở các trường Chu Văn An, Nguyễn Du. Khởi sự viết văn làm thơ từ 1955. Bài viết của ông thường đăng ở Ngàn Khói, Văn Nghệ, Sống, Lửa Việt, Tân Dân... Đỗ Quý Toàn còn là một huynh trưởng hướng đạo Việt Nam, hăng say hoạt động xã hội. Sau 1975 định cư ở Montréal, Canada, đã dạy học tại các trường Võ Bị Hoàng Gia St. Jean, đại học Concordia, đại học McGill, đại học Québec tại Montréal (UQAM). Ông đã in nhiều tác phẩm trong nhiều thể loại. Hiện định cư ở Quận Cam, California, viết thường xuyên cho nhật báo Người Việt.

Hội luận về vai trò cư sĩ này được tổ chức bởi Hội Phật Học Đuốc Tuệ, một tổ chức đã hoạt động từ hơn 8 năm qua tại Quận Cam, từng được Hội Trưởng là cụ Mật Nghiêm Đăng Nguyên Phả giải thích tôn chỉ là “*Vì đời phụng sự, vì đạo dẫn thân.*”

Trong 7 năm qua, Hội Đuốc Tuệ liên tục tổ chức gần một trăm pháp hội, với mỗi pháp hội có số người tham dự có khi lên tới 500 người, đã in hàng trăm ngàn bản CD-DVD-MP3 về các tài liệu học Phật gửi đến khắp nơi trên thế giới, đã có chương trình phát thanh trên các hệ thống Radio tại Thủ Đô ty n ạn. . . Được biết, bản thân cụ Hội Trưởng Đăng Nguyên Phả cũng là một nhà thơ nổi tiếng với các chủ đề khuyến tu.

[Source: http://vietbao.com/D_1-2_2-282_4-183685/]



Hội Phật Học Đuốc Tuệ tổ chức hội luận về hồng pháp
Tuesday, December 06, 2011 3:41:26 PM

HUNTINGTON BEACH - Cụ Mật Nghiêm Đăng Nguyên Phả, hội trưởng Hội Phật Học Đuốc Tuệ, xin kính mời đồng bào Phật Tử tham dự một buổi hội luận về “Sự đóng góp của người cư sĩ trong công cuộc hồng pháp tại hải ngoại,” sẽ được tổ chức từ 2 giờ chiều đến 5 giờ 30 chiều Chủ Nhật, 11 Tháng Mười Hai, tại Trung Tâm Sangha, 7641 Talbert Ave., Huntington Beach, CA 92648.



Một buổi hội thảo do Hội Phật Học Đuốc Tuệ tổ chức tại Trung Tâm Sangha hồi Tháng Giêng. (Hình chụp qua màn ảnh video)

Kỷ yếu Hội Luận 2011 - Đuốc Tuệ

Sẽ có năm diễn giả trong buổi hội luận đặc biệt này, là các vị đã và đang hoạt động tích cực trong giới Phật Tử tại gia. Đó là các vị:

1. Đạo hữu Tâm Diệu Nguyễn Xuân Quang, chủ biên trang nhà Thư Viện Hoa Sen, nơi lưu trữ nhiều nhất dưới dạng vi tính điện tử, các thể loại kinh, luật và luận thuộc cả hai truyền thống Phật Giáo Bắc Truyền và Phật Giáo Nam Truyền; cùng các tài liệu nghiên cứu Phật học và các tài liệu liên quan đến kinh nghiệm tu tập từ hai truyền thống nêu trên.

2. Đạo hữu Nguyên Lượng Nguyễn Phước Trí, nổi tiếng về các hoạt động xây dựng gia đình Phật Tử và hiện nay là hội trưởng Hội Cư Sĩ Orange County.

3. Đạo hữu Quảng Phước Huỳnh Tấn Lê, đang giữ vai trò chủ tịch Hội Đồng Điều Hành Tổng Hội Cư Sĩ Việt Nam tại Hoa Kỳ.

4. Đạo hữu Tâm Quang Vĩnh Hảo, chủ biên báo *Chánh Pháp* (<http://www.chanhphap.net>). Từ năm 1991 tới nay, ông đã xuất bản 13 tác phẩm gồm truyện dài, truyện ngắn, thơ và tùy bút.

5. Đạo hữu Chân Văn Đỗ Quý Toàn, tức nhà thơ, nhà giáo, nhà báo Ngô Nhân Dụng (hay Vương Hữu Bột - Ông Đạo Cây v.v...). Ông cũng là một giáo thọ của Làng Mai.

Trong bảy năm qua, Hội Phật Học Đuốc Tuệ liên tục tổ chức gần một trăm pháp hội, với mỗi pháp hội có số người tham dự có khi lên tới 500 người, đã in hàng trăm ngàn bản CD-DVD-

Kỷ yếu Hội Luận 2011 - Đuốc Tuệ

MP3 về các tài liệu học Phật gửi đến khắp nơi trên thế giới, đã có chương trình phát thanh trên các hệ thống truyền thanh tại thủ đô tị nạn.

Được biết, bản thân cụ Hội Trưởng Đặng Nguyên Phả cũng là một nhà thơ nổi tiếng với các chủ đề khuyến tu.

Thư mời ký tên cụ Mật Nghiêm Đặng Nguyên Phả còn cho biết là sẽ có phụ diễn văn nghệ và tiệc trà nhẹ. Vào cửa tự do. Điện thoại liên lạc (714) 425-3938.

<http://www.nguoi-viet.com/absolutenm2/templates/?a=141207&z=3>



Khi Nhà Thơ Hội Luận Với Chủ Đề Cư Sĩ Hoàng Pháp

Phan Tấn Hải

Cư Sĩ Đỗ Quý Toàn, cũng là nhà bình luận Ngô Nhân Dụng, sẽ nói về “Cư Sĩ nên tích cực tham gia hoàng pháp như thế nào?” (Hình hồ sơ VB)



Bạn đã từng đọc một số những bài thơ lãng mạn, và đôi khi bạn muốn gặp các tác giả để nói chuyện, để chất vấn những vấn đề mà bạn nghĩ là nghiêm trọng hơn đối với quê nhà, đối với Phật Giáo?

Kỷ yếu Hội Luận 2011 - Đuốc Tuệ

Vào cuối tuần này, sẽ có một cơ duyên như thế, đối với 2 nhà thơ trước giờ vẫn được nhìn như là trường phái thơ mộng. Nhà thơ Đỗ Quý Toàn, trong bài *Tự Tình*, in trong tập thơ “Nàng,” đã từng viết những dòng như sau:

*“Hãy yêu chàng thật lâu
Yêu chàng mãi mãi
Quanh năm suốt bốn mùa
Lấy mùa đông làm xương
Mùa xuân làm da thịt
Mùa thu làm mắt xanh tóc biếc
Mùa hạ làm máu chảy ấm tim
Hãy yêu chàng bằng thân thể đó.”*

Vào Chủ Nhật 11-12-2011, nhà thơ sẽ xuất hiện trong cương vị Cư Sĩ Chân Văn Đỗ Quý Toàn tại Sangha Center để nói về đề tài, “Cư Sĩ nên tích cực tham gia hoàng pháp như thế nào?” Xin các bạn lãng mạn đừng vội thất vọng, vì đó cũng là một đề tài cực kỳ thơ mộng trong một thời khói lửa ngút trời như hiện nay.

Nơi một góc văn chương khác, bạn cũng đã từng đọc thơ Vĩnh Hảo, với những dòng thơ cháy bỏng, đủ để lôi kéo nàng theo luân hồi cả trăm kiếp nữa, thí dụ như bài *Đôi Môi*, trích:

*“Nụ cười nào tàn trên môi tươi
Không giấu nổi kiêu sa một thời
Anh đến bên em một chiều nắng nhạt
Dâng lời yêu cho tình sâu vơi
Ôi môi trăm năm ngát ngậy hồn phiêu bạt
Nét xuân thì còn ngọt thơm hoa
Say hôn em một đêm hò hẹn
Đáy tình này vương mãi một màu môi...”*

Kỷ yếu Hội Luận 2011 - Đuốc Tuệ

Tương tự, nhà thơ trong vai trò Cư Sĩ Tâm Quang Vĩnh Hảo, sẽ nói chuyện về đề tài, “Cư Sĩ mọi thời - Nội dung và đối tượng hoằng pháp của người Cư Sĩ.” Cũng trong buổi hội luận, bên cạnh nhà thơ Đỗ Quý Toàn và ba vị Cư Sĩ khác.

Nơi đây, bạn có thể hỏi Đỗ Quý Toàn rằng có phải “Hãy yêu chàng bằng thân thể đó” có phải là phương pháp “Niệm thân” trong pháp tu? Niệm Xứ do Đức Phật dạy hay không.

Và tương tự, bạn có thể chất vấn Vĩnh Hảo rằng khi đề “tình này vương mãi một màu môi” thì kiếp nào mới n hạt nổi son môi để bước vào cõi giải thoát?

Một thư mời do Cư sĩ Mật Nghiêm Đăng Nguyên Phả, Hội Trưởng Hội Phật Học Đuốc Tuệ, phổ biến cho biết rằng sẽ có một buổi hội luận với chủ đề vai trò người cư sĩ trong hoàn cảnh hải ngoại sẽ được tổ chức, với 5 diễn giả là những cư sĩ đã hoạt động tích cực trong vai trò hộ pháp nhiều thập niên qua, hội luận sẽ có chủ đề Sự Đóng Góp Của Người Cư Sĩ Trong Công Cuộc Hoằng Pháp Tại Hải Ngoại, từ 2 giờ chiều đến 5 giờ 30 chiều Chủ Nhật, 11 tháng 12 -2011 tại Trung tâm Sangha, 7641 Talbert Ave, Huntington Beach, CA.92648. Điện thoại liên lạc: 714.425.3938.

Thư Mời viết:

“Trân trọng kính mời quý Đồng hương Phật tử đến tham dự Hội Luận để trao đổi ý kiến hầu cùng nhau làm tròn vai trò người Cư sĩ trong hoàn cảnh hải ngoại hiện tại.

Diễn giả được thỉnh mời tham gia và Đề tài dự trù được trình bày:

Kỷ yếu Hội Luận 2011 - Đuốc Tuệ

- Đạo hữu Tâm Diệu Nguyễn Xuân Quang - Vận dụng bài học lịch sử cận đại về hoàng pháp của các Cư sĩ tiền bối.
- Đạo hữu Nguyễn Lượng Nguyễn Phước Trí – Kinh nghiệm về sinh hoạt hoàng pháp của Cư sĩ trong lúc hợp tác với các Tự viện.
- Đạo hữu Quảng Phước Huỳnh Tấn Lê – Kinh nghiệm hoàng pháp của Tổng hội Cư sĩ trong giới trí thức hải ngoại.
- Đạo hữu Tâm Quang Vĩnh Hào – Cư sĩ mọi thời - Nội dung và đối tượng hoàng pháp của người Cư sĩ.
- Đạo hữu Chân Văn Đỗ Quý Toàn – Cư sĩ nên tích cực tham gia hoàng pháp như thế nào?”

Đặc biệt, chương trình sẽ có trình diễn văn nghệ và tiệc trà nhẹ. Vào cửa tự do.

Được biết, cả 5 vị sư sĩ diễn giả đều là những người hoạt động nhiều thập niên cho việc hộ pháp và hoàng pháp từ khi còn ở VN cho tới khi ra hải ngoại.

Trong khi cư sĩ Nguyễn Lượng Nguyễn Phước Trí nổi tiếng về các hoạt động xây dựng Gia Đình Phật Tử và hiện nay là Hội trưởng Hội Cư Sĩ Orange County, cư sĩ Quảng Phước Huỳnh Tấn Lê là Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành Tổng Hội Cư Sĩ, và cả hai đều gánh vác nhiều Phật Sự giúp chư tăng ni và các tự viện.

Một diễn giả khác, Cư Sĩ Tâm Diệu là Chủ biên Trang nhà Thư Viện Hoa Sen, hiện nay có lẽ là trang nhà Phật Giáo nhiều tài liệu, bài viết, sách, và hồ sơ Việt Ngữ nhất toàn cầu. Cư Sĩ Tâm Diệu cũng là tác giả nhiều sách về Phật Học.

Được biết, trong 7 năm qua, Hội Đuốc Tuệ liên tục tổ chức gần một trăm pháp hội, với mỗi pháp hội có số người tham dự

Kỷ yếu Hội Luận 2011 - Đuốc Tuệ

có khi lên tới 500 người, đã in hàng trăm ngàn bản CD-DVD-MP3 về các tài liệu học Phật gửi đến khắp nơi trên thế giới, đã có chương trình phát thanh trên các hệ thống Radio tại Thủ Đức ty nạn. . . Bản thân cụ Hội Trưởng Đặng Nguyên Phả cũng là một nhà thơ nổi tiếng với các chủ đề khuyến tu.

Đặc biệt, ai cũng có thể tham dự hội luận, và những câu hỏi đưa ra, dù ể chất vấn các nhà thơ, cũng không đòi hỏi viết theo hình thức thơ hay kệ, văn xuôi đời thường là đủ.

http://www.vietbao.com/D_1-2_2-67_4-184284_15-2/

Kỷ yếu Hội Luận 2011 - Đức Tuệ

Kỷ yếu Hội Luận 2011 - Đuốc Tuệ

Phần Hai

Trình bày tại Hội Luận



Kỷ yếu Hội Luận 2011 - Đức Tuệ

CHÚT TÂM SỰ ĐỂ MỞ ĐẦU NGÀY HỘI LUẬN

Mật Nghiêm Đặng Nguyên Phả

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính thưa quý vị trưởng thượng, Quý vị Thiện Tri Thức, Quan Khách và Đền giả, Quý vị thân hữu Phật tử, quý vị đồng hương và toàn thể Pháp Hội.

Chúng tôi, Mật Nghiêm, xin đại diện hội Phật học Đuốc Tuệ và ban tổ chức, kính gửi lời chào mừng an vui, thanh tịnh và tinh tấn đến toàn thể quý vị.

Kính xin chư Phật, chư Bồ Tát mười phương, cùng chư Thiên, chư Tiên các cõi, chư vị Thiên Long Bát bộ và chư vị Hộ pháp thiện thần, ban lực và hộ trì cho Pháp hội hôm nay, đi đúng con đường chánh pháp và được viên thành.

Kính thưa toàn thể quý vị,

Khi chúng tôi được đề cử ngỏ lời khai mạc thì tôi nhận lời, nhưng trong lòng phân vân không biết nói gì và khởi sự từ đâu và vì sao lại tổ chức Pháp hội này với chủ đề về “*Hoằng Pháp của người Cư sĩ*”. Từ xưa đến nay, theo truyền thống thì việc Hoằng Pháp là của Tăng sĩ còn Cư sĩ thì chỉ hộ pháp mà thôi. Nói một cách bình dân và dễ hiểu cho các em nhỏ ở đây hiểu hơn và thấy đúng hơn là vai trò Hộ pháp tức là để Thầy Cô “sai”, chỉ đâu đánh đó, chứ biết gì giáo lý mà hoằng pháp?

Kính thưa quý vị, Chúng tôi thì nghĩ khác, nếu có gì sai trái thì xin đến giờ thảo luận Quý vị Thiện tri thức sửa sai cho. Trong kinh Pháp Cú, Phật nói: “*Hạnh phúc thay tứ chúng đồng tu*”

nghĩa là Tăng Ni và Cư sĩ nam nữ, đều cùng tu cả và tu học Phật pháp, hành pháp và hoằng pháp đủ cả ba phần mới là trọn vẹn. Và như thế thì quý Tăng Ni là những người truyền pháp còn cư sĩ là người “*Đem Đạo vào đời, sống đạo nơi đời*” đúng là hành pháp và hoằng pháp đấy! Trong cuốn Cẩm Nang Cư Sĩ của cư sĩ Tâm Diệu đương có mặt tại đây và là diễn giả hôm nay, ở trang 44 có dẫn lời Hòa Thượng Thích Thanh Từ như thế này: “*Giờ rảnh rồi, Phật tử nói chuyện thân mật trong gia đình, hoặc đi thăm người láng giềng đau yếu . . . đều là những buổi thuyết pháp linh động của cư sĩ. Cách ăn ở trong nhà, sự đối xử với hàng xóm hợp đạo lý ấy là bài thuyết pháp sống của cư sĩ tại gia. Phật tử tại gia thực hiện được nhiệm vụ mình mới là hộ pháp chân chính*”.

Như vậy thì vị trí của người Cư sĩ Phật tử tại gia “Sống Đạo nơi đời” thật là quan trọng, đó là lý do vì sao chúng tôi chọn chủ đề về việc Hoằng Pháp của người Cư sĩ hôm nay. Tóm lại: Các Thầy Cô truyền pháp và làm trách vụ độ sanh, độ tử cầu an, cầu siêu trong nghi thức giáo pháp, còn người Cư sĩ thì sống Đạo nơi đời, đem đạo vào đời cũng là Hoằng pháp.

Tuy nhiên, hoàn cảnh chúng ta, những người Phật tử hải ngoại sống trong môi trường mới và nền văn hóa mới mà không bị lôi cuốn, không bị mất đi bản chất dân tộc, đó mới là vấn đề. Rồi làm sao để lớp trẻ Việt Nam ở đây không quay lưng đi, không bị dụ dỗ, mà bắc được nhịp cầu đạo pháp giữa ông bà, cha mẹ với con cháu, đó là vấn đề thứ hai. Vấn đề thứ ba là khi bước chân đến quê người, chúng ta phải làm lại từ đầu cuộc sống xã hội và tâm linh vậy thì chúng ta còn lại được gì và cần xây dựng những gì về mặt tinh thần. Thứ tư là sinh hoạt Phật giáo hiện nay đã hiệu quả chưa? Phải làm thế nào để vừa hội nhập vừa phát triển tốt về hai mặt đời sống xã hội và đời sống tâm linh song hành? Thứ năm là chúng ta hiện giờ tu hành thế nào? Đã tu chưa và có đúng đường không? Đó là

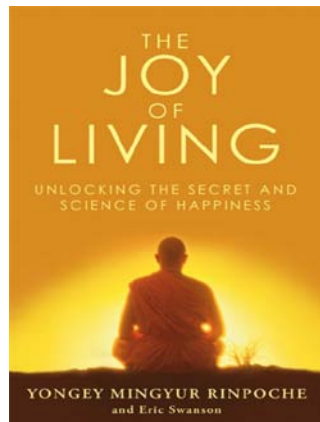
Kỷ yếu Hội Luận 2011 - Đuốc Tuệ

những câu hỏi mà chúng tôi thường băn khoăn ấp ủ lâu nay! Buổi hội luận này có lẽ chỉ bàn thảo được một phần nào thôi, hy vọng trong tập Kỷ Yếu sẽ ra được sự đóng góp nhiều và soi sáng được các vấn đề khác. Kính xin quý vị đóng góp gửi bài hoặc cảm nghĩ hay ý kiến cho Đuốc Tuệ trong vòng từ nay đến cuối năm để sang năm 2012 chúng ta có tài liệu trao đổi để cùng tham khảo và thực hành.

Kính thưa toàn thể quý vị,

Trong năm nay có 3 sự kiện thế giới được ghi nhận làm tôi suy nghĩ, hôm nay xin đem ra trình lên quý vị để cùng nhận định:

■ Thứ nhất là vào tháng sáu vừa qua, tờ báo lớn của Anh là *The Guardian* đã đăng một bài về một tu sĩ Phật giáo Tây Tạng với đầu đề “*Mingyur Rinpoche, the millionaire monk who renounced it all*” tức: Mingyur Rinpoche, nhà sư triêu phú xả bỏ hết thảy. Nói về một Lạt Ma Tây Tạng nổi tiếng tại Anh, sinh năm 1975, đã viết nhiều sách PG thuộc loại Best seller như cuốn *The Joy of Living – Sống An Lạc* -, đã có nhiều đạo tràng và đi truyền giảng khắp thế giới.



Ông có những cơ sở và tài sản hàng nhiều triệu Anh kim, thường sống ngay tại tu viện ở Bồ Đề Đạo Tràng Ấn Độ, thuộc dòng Kagyupa. Sau 10 năm ẩn tu thiền định và hai chục năm truyền dạy pháp môn cho hàng chục ngàn người, trong đó có rất nhiều người Tây phương. Rồi một ngày đẹp trời đầu tháng 6 năm 2011, Ngài đã bỏ lại tất cả lưu lại một lá thư để từ giã đệ tử để lên núi tuyết Hymalaya tu, hẹn ngày trở lại. Người ta thấy Ngài bỏ lại cả cell phone, bàn chải đánh răng và tất cả những đồ trang trí của 1 người thời đại. Việc này nói lên một sự từ bỏ tiền tài danh lợi mà người Tây phương cho là trong lúc thành công mà buông bỏ. Điều thứ hai là tuổi đời mới 36 là tuổi nên danh vào đời mà lại xả ly. Chỉ có người quyết đi tìm đạo và một ý chí giải thoát rốt ráo mới thực hiện hành động này.

■ Thứ nhì là việc mà có lẽ số đông các vị theo dõi thời sự đều đã biết. Đó là vào ngày 5 tháng 10 năm 2011, sự ra đi của Phật tử người Mỹ, người sáng lập công ty sản xuất máy Iphone, Ipad v.. v.. là hãng Apple, đó là ông Steve Jobs. Ông đã sống đúng tinh thần của người Phật tử dấn thân phụng sự nhân sinh, phát huy sáng tạo làm thay đổi thế giới về mặt tin học. Ông ra đi ở tuổi 56, sau một thời gian đấu tranh với sống chết, khi bị ung thư tụy tạng. Ông đã bình an radi, để lại một bài học về nhân duyên, về tình yêu và cuộc sống và cái chết nhẹ nhàng, làm cả thế giới tiếc thương. Đó là một sự sống đạo của người Phật tử mà ta phải thân phục và noi gương.

Kỷ yếu Hội Luận 2011 - Đuốc Tuệ

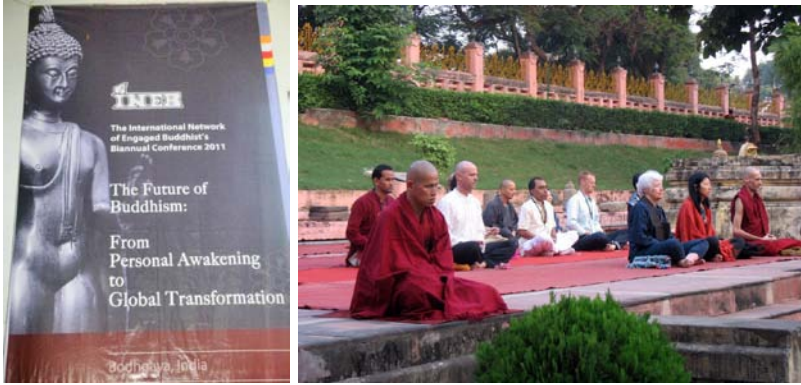


■ Thứ ba là vào ngày 19 tháng 11 vừa qua, tổ chức INEB tức mạng lưới quốc tế của các Phật tử dân thân (*International Network of Engaged Buddhists*) họp đại hội gồm 20 quốc gia tại New York, đã đề ra những đòi hỏi về hòa bình, công bằng xã hội, nhân quyền và bình đẳng giới tính, cùng bảo vệ môi sinh. Có 3 điểm mà tôi quan tâm nhất là:

- Cải cách và phục hồi các tổ chức Phật giáo
- Trẻ hóa và phát triển đội ngũ lãnh đạo tâm linh
- Thúc đẩy hợp tác đối thoại giữa các tôn giáo

Tổ chức Phật tử dân thân này được thành lập từ năm 1989 tại Thailand, để đáp ứng thời đại mới.

Kỷ yếu Hội Luận 2011 - Đuốc Tuệ



Ba sự kiện thế giới chúng tôi vừa kể trên là những tiếng chuông thức tỉnh trong tôi, thúc đẩy chúng tôi nỗ lực hơn trong việc Phật giáo hóa cuộc sống gia đình và xã hội, đó là động cơ khiến chúng tôi tích cực tổ chức buổi Hội Luận hôm nay.

Cuối cùng, xin kính chúc Pháp Hội thành công tốt đẹp.

Califonia, ngày 11 tháng 12 năm 2011

Mật Nghiêm Đăng Nguyên Phả



Chào mừng

*Xin một lần cùng nhau ngồi lại
Để chân thành bàn chuyện dài lâu.
Dòng luân hồi cứ trôi đi mãi
Tử rồi Sinh, ta sẽ về đâu ?
Ngàn vạn kiếp đổi thay thân xác.
Phật dạy tu “cứu hỏa cháy đầu”
Chúng sinh vẫn vui trong nhà lửa
Không chịu ra dù Phật bắc cầu.*

*Hôm nay gặp nhau nơi hải ngoại
Là nhân duyên nối kết từ lâu.
Xin Tam Bảo hộ trì Pháp hội
Soi sáng Tâm chuyển hóa Nghiệp sâu
Cho chúng con thấy đường đi tới
Giải thoát theo Phật Pháp nhiệm mầu.*

Nam mô Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Mật Nghiêm

VẬN DỤNG BÀI HỌC LỊCH SỬ CẬN ĐẠI VỀ HOẢNG PHÁP CỦA CƯ SĨ TIỀN BỐI

Tâm Diệu Nguyễn Xuân Quang

Nam-Mô Bồn-Sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật

Kính bạch chư Tôn đức,
Kính bạch chư vị Cư sĩ,
Kính thưa quý Quan khách và toàn thể quý Đạo hữu,

Kính thưa quý vị,

Thật là một vinh hạnh lớn lao cho chúng tôi hôm nay được đến đây tham dự buổi hội luận về vai trò hoảng pháp của người cư sĩ Phật Giáo tại hải ngoại.

Như quý vị đều biết, đạo Phật đã từng gắn bó với dân tộc, đã bao phen thăng trầm, lúc thịnh lúc suy. Vào thời đại nhà Lý và nhà Trần, Phật giáo đã phát triển cực thịnh, được xem là quốc giáo. Đến thời nhà Hậu Lê rồi nhà Nguyễn, Phật giáo đi vào thời kỳ suy thoái, nhường vị trí quốc giáo cho Nho giáo. Đến khi người Pháp mang quân xâm chiếm nước ta, đặt nền đô hộ trên đất nước này, thì đạo Phật lại càng suy đồi, mất hết cả những gì thuần túy mà chỉ còn như là một tôn giáo thờ thần với nhiệm vụ chính là lo việc cúng bái.

Mãi cho đến những thập niên của đầu thế kỷ thứ 20, do ảnh hưởng phong trào chấn hưng Phật giáo trên thế giới, Phật giáo Việt Nam cũng chuyển mình phục hưng, khởi đầu từ các đô

thị miền Nam rời miền Trung với các đóng góp quan trọng của quý Hòa Thượng Khánh Hòa và Hòa Thượng Thiện Chiếu.

Bên cạnh các bậc cao tăng thời đó, còn có nhiều vị cư sĩ tiền bối đã góp phần rất lớn trong công cuộc hoằng dương Phật pháp mà kết quả là chúng ta đang được thừa hưởng hoa trái ngày nay. Đặc biệt trong lãnh vực giáo dục Phật giáo, có khá nhiều cư sĩ học giả uyên thâm Phật Pháp tham gia giảng dạy bộ môn Phật học trong các khoá huấn luyện cư sĩ Phật tử, chủ trì những phiên thảo luận Phật pháp tại các đạo tràng và có một số lên bục giảng dạy cho quý Tăng Ni ở một số trường Phật học từ bậc trung cấp đến bậc đại học.

Đại biểu cho những vị cư sĩ này, chúng ta phải kể đến cư sĩ bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám, cư sĩ Chánh Trí Mai Thọ Truyền, học giả Đoàn Trung Còn, giáo sư Cao Hữu Đính, GS. Nguyễn Đăng Thục, v.v... Các vị cư sĩ này đã nổi bước theo các bậc đại cư sĩ xuất chúng tiền bối trong lịch sử Phật Giáo Việt Nam như đức vua Trần Thái Tông, tác giả tập văn nổi tiếng *Khóa Hư Lục*, ngài Tuệ Trung Thượng Sĩ, thầy dạy của đức vua Trần Nhân Tông, sơ tổ thiền phái Trúc Lâm. Các ngài đã làm cho Phật giáo triều đại nhà Trần lên đến cực thịnh.

Kính thưa quý vị,

Nếu nói về tiểu sử và công nghiệp hoằng pháp của các bậc cư sĩ tiền bối hữu công, chắc có lẽ phải viết thành nhiều quyển sách. Hôm nay trong phạm vi rất giới hạn thời gian, chúng tôi chỉ có thể trình bày một vài nét về công nghiệp hoằng pháp của ba bậc cư sĩ tiêu biểu trong những đại biểu cư sĩ trí thức tiền bối thời cận đại của chúng ta như là **những bài học để chúng ta chiêm nghiệm và noi theo**. Đó là cư sĩ bác sĩ Tâm

Minh Lê Đình Thám, cư sĩ Chánh Trí Mai Thọ Truyền và cư sĩ học giả Đoàn Trung Còn.

Tuy ở các miền khác nhau nhưng cả ba vị cư sĩ này sinh cùng thời, chỉ cách nhau vài tuổi, bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám sinh năm 1897 ở Huế, cư sĩ Chánh trí Mai Thọ Truyền sinh năm 1905 ở Bến Tre và học giả Đoàn Trung Còn sinh năm 1908 ở thành phố Vũng Tàu. Cả ba vị không quen biết nhau nhưng cùng gặp nhau ở một điểm: “*Trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sinh*”. Cả ba vị, trong suốt cuộc đời, đã không chỉ làm tròn vai trò hộ trì Phật Bảo, Hộ trì Pháp bảo và Hộ trì Tăng bảo mà còn làm tròn một cách xuất sắc trong vai trò của một vị xuất gia về trách vụ Hoằng Pháp.

CƯ SĨ TÂM MINH LÊ ĐÌNH THÁM

Kính thưa quý vị,

Trước hết và trên hết phải kể đến một vị cư sĩ mà có thể nói rằng từ các em Phật tử đồng ấu trong tổ chức Gia Đình Phật Tử ở trong nước cũng như ở hải ngoại, đến quý Tăng Ni và



Phật tử cao tuổi hiện thời đều biết đến, đó là bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám, người mà hành trạng đã gắn liền và rực sáng trên dòng sử Phật giáo Việt Nam, đặc biệt là sự nghiệp vun bồi cho một phong trào giáo dục tuổi trẻ Phật Giáo được hình thành từ những thập niên

1930 mà khởi đầu là Ban Đồng Ấu Phật Giáo của *An Nam Phật Học Hội* ở Huế rồi phát triển dần qua nhiều giai đoạn,

với những danh xưng như *Gia Đình Phật Hóa Phổ* rồi *Thanh Niên Đức Dục* cho đến năm 1951 chuyển mình thành một tổ chức thống nhất: *Gia Đình Phật Tử Việt Nam*.

Ông là đệ tử của Hòa thượng Thích Giác Tiên ở Huế, được ngài đặt cho pháp danh là Tâm Minh. Trong thời gian làm việc tại bệnh viện Qui Nhơn tỉnh Bình Định, ông được thân cận với Hòa thượng Thích Phước Huệ tại chùa Thập Tháp. Hòa Thượng yêu cầu ông nghiên cứu các bài giảng của Ngài Thái Hư Đại sư bên Trung Hoa về cách thức tổ chức giáo hội Phật giáo bên ấy và suy nghĩ cải cách thế nào cho phù hợp với tình hình Phật giáo nước nhà. Sau khi nghiên cứu, ông đã đệ trình dự án tổ chức lên chư Hòa thượng Thích Phước Huệ, Thích Giác Tiên, Thích Giác Nhiên, Thích Tịnh Khiết, và Thích Tịnh Hạnh... và đã được các Ngài chấp thuận phương án tổ chức Giáo hội Phật Giáo Việt Nam. Thế là *Hội An Nam Phật Học* đầu tiên ra đời ở miền Trung (1932) nhằm mục đích hoằng truyền chánh pháp. Trụ sở đầu tiên của hội đặt ở chùa Trúc Lâm, sau đó là chùa Tr Đàm, Huế. Ông làm Hội trưởng và các Hòa thượng làm cố vấn cho Hội.

Kính thưa quý vị,

Nói về công nghiệp hoằng pháp, bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám đã để lại ba dấu ấn quan trọng cho hàng hậu học. Đó là (1) giáo dục Phật giáo cho tuổi trẻ, (2) đào tạo tăng tài, và (3) hoằng pháp cộng đồng qua các công trình nghiên cứu, dịch thuật, biên tập và xuất bản kinh sách cũng như ra báo Phật giáo hàng tháng.

Dấu ấn thứ nhất trong công nghiệp hoằng pháp của Bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám là ông lấy giáo lý đạo Phật, làm nền tảng đạo đức căn bản để **giáo dục tuổi trẻ** bắt đầu từ cấp đồng

ầu. Ông dùng chùa làm trường học, dùng bóng cây sân chùa làm bực học, đào tạo con người từ tuổi thiếu nhi đến tuổi trưởng thành, thành những con người có tài, có đức cho quốc gia dân tộc.

Dấu ấn thứ hai trong công nghiệp hoằng pháp của Bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám là đào tạo tăng tài. Ông đã nỗ lực giúp sức trong việc **đào tạo tăng tài** qua việc vận động chính quyền và chư tôn đức mở các trường Phật Học từ sơ cấp đến trung cấp và các tụng lâm để chư Tăng Ni tu học. Kết quả mà ông đã đóng góp được trong hơn 13 năm, từ năm 1932 đến năm 1945, vẫn mãi mãi được ghi nhớ đến ngày nay. Một thể hệ Tăng Ni tài ba đã nở rộ, làm nền tảng ho ằng dương chánh pháp và bảo vệ Phật giáo trước những khó khăn thời bấy giờ và cho cả sau này. Chùa Từ Quang, nơi làm giảng đường đầu tiên để đào tạo tăng tài, đã in đậm bóng dáng của ông trong chiếc khăn đóng áo dài màu đen chỉnh tề thành kính đánh lễ chư Tăng Ni trước khi ông bước lên Pháp tòa để giảng kinh cho họ.

Dấu ấn thứ ba của ông là hoằng pháp cộng đồng qua phương tiện truyền thông là báo chí như xuất bản nguyệt san Viên Âm hàng tháng để chuyển tải các bài Phật học và các bài dịch kinh Lăng Nghiêm của ông. Bên cạnh đó là xuất bản các công trình nghiên cứu và dịch thuật gồm 8 quyển sách.

CƯ SĨ CHÁNH TRÍ MAI THỌ TRUYỀN

Kính thưa quý vị,

Ở miền Trung Việt Nam có cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám là cột trụ của công cuộc chấn hưng Phật giáo, thì ở miền Nam có

cur sĩ Chánh Trí Mai Thọ Truyền đã cống hiến nhiều công lao trong việc chấn hưng và xây dựng Phật giáo phương Nam.



Ông là đệ tử của HT.Thích Hành Trụ, giảng sư Phật học tại chùa Long An, được ngài đặt cho pháp danh Chánh Trí. Cũng như bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám, từ ngày quy y ông đã ăn chay trường và tận tụy phục vụ đạo pháp không biết mệt mỏi.

Nói về công nghiệp hoằng pháp, cur sĩ Chánh Trí Mai Thọ Truyền đã để lại ba dấu ấn quan trọng cho hàng hậu học. Đó là (1) Ông đã thể hiện trọn vẹn vai trò của người cur sĩ Phật tử đức độ trong quan trường. (2) Ông thành lập *Hội Phật Học Nam Việt* và đứng ra xây dựng ngôi chùa lịch sử Xá Lợi, làm trụ sở cho hội, (3) Hoằng pháp cộng đồng qua các công trình nghiên cứu, dịch thuật, biên tập và xuất bản kinh sách cũng như ra báo Phật giáo hàng tháng.

Dấu ấn thứ nhất trong công nghiệp hoằng pháp của Cur sĩ Chánh Trí Mai Thọ Truyền là thể hiện trọn vẹn vai trò của người **cur sĩ Phật tử đức độ** trong quan trường. Hầu như suốt cuộc đời, ông phục vụ dân, làm công bộc cho dân, từ cấp tri huyện, rồi quận trưởng, tỉnh trưởng đến bộ trưởng. Làm việc nơi đâu ông cũng được các đồng sự và người dân quý mến vì ông là người liêm khiết, chính trực và đức độ, không xu nịnh cấp trên, không nạt nộ cấp dưới và không hà hiếp dân chúng. Cũng chính vì vậy, có thời kỳ ông phải từ quan vì không chịu nổi cảnh bất bình trước việc quân đội Pháp bố ráp tàn sát dân

chúng mà ông can thiệp không được. Chính phủ không cho, ông bèn cáo bệnh xin đi chữa bệnh.

Dấu ấn thứ hai trong công nghiệp hoằng pháp của Cư sĩ Chánh Trí Mai Thọ Truyền là thành lập *Hội Phật Học Nam Việt* và đứng ra xây dựng ngôi chùa lịch sử Xá Lợi, làm trụ sở cho Hội. Ông làm Tổng thư ký của hội khi mới thành lập và Hội trưởng từ 1955 cho đến ngày ông mất. *Hội Phật Học Nam Việt* đã thành lập trên 40 Tỉnh hội và Chi hội Phật học khắp các tỉnh thành miền Nam. Hội đã mở các lớp Phật học phổ thông tại Sài Gòn cũng như một số tỉnh do chư Thượng tọa Thích Thiện Hòa, Thích Thiện Hoa, Thích Trí Hữu, Thích Quảng Minh, Thích Huyền Vi, Thích Quảng Liên luân phiên diễn giảng. Ông cũng tham gia soạn và giảng một số tiết mục cho học viên. Hàng cuối tuần, tại chùa Xá Lợi, ông còn tổ chức các buổi thuyết pháp cho công chúng do các vị cao Tăng Đại đức trong nước hay nước ngoài diễn giảng.

Dấu ấn thứ ba trong công nghiệp hoằng pháp của Cư sĩ Chánh Trí Mai Thọ Truyền là dịch và trước tác các tác phẩm có giá trị về Phật học cũng là xuất bản tạp chí *Từ Quang* do ông làm chủ nhiệm kiêm chủ bút. Tạp chí này sống gần 24 năm liên tục (1951- 1975) đã đóng góp lớn cho công việc phổ biến Phật học ở Sài Gòn và các tỉnh. Chính ông là người viết thường xuyên trên *Từ Quang* và đã tạo cơ duyên cho nhiều người đến với đạo Phật. Tổng cộng ông đã xuất bản 7 quyển sách Phật Học, trong đó có hai quyển được tái bản rất nhiều lần là *Pháp Hoa Huyền Nghĩa* và *Địa Tạng Mật Nghĩa*. Có một ước muốn lớn lao của ông khi lập *Hội Phật Học Nam Việt* là thành lập một Phật học đường lớn để đào tạo tăng tài, nhưng hoài bão này chưa bao giờ được thực hiện. Tuy vậy, khi Viện Đại Học Vạn Hạnh được thành lập, tạm đặt tại chùa Xá Lợi trong khi chờ xây xong cơ sở, ông nhận làm giảng sư cho Viện

trước tiên, và sau đó ông còn giữ chức Phụ tá Viện trưởng đặc trách hành chánh và tài chánh, kiêm tổng thư ký niên khóa 1967- 1968.

CƯ SĨ HỌC GIẢ ĐOÀN TRUNG CÒN

Kính thưa quý vị,

Nhắc đến hai vị cư sĩ tiền bối hữu công trong lịch sử Phật Giáo cận đại là cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám và cư sĩ Chánh Trí Mai Thọ Truyền, mà không nhắc đến một nhà Phật Học phương Nam khác là một điều vô cùng thiếu sót. Đó là học giả Đoàn Trung Còn.



Ông đã cống hiến trọn đời cho việc phụng sự Phật pháp. Ngoài việc nghiên cứu giáo lý của đức Phật để biết đường tu hành, ông còn nỗ lực truyền bá chánh pháp đến các tầng lớp nhân dân như ôn phận và trách nhiệm của một vị xuất gia, góp công rất lớn cho sự nghiệp chấn hưng Phật giáo và phổ biến Phật học vào giai đoạn nửa đầu thế kỷ 20.

Công nghiệp hồng pháp lớn nhất của ông là công trình dịch kinh, viết sách và in kinh sách. Năm ông 24 tuổi tức vào năm 1932, trong khi ở miền Trung *An Nam Phật Học Hội* ra đời thì ở miền Nam ông sáng lập *Phật Học Tùng Thư* để xuất bản các sách ông biên khảo về Phật giáo và các bộ kinh do ông phiên âm và dịch nghĩa. Song song đó, ông sáng lập thêm *Trí Đức*

Tùng Thư đề xuất bản các bộ sách quan trọng của Nho giáo do ông phiên dịch, với mục đích là duy trì nền đạo học chân chính, hầu giúp cho lớp hậu học biết cách tu thân, tề gia và trị quốc. Từ đó cho đến ngày ông qua đời, ông đã đơn thân độc mã, làm việc tận lực, đã in được **39 tác phẩm Phật giáo** và **12 cuốn đạo giáo khác**.

Nhiều Kinh sách của ông in đến lần thứ hai và cũng có kinh sách in lần thứ ba như quyển Tăng Đồ Nhà Phật, Diệu Pháp Liên Hoa Kinh. Trong công việc trước tác và dịch thuật của ông, công trình to lớn nhất đóng góp cho kho tàng sách Phật giáo là bộ "**Phật học từ điển**" gồm 3 cuốn dày tổng cộng 2415 trang khổ giấy dài. Đây là bộ từ điển Phật học đồ sộ và giá trị nhất từ trước đến năm 2000 khi bộ từ điển *Phật Học Thiện Phúc* ra đời tại hải ngoại. Có thể nói *Phật học từ điển* là một bộ sách tầm cỡ của thư tịch học Việt Nam - nói chung - và Phật học nói riêng. Ngoài ra, một công trình to lớn khác kéo dài nhiều năm là phiên dịch bộ kinh *Đại Bát Niết Bàn* 42 quyển Hán bản mà hiện đã được in lại thành 7 quyển tiếng Việt với sự chú giải của một nhà Phật học uyên thâm Phật Pháp đương thời nổi tiếp: cư sĩ Nguyễn Minh Tiến.

Sách của ông được lưu hành rộng rãi ở khắp các miền từ thời đó và trên khắp thế giới ngày nay. Có lẽ ông là người đầu tiên đưa ra sáng kiến kêu gọi độc giả "**phát tâm ấn tống**" nghĩa là mua sách của Phật Học Tùng Thư với giá đặc biệt để tặng không cho những người muốn học Phật và ông cũng kêu gọi mọi người sau khi đọc sách xong xin chuyển cho người khác cùng đọc.

Công nghiệp hoằng pháp quan trọng thứ hai của ông là cùng với quý sư thuộc phái Lục Hòa Tăng thành lập một tông phái mới vào năm 1955 gọi là Tịnh độ Tông Việt Nam với

mục đích khuyến khích Phật tử tu theo pháp môn Tịnh độ. Lúc mới thành lập, trụ sở của Hội đặt tại chùa Giác Hải ở Phú Lâm, Chợ Lớn, sau dời về chùa Liên Tông cũng do ông vận động xây dựng ở đường Đề Thám. Ông là Trụ Sự Trưởng Ban Chấp Sự Trung Ương.

Đầu thập niên 70, ông Đoàn Trung Còn xuất gia, thọ giới trở thành tu sĩ Thích Hồng Tại. Ông mất ngày 15 tháng 3 năm 1988, hưởng thọ 80 tuổi với trên 50 năm cống hiến cho sự nghiệp phụng sự đạo pháp. Giáo Hội Tịnh Độ Tông Việt Nam tổ chức tang lễ của ông tại chùa Liên Tông, sau đó di quan đến nơi hỏa táng ở đồi Khuynh điệp của Bác sĩ Tín ở Xa Lộ Biên Hòa. Thầy Thích Hồng Tại tức học giả Đoàn Trung Còn, Trụ sự Trưởng Tịnh Độ Tông Việt Nam được hệ phái Tịnh Độ Non Bồng (núi Dinh - Bà Rịa) tôn vinh lên ngôi vị Hòa Thượng sau khi ngài viên tịch.

KẾT LUẬN

Kính thưa quý vị,

Cả ba vị đại cư sĩ mà chúng tôi vừa giới thiệu đều là những người có công lớn lao đối với công cuộc hoằng dương chánh pháp, có thể nói họ là những bó đuốc sáng ngời trong dòng sử Phật Giáo Việt Nam. Vào thời điểm mà kinh sách Phật giáo viết bằng chữ Việt còn rất hiếm, trình độ hiểu biết về giáo lý đạo Phật của đa số quần chúng Phật tử còn rất hạn chế; thì các vị ấy là những người cư sĩ không chỉ lo tu hành cho bản thân, mà còn đem cả tâm huyết nghiên cứu, học hỏi để viết sách, dịch kinh phổ biến cho mọi người cùng tu học. Chúng ta có thể nói rằng giới Phật tử tại gia sống vào những thập niên đầu thế kỷ 20 được nâng cao sự hiểu biết Phật pháp của mình,

ngoài những buổi nghe quý thầy cô thuyết pháp ở chùa, một phần lớn khác cũng đã nhờ đọc những cuốn sách của các vị.

Kính thưa quý vị,

Có một câu khẩu hiệu thường được treo ở một số chùa : **“Phật pháp xương minh do Tăng già hằng hóa, thiên môn hưng thịnh nhờ Đàn việt phát tâm”**. Câu khẩu hiệu này khẳng định vai trò của chư Tăng là hoằng pháp còn người cư sĩ thì lo ủng hộ vật chất trong việc xây dựng chùa chiền, cúng dường tứ sự và các phương tiện cần thiết khác để chư tăng hành đạo . Sự phân công rõ ràng như vậy, vô tình làm giới hạn vai trò của người cư sĩ và làm giảm hiệu quả công việc hoằng pháp chung đến mọi tầng lớp quần chúng. Lịch sử Phật Giáo Việt Nam đã minh chứng khẩu hiệu đó không còn phù hợp với ngày nay . Vào thời cận đại, như chúng tôi vừa giới thiệu ba vị đại cư sĩ xuất chúng của Phật Giáo Việt Nam, các ngài không chỉ làm tròn vai trò hộ trì Phật bảo, hộ trì Pháp bảo và hộ trì Tăng bảo mà còn làm tròn một cách xuất sắc trách vụ của một vị xuất gia trong vai trò Hằng Pháp p. Các ngài đã không thu mình trong phạm vi của ngôi chùa, và không bị hạn chế trong sắc phục của người cư sĩ. Các ngài là bậc tiền bối hữu công thật chói ngời, đã vượt qua ranh giới hình thức để tựu thành đạo nghiệp cao quý cho hàng hậu tấn ngưỡng vọng dù xuất gia hay tại gia. Thật đáng trân trọng và tôn kính.

Trân trọng cảm ơn và kính chào Quý Liệt Vị.

Nam-Mô Bổn-Sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật

Tâm Diệu Nguyễn Xuân Quang

THẬT TÂM, THÂM TÂM & BỒ ĐỀ TÂM LÀ BA SỨC BẬ HOẰNG PHÁP

Nguyễn Lượng Nguyễn Phước Trí

Lời Phật dạy: *Ta là Phật đã thành, Chúng sanh là Phật sẽ thành.*

Chư Tổ dạy: *Mai sau thành Phật ngồi chung một bàn.*

Đạo Phật là đạo Giác ngộ, Từ Bi và Bình đẳng. Giác ngộ không dành riêng cho giới xuất gia hay tại gia, trí thức hay không trí thức, tất cả mọi người có tu theo giáo pháp của Phật đều sẽ thành Phật. Kinh *Pháp Bảo Đàn* đã kể chuyện hai nhân vật kiệt xuất: Ngài Thần Tú và ngài Huệ Năng. Ngài Thần Tú là vị pháp sư, vị Giáo thọ dạy đại chúng tại chùa Đông Thiên ở huyện Huỳnh Mai. Còn ngài Huệ Năng là người không biết chữ, giữ vai trò giả gạo tại nhà trú. Thế mà rốt cuộc, ngài Huệ Năng cũng chứng ngộ và được truyền tâm ấn thành Tổ thứ sáu của Thiền tông Trung hoa.

Trong kinh *Tịnh Danh*, Ngài Bồ Tát Văn Thù tượng trưng cho giới xuất gia còn Ngài Duy Ma Cật tượng trưng cho giới cư sĩ. Hai giới này tương thông ứng hiện với nhau đưa đến sự cao cả tuyệt vời của đạo Phật. Đem Chánh pháp thể hiện vào ân hang cùng của cuộc sống xã hội, tiếp cận với mọi giai tầng chúng sinh, không phân biệt già, trẻ, trí thức hay không trí thức, giàu có hay bần cùng ... mà tạo nên một xã hội tuy phức tạp mà vẫn thanh bình an lạc qua tình thương bao dung của trí tuệ và bình đẳng.

Đạo Phật phát triển từ ba cơ sở “*tình thương, trí tuệ và bình đẳng*”, mà giới xuất gia là phen đậu giữ vững giềng mối tinh thần. Còn giới cư sĩ tại gia thì vun bồi thể chất của đạo, cùng nhau, hai giới đã truyền thức giáo pháp của Phật hơn 2500 năm nay. Sự truyền thức này, không bị dao động hay bị đóng khung trong môi trường nào, dù môi trường đó thanh tịnh hay ô nhiễm hôi tanh trong cuộc sống ta bà. Đạo Phật đã và sẽ còn phát triển qua giáo lý sáng ngời như “*Tứ Diệu Đế, Ba mươi bảy phẩm trợ đạo, Bát Chánh Đạo*”. Giáo lý thuần khiết được thể hiện bằng hình ảnh Hoa Sen sống trong bùn nhưng không hôi tanh mùi bùn.

Chính vì vậy William James đã nói “*Sự khám phá vĩ đại nhất của thời đại chúng ta chính là việc con người có thể thay đổi cuộc sống của mình, chính bằng cách thay đổi thái độ sống*”. Trên cơ sở đó, người xuất gia và cư sĩ tại gia muốn chuyển hóa con người, chuyển hóa xã hội đi đến chỗ toàn thiện, thì hai thành phần này phải giữ vững tâm mình qua ba sự chân thật của tâm đó là: “*Thật Tâm, Thâm Tâm, và Bỏ Dề Tâm*”. Dem tâm chân thật đối xử với mọi người sẽ tạo cho mình, và người có sức sống mãnh liệt vững chãi, đi đến thành công. Niềm tin chân thật qua ba tâm tạo cho xã hội có sức sống tuyệt vời qua ý nghĩa của người hành đạo và xây dựng đạo. Tuy đời sống xã hội lúc nào cũng có mặt phải và mặt trái, mặt trái lúc nào cũng tiêu biểu cho sự đối phó, sự đối phó một cách mãnh liệt, cho nên người đời có câu “*nói thật mích lòng*” nhưng người thật tâm xây dựng đời sống an lành cho xã hội, cho mọi người, thì đâu có ngại gian nguy, khổ nạn. Vì lẽ ấy “*chữ tu và chữ từ*” tuy có chung một vần nhưng không bị sự đảo điên của xã hội làm trở ngại tâm chân thật của người thật, đó là tâm xây dựng đạo và đời. Có trái rộng lòng thương qua sự gạn lọc của tâm hiểu biết thì mới chắc chắn đem lại thành công cho đại chúng. Như vậy, đứng trước đối tượng quần chúng, đem ba

tâm chân thật làm nền tảng để ứng xử với cuộc đời và với tha nhân.

Trước hết, người xuất gia và người cư sĩ thấy rõ bốn vấn đề: 1) Hãy nói những điều quần chúng muốn nói. 2) Hãy quan sát đối tượng có hiểu được hay không hiểu được và hiểu đúng hay mới nói. 3) Phải ứng với thời kỳ nào? 4) Phải ứng với quốc độ nào? Sự hiểu biết qua tầm nhìn quần chúng (đối tượng) không dành riêng cho thành phần xuất gia, vì người cư sĩ có thể đóng vai trò của người xuất gia để làm Phật sự. Người cư sĩ cũng có thể là pháp sư hoằng truyền giáo pháp của Phật, cũng có thể kiến lập đạo tràng cho người cư sĩ cùng tu, cùng học. Nhìn về quá khứ, vào thế kỷ 19-20 tại Việt Nam, ở miền trung, mỗi tỉnh, mỗi quận, mỗi xã đều có trường Bồ Đề dạy cho tuổi thiếu niên về đời và đạo. Lại có các khuôn hội để người cư sĩ cùng nhau đến học hỏi giáo lý và tu luyện bản thân. Tại miền Nam có chùa Xá Lợi là trụ sở chính của người cư sĩ.

Trong lãnh vực kiến lập đạo tràng và gìn giữ đạo tràng, đặc biệt tại Việt Nam, người cư sĩ đóng vai trò hành đạo để hoằng truyền đạo pháp của Đức Phật một cách thiết thực, được thông qua và tương ứng hỗ trợ tinh thần của giới xuất gia. Vậy thử đặt câu hỏi vào thời kỳ này tại đất nước Hoa Kỳ này, người cư sĩ có thể đóng vai trò hăng truyền giáo pháp của Phật được không?

Thomas Jefferson đã nói *“Không một quyền lực nào có thể ngăn cản được một người có thái độ đúng, tinh thần đúng, đạt được mục đích của mình, và không gì trên đời có thể giúp một người có thái độ tinh thần không đúng đạt được thành công”*.

Kinh *Pháp Hoa* phẩm thứ 10 (“Pháp Sư”) và phẩm thứ 19 (“Pháp sư Công đức”) đã xác định rõ vai trò của vị pháp sư hoằng truyền giáo pháp của Đức Phật gồm *“Thọ trì, đọc tụng, thư trả và diễn thuyết”*. Người nào thực hành được một trong

các điều nêu trên đều là pháp sư. Vậy người cư sĩ kiến lập đạo tràng giữ vững đạo tràng, tạo cho người cư sĩ khác có nơi tu, có nơi nghe pháp, có nơi nương tựa thì điều này có nên thực hiện không? Nhất là tại đất nước Hoa Kỳ này.

Nhìn tại Quận Cam (Orange County) nói riêng và các tiểu bang nói chung, đã có các đạo tràng xây dựng, các nơi ấy không có hình bóng của người xuất gia thì sao? Chúng ta nên ý thức rằng “*Đời không đạo, đời không đứng vững - Đạo không đời, đạo ngã nghiêng*” để nhìn một cách thiết thực rằng từ ngàn xưa đến nay, có ngôi chùa nào, có tịnh xá nào xây dựng lên, mà nơi ấy không có bàn tay đóng góp của hàng cư sĩ.

Sức mạnh của Đạo pháp là ở ngay giới cư sĩ và được tương ứng với sự lãnh đạo tinh thần của giới xuất gia. Hai phần trên được đồng nhất thì chắc chắn giếng mỗi đạo sẽ vững vàng phát triển.

Tại Quận Cam có *Tổng Hội Cư Sĩ Phật Giáo*, có *Hội Cư Sĩ Phật Giáo Orange County*, có *Hội Phật Học Đuốc Tuệ* và nhiều đạo tràng khác v.v. Trong kinh *Tứ Thập Nhị Chương* Đức Phật dạy rằng: “*Tự thắng mình là chiến công oanh liệt*”. Thật vậy, nếu chúng ta làm việc toàn nhờ may mắn thì việc làm đó sẽ không còn ý nghĩa, chúng ta không có cơ hội trải dài kinh nghiệm qua trí óc khôn ngoan, tìm tòi và trưởng thành trong cuộc sống. Ví dụ: Làm người hội trưởng của Hội Cư Sĩ Phật Giáo Orange County không chỉ đơn thuần thi hành chức vụ mà còn kiêm thêm nhiệm vụ làm người tài xế trong hai mươi năm qua, để chuyên chở hội viên đến đạo tràng tu tập và sinh hoạt mỗi tối thứ sáu hàng tuần. Chính nhờ kiên trì theo đuổi công việc thiết thực ba tâm “*Thật tâm, Thâm tâm, và Bồ đề tâm*” mới thấy rõ rằng mọi người đi đến chùa tối thứ sáu là mỗi vị Phật, vì người ấy tạo cho thân tâm thanh tịnh, đó chính

là thể hiện tâm Phật vậy. Như vậy, làm tài xế chở các vị Phật đến chùa phước đức biết đường nào. Hội Phật Học Đuốc Tuệ suốt 9 năm qua đã cung thỉnh chư Tôn Đức về thuyết pháp, tại hội trường này, hội trường nọ, gây quỹ tạo ít tiền để ấn tống CD phát không cho thỉnh giả. Nhiệm vụ ấy, nếu không kiên trì thực hiện qua tâm chân thật làm sao giữ vững thỉnh giả đến nghe pháp ngày hôm nay. Như vậy Hội Phật Học Đuốc Tuệ đã thả mồi cho chim ăn một cách thiết thực, và no đủ. Tuy nhiên còn chỗ nghỉ ngơi và luyện tu chưa có, xem như chim chưa có lồng để tạo điều kiện an tâm. Hội Cư Sĩ Phật Giáo Orange County cũng vậy, 20 năm kiến lập đạo tràng, tuy đạo tràng rất bền vững, nhưng sự bền vững ấy cũng nhờ cậy các chùa “làm cái lồng cho hội”, không tự làm chủ và hoàn toàn bị lệ thuộc. Vậy chúng ta hãy nghĩ về sự kiến lập đạo tràng, xây dựng tổ ấm cho đàn chim ???.

Chúng ta hãy bắt đầu từ chính bản thân đi để n thành công. Nhưng mức độ thành công cũng phụ thuộc rất nhiều vào môi quan hệ và giao thiệp của chúng ta. Nói cách khác, “chúng ta khó thành công vượt bực chỉ bằng vào riêng rẽ nỗ lực của chúng ta”.

Zing Zigher đã nói “*Một người sẽ đạt được điều mong muốn khi người đó sẵn sàng giúp người khác đạt được mong muốn của họ*”. Hãy tin để vượt qua mọi thử thách. Hoạt động đúng suy nghĩ, đúng tinh thần thì sẽ đem đến sự thành công một cách chân thật. Hãy dũng cảm đương đầu với những khó khăn, chúng sẽ hoàn toàn tan biến ngay nơi ta.

Đức Phật lúc nào cũng trang trải tình thương cho mọi chúng sanh. Trong kinh *Pháp Hoa*, phẩm Như Lai Thọ Lượng, Ngài đã nói: *Ta hằng nghĩ thể này - Lấy gì cho chúng sanh -Được vào huệ vô thường - Mau thành tựu Phật thân*. Ngài đã trang trải tình thương đến chúng ta. Chúng ta hãy tiếp nhận lấy và

chuyển tải lòng thương chân thật đó đến mọi người. Năm trăm người con của các vị trưởng giả tại thành Tỳ Xá Ly đem năm trăm cây lọng cúng dường lên Đức Phật, kết hợp thành cây lọng lớn để kiến lập đạo tràng, khiến mười phương chư Phật đều hiện rõ bên trong, biến thành một đạo tràng trang nghiêm thanh tịnh.

Hãy tự mình thắp đuốc lên mà đi, đi đến làng người, đi đến từng người con Phật, không ngại khó khăn, chông gai. Thanh sắt trui qua ngọn lửa sẽ trở thành thanh kiếm chặt đứt mọi khó khăn phiền não. Cửa chùa luôn mở rộng, nhưng chúng ta phải vươn lên để tự chủ, không bị lệ thuộc vào nơi nào.

Thời đại Lý Trần, quốc sư Phù Vân đã dạy: *Trong non không có Phật, Phật ở trong lòng người hướng về Phật, Đức Phật hiện hữu ngay ở đó.* Như vậy, chúng ta hiểu và thực hành theo đạo qua tuệ giác, khi ta sáng suốt nhìn thấy sự vật đúng như thật thì đó là nhiệm vụ của người cư sĩ, tiếp nối hỗ trợ chương trình Hoằng Pháp của hàng xuất gia, chúng ta hãy tỉnh táo, sáng suốt, ở vị trí nào cũng thành tựu làm lợi ích cho đạo.

Thái độ sống là tất cả, nếu biết thay đổi cách suy nghĩ, chúng ta có thể thay đổi được cuộc đời, đem đời vào đạo qua sự dân thân phục vụ đạo pháp. Việc hỗ trợ hoằng pháp thành công tùy thuộc vào ý chí và trí tuệ chúng ta. Hãy nuôi dưỡng và phát triển trí tuệ để làm tròn nhiệm vụ của người cư sĩ.

Nguyễn Lượng Nguyễn Phước Trí

NGHIỆP HOÀNG PHÁP: HÃY GIỮ LINH HỒN CHO NHAU!

Huyền Độ Đỗ Vinh

Sống trong một xã hội mà đại đa số người Hoa Kỳ đều theo đạo Thiên chúa giáo, người Phật tử không khỏi cảm thấy cô đơn và cô lập giữa giòng đời trôi chảy với bao nhiêu tất bật, bao nhiêu thử thách chỉ vì miếng cơm manh áo... Từ tư gia tới nhà trường, từ công xưởng tới pháp đường, người Phật tử chỉ cầu mong tìm được đến sự “an lành” thì đã cảm thấy thành công và hạnh phúc lắm rồi!

Là thiếu số ở “xứ lạ quê người”, trong tư thế “thụ động”, người Phật tử chúng ta, (trong đó có những “tu sĩ” lẫn “cư sĩ”) đã làm quen với sự nhẫn nhịn, hỹ xã, và bỏ mặc cho ứng xử cố chấp của những kẻ chưa “đắc đạo”. Chúng ta h quyết tâm nhất định xa lìa tham-sân-si, trong khi chung quanh chúng ta là bao nhiêu người tham vọng, manh tâm tranh chấp mọi thứ? Như vậy, chúng ta hy vọng gì ở xã hội Tây phương với hệ thống kinh tế tư bản, mà nguyên lý chủ đạo lại căn cứ trên mạnh thắng yếu, tích cực thắng tiêu cực, năng động thắng thụ động?

Tôn giáo của người Tây phương chú trọng sự truyền bá, phát huy tới “tận trái đất”, trong khi người Phật tử chỉ cầu mong “*một mảnh đất thừa để dựng ngôi chùa nhỏ*”. Xem như vậy có bạc nhược yếm thế không? Thực tế là người Phật tử chúng ta chỉ quây quần trong cộng đồng người Việt mà không thể nào chia sẻ tôn giáo của chúng ta với các cộng đồng bạn? Nếu quả dung như vậy thì bàn gì nữa về “hoàng pháp” bởi vì

Chánh pháp của Đức Phật, do đó, chỉ tồn tại biệt lập trong cộng đồng chúng ta mà không thể phát triển xa hơn.

Nếu “hoàng pháp” có nghĩa là đóng cửa “*tu tại gia*” để đạt tới tình trạng “*thân tâm an lạc*” cho cá nhân chúng ta và gia đình chúng ta thì hẳn là chúng ta chỉ “hoàng pháp” cho nhau mà thôi, thế nào cũng dẫn đến sự mai một và dần dần đưa đến chỗ triệt thoái. Những người trẻ chúng ta hiểu gì về “hoàng pháp” và chúng ta có khả năng giải thích cho người trẻ hay người ngoài về ý niệm này không? Chúng ta có thể vượt lên trên rào cản của ngôn ngữ và văn hóa hay không? Chúng ta có thể hội nhập được xã hội của người bản xứ đến mức có thể thâm nhập giòng chính với những khái niệm riêng biệt của chúng ta về đạo pháp? Nhưng nếu chúng ta thật sự làm được điều này thì tại sao phải làm? Động cơ nào thúc đẩy? Giải thích như thế nào?

Hoàng pháp có phải là “nghiệp” hay không? Trước hết, phải hỏi “nghiệp” là gì? “Nghiệp” tức là *Yét-ma* (zh. jiémó 羯磨, ja. katsuma) là từ phiên âm chữ *karma* trong tiếng Phạn, là việc làm, hành vi (nghệp 業, tác ...) Vậy, tất cả những gì chúng ta làm đều tạo nên “nghiệp”, và “nghiệp” cũng là động cơ thúc đẩy chúng ta có những hành vi tốt hay xấu, công hay tội. Động thái “hoàng pháp” có khả năng tạo nên nghiệp tốt, và từ cái nhân đó, chúng ta sẽ gặt hái được những “quả” -- đó là sự an lành, không hơn không kém. Bởi vì khi chúng ta chia sẻ sự an lành cho người khác thì chúng ta cũng thụ hưởng được sự an lành từ ngược lại với chúng ta, thay gì phải phân đấu, tranh giành với nhau trùng trùng điệp điệp trong sự xáo trộn vô cùng vô tận.

Nhìn sang những cộng đồng quốc gia khác, thấy muôn trùng sự cố chấp, tranh chấp, đưa đến sát hại, chiến tranh triền

miên... Chúng ta hãnh **ch** là người Phật tử, sống với lý tưởng hòa bình, nhưng không thụ động, không vịn vào chữ “ngiệp” để khỏa lấp và biện minh cho thái độ bạc nhược yếm thế. Chúng ta không thể quên thực hiện bất cứ điều nào trong ba điều: Bi-Trí-Dũng. Chúng ta không phải truyền bá nhưng phải tự chứng niềm tin của mình qua những hành động tích cực và cụ thể. Chúng ta phải công nhận Hoa Kỳ là quê hương hiện tại và tương lai của nhiều đời con cháu chúng ta, và cần phải đóng góp để xây đắp đất nước này với những “ngiệp” tốt để mọi người cùng hưởng phúc lợi.

Tu tại gia không đủ, chúng ta còn phải tu tại nhà trường, tu tại công xưởng, tu tại pháp đường. “Tu” có nghĩa là “sửa đổi”-- là làm tốt hơn những gì chưa hoàn hảo trong hiện tại. Chúng ta không chỉ đến Hoa Kỳ để thụ hưởng nền văn minh của xã hội dân chủ tự do mà chúng ta còn phải đóng góp cho đất nước này những tinh hoa văn minh của Từ bi, Nhân ái, Hòa bình và Dân sinh của văn hóa ưu việt con Rồng cháu Tiên. Như vậy mới đúng nghĩa “hoằng pháp”—là “*mang chuông đi đánh xứ người*”.

Hơn bao giờ hết, người Việt chúng ta tại Hoa Kỳ phải chứng minh giá trị chúng ta trong cộng đồng thế giới. Tư tưởng và khái niệm tôn giáo của chúng ta cần ảnh hưởng và có tác động đến mọi sinh hoạt trong xã hội mới và biến chuyển dân tình thế sự một cách tích cực, cụ thể, không mơ hồ. Tại trường học, chúng ta **ph**ải đòi hỏi bình đẳng về quyền tự do tín ngưỡng, sách giáo khoa phải phản ảnh tôn giáo chúng ta và nhà trường phải cho phép con em chúng ta nghỉ phép những ngày đại lễ như các tôn giáo khác. Tại công xưởng, chúng ta không phải tiếp tục “nhẫn nhịn” để các đồng nghiệp qua mặt hưởng lợi thẳng bông trong khi chúng ta an phận làm kẻ kém thua chỉ vì tôn giáo chúng ta dạy ta từ bi hỷ xả. Bởi vì chúng

ta quá hèn lành cho nên quyền lợi thường bị chà đạp bởi những kẻ gian manh tham vọng, không hiểu luật nhân-quả và cũng chẳng biết Yết-ma là gì. Khi chúng ta bị họa nạn, lao lý, trước pháp đường chúng ta lúng túng giữa “tội” và “nghiệp”, thật tội nghiệp! Bởi vì ở xã hội trọng pháp như Hoa Kỳ, công lý chỉ xét “tội” mà không xét “nghiệp”, xử “tội” mà không xử “nghiệp”. Người Hoa Kỳ không quan niệm về nhân-quả như chúng ta cho nên họ hành xử “hợp lý” nhiều hơn là “hợp tình”.

Chúng ta phải “hoảng pháp” những người bạn “nước ngoài” này để họ có thể hiểu thêm về văn hóa, văn minh của chúng ta, để họ có thể tránh được những nghiệp xấu vì những tham-sân-si của họ gây ra. Chúng ta không chỉ luôn luôn cầu cho người Việt và đất nước Việt Nam, mà còn cần phải cầu nguyện cho nước Mỹ, cầu cho người Mỹ ăn năn sám hối, trong đó, có những người Mỹ gốc Việt, con cháu chúng ta nay đã “Mỹ - hóa” và quên đi những truyền thống cao quý của người Việt Nam.

Chúng ta có thể bắt đầu “nghiệp hoảng pháp” ngay, mà không phải chờ đợi ở bất cứ một lãnh tụ hay một chính quyền nào chấp thuận hay cho phép. Chúng ta có thể sống theo lý tưởng “*đa đạo đức phá luật lệ*” chứ không phải ... đa kim ngân. Trong xã hội hiện đại, với sự liên kết giữa người với người càng sít chặt qua khoa học kỹ thuật của truyền thông như internet, chúng ta có phương tiện không chỉ “giữ linh hồn” của chính mình mà còn “giữ linh hồn” cho bạn của mình nữa! Ý nghĩa thật của hoảng pháp quả là: “giữ linh hồn cho nhau”.

Nam mô Bổn sư Thích ca Mâu Ni Phật.

Huyền Độ Đỗ Vinh

CƯ SĨ VÀ VIỆC HOẰNG PHÁP

Tâm Quang Vĩnh Hảo

Sau khi đạt được toàn giác, nếu Đức Phật không vận chuyển bánh xe Chánh Pháp lần đầu tiên tại vườn Nai, nếu bốn chúng đệ tử của ngài suốt 2500 năm qua không tiếp nhận, thực hành và truyền bá giáo lý, sẽ không có Phật giáo hiện hữu trên đời, và không có Phật Pháp để chúng ta học tập, hành trì ngày nay. Không lâu khi Tăng đoàn mới thành lập với 60 thánh giả chúng đắc A-la-hán, Đức Phật đã có lần kêu gọi các vị này lên đường truyền bá chánh pháp với lời lẽ thật cảm động như sau: *"Này các Tỷ kheo!... hãy lên đường vì lợi lạc của nhiều người, vì hạnh phúc của số đông, vì lòng lân mẫn đối với thế gian, vì lợi lạc, vì hạnh phúc của trời và người. Các ông hãy đi, nhưng đừng đi hai người cùng một hướng, hãy đi mỗi người một ngã, hãy truyền bá chánh pháp... Hãy phát lên ngọn cờ của bậc thiện trí, hãy truyền dạy giáo pháp cao siêu, hãy mang lại sự tốt đẹp cho người khác; được vậy, là các ông đã hoàn tất nhiệm vụ".* ⁽¹⁾

Lời dạy tha thiết này trở thành tuyên ngôn, là cương lĩnh, nêu rõ động cơ và mục đích của việc hoằng pháp.

MỤC ĐÍCH HOẰNG PHÁP

Không giống bất kỳ tôn giáo nào khác, người theo Phật truyền bá giáo lý không phải để được ban thưởng đời này hay đời sau, không phải để vinh danh Đức Phật hay thần linh nào, cũng không phải để mở rộng tổ chức Phật giáo với cơ sở và quần chúng đông đảo, hoặc mong mỗi Phật giáo trở thành độc tôn trong một quốc gia, hay trên toàn thế giới.

Động cơ hoằng pháp của Phật giáo là *lòng lân mẫn đối với thế*

gian.

Mục đích hoằng pháp của Phật giáo rất đơn giản, nhưng tối quan trọng, và cảm động, đó là: *vì lợi lạc, vì hạnh phúc của số đông, vì sự tốt đẹp cho người khác.*

Hoằng pháp không phải là để đền ơn Tam Bảo (Phật, Pháp, Tăng). Hoằng pháp không phải vì đức tối thắng của Phật, không phải vì lẽ cao siêu của Pháp, cũng không phải vì tính thanh tịnh trang nghiêm của Tăng đoàn. Hoằng pháp là vì lợi ích, an lạc của chúng sanh. Chỉ có như thế; và đây là ý nghĩa cao đẹp nhất trong việc truyền bá của Phật giáo; mà cũng chính qua ý nghĩa này, Phật giáo mới đến với nhân loại bằng con đường hòa bình, khoan dung.

SỨ MỆNH HOẰNG PHÁP

Sứ mệnh hoằng pháp thật quan trọng, và không phải là việc riêng của người xuất gia. Chính người tại gia, ngay từ thời Phật cho đến nay, dù ở bất cứ quốc gia nào, thời đại nào, sinh hoạt trong giáo hội hay hệ phái nào, đã đóng một vai trò vô cùng trọng yếu trong tất cả các sinh hoạt của Phật giáo, trong đó tất nhiên phải kể đến hoằng pháp.

Theo cơ cấu hình thành bốn chúng đệ tử Phật, xuất gia có hai chúng (tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni) thì tại gia cũng có hai chúng (ưu-bà-tắc, ưu-bà-di), ngang bằng như nhau. Từ điếm này, không thể nói việc hoằng pháp là việc của Tăng Ni, còn cư sĩ tại gia chỉ là những kẻ hộ trì, hỗ trợ.

Đức Phật là kẻ đã hoàn toàn giải thoát, giác ngộ. Thực hành lời Phật dạy là nhắm vào mục tiêu giải thoát, giác ngộ như Phật. Trong thời kỳ không có Phật thì duyên may hãy còn Pháp, là kinh điển, giáo lý do Phật dạy được ghi chép, truyền lại. Pháp ấy, nếu không có hàng Tăng Ni xuất gia giốc trọn cuộc đời để hành trì và truyền đạt thì chỉ là học thuyết trên sách vở, không thể tồn tại như một nền giáo lý thực tiễn sống

động, mang lại lợi ích an lạc cho nhân loại suốt hơn 25 thế kỷ qua. Đây là nền tảng để từ đó Tam Bảo được hình thành như là biểu tượng nương tựa tâm linh và cũng là mục tiêu hướng đến của người theo Phật.

Nhưng ai là đối tượng để Tăng Ni truyền đạt Phật Pháp? – Chính là những người cư sĩ, những người tại gia theo Phật.

Những người cư sĩ đón nhận Phật Pháp ở đâu, khi nào? – Từ nơi tu viện, chùa chiền, tịnh xá, các đạo tràng và những trụ xứ mà Tăng Ni có mặt; và vào những thời điểm ở các trụ xứ ấy có Tăng Ni thuyết pháp, giảng dạy giáo lý.

Nói như thế, có nghĩa rằng những ai có đến chùa gặp Tăng Ni hoặc nhằm vào thời thuyết giảng của Tăng Ni thì kẻ đó được truyền dạy Phật Pháp (bằng thân giáo hay khẩu giáo); còn ngoài ra, đều không có cơ hội đón nhận giáo lý Phật, và không thể nào là đối tượng cho việc hoằng pháp của Tăng Ni. Phật Pháp nếu chỉ được truyền bá theo cách ấy thì đã hoại diệt từ lâu rồi, không làm sao tồn tại đến ngày hôm nay.

Vì vậy, nên hiểu rằng hoằng pháp là trách nhiệm của bốn chúng, trong đó những vị xuất gia là những bậc liễu tri và chúng nghiêm Phật Pháp, truyền dạy Phật Pháp cho hàng cư sĩ tại gia, trong khi chính mỗi cư sĩ là người trực tiếp đem đạo vào đời, cải hóa gia đình và xã hội.

CƯ SĨ LÀ AI?

Theo định nghĩa phổ quát của các hệ phái Phật giáo, cư sĩ là người tại gia theo đạo Phật, đã quy y Tam Bảo, giữ năm giới và hộ trì Tam Bảo. Chữ cư sĩ được dịch nghĩa từ chữ *gahapati* trong tiếng Pali (phiên âm là già-la-việt, hay ca-la-việt); đồng nghĩa với từ *upāsaka* (ưu-bà-tắc), *upāsikā* (ưu-bà-di), dịch nghĩa phổ thông là cận-sự nam và cận-sự nữ (những người thân cận hộ trì Tam Bảo). Các từ thông dụng khác trong tiếng Việt là phật-tử (con Phật), thiện nam, thiện nữ, thí chủ, đàn-

việt (danapati), tín chủ, v.v... Chữ cư sĩ trải qua thời gian, mặc nhiên được xem là từ ngữ phổ thông nhất có thể nói lên tính chất cốt lõi của người tại gia theo Phật.

Tính chất ấy được tìm thấy trong kinh *Tăng Chi Bộ*, phần “Thích tử Mahànàma”. Ở đây Đức Phật trả lời Mahànàma câu hỏi thế nào là người (nam) cư sĩ, thế nào là cư sĩ giữ giới, và thế nào là cư sĩ thực hành tự lợi, lợi tha.

“Này Mahànàma, khi nào quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tăng, cho đến như vậy là người nam cư sĩ.”

“Này, Mahànàma, khi nào người nam cư sĩ từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men, rượu nấu, cho đến như vậy, là người nam cư sĩ giữ giới.”

“Này Mahànàma, khi nào nam cư sĩ tự mình thành tựu lòng tin và khích lệ người khác thành tựu lòng tin; khi nào tự mình giữ giới và khích lệ người khác giữ giới; khi nào tự mình bố thí và khích lệ người khác bố thí; khi nào tự mình muốn đi đến yết kiến các Tỷ-kheo và khích lệ người khác đi đến yết kiến các Tỷ-kheo; khi nào tự mình muốn nghe diệu pháp và khích lệ người khác nghe diệu pháp; khi nào tự mình thọ trì những pháp đã được nghe và khích lệ người khác thọ trì những pháp đã được nghe; khi nào tự mình suy nghĩ đến ý nghĩa các pháp đã thọ trì và khích lệ người khác suy nghĩ đến ý nghĩa các pháp đã thọ trì; sau khi tự mình biết nghĩa, biết pháp, thực hiện pháp đúng Chánh pháp, khích lệ người khác sau khi biết nghĩa biết pháp, thực hiện pháp đúng Chánh pháp. Cho đến như vậy, này Mahànàma, là nam cư sĩ thực hành vì tự lợi và lợi tha.” ⁽²⁾ Theo đoạn kinh trên, một cư sĩ lý tưởng là người phật-tử tại gia có đầy đủ **tín**, **giới** và **thí**.

Tín là lòng tin nơi Phật, Pháp và Tăng. Từ sự hiểu biết, quý kính và tín phụng Phật, Pháp, Tăng, người cư sĩ phát nguyện quy y Tam Bảo, chọn Đức Phật làm bậc thầy tối thượng biểu trưng cho giải thoát giác ngộ; chọn sự học hỏi, thực hành và

truyền bá Chánh Pháp làm lý tưởng sống; và chọn Tăng đoàn làm những bậc thầy cao cả, thay mặt Đức Phật hướng dẫn con đường tiến đến giải thoát giác ngộ.

Giới của người cư sĩ tại gia là năm giới, tức năm điều bảo vệ con người tránh xa các việc làm tổn hại đến mình và chúng sanh khác: từ bỏ sát sanh, từ bỏ trộm cắp, từ bỏ tà hạnh, từ bỏ nói dối và từ bỏ say sưa, nghiện ngập. Giới (sila) là học xứ (điều cần học và thực hành), là những điều có khả năng bảo vệ mình tránh những nghiệp xấu-ác. Giới không phải là điều răn cấm cứng nhắc như thói quen suy nghĩ của nhiều người. Cư sĩ tự nguyện quy y Tam Bảo thì cũng tự nguyện giữ giới khi hiểu rõ rằng việc giữ giới sẽ bảo vệ đức hạnh của mình và tạo đời sống an vui, hòa hợp với những người chung quanh. Cư sĩ có thể tùy theo căn cơ và hoàn cảnh của mình mà phát nguyện giữ thêm các giới khác như thập thiện, bồ-tát (tại gia); nhưng năm giới là căn bản cần giữ gìn để bắt đầu một đời sống lý tưởng của người theo Phật.

Thí là việc bố thí, cúng dường. Thí ở đây không giới hạn trong việc hộ trì Tam Bảo, góp phần in kinh, tô tượng, đúc chuông, xây chùa, mà còn là thiện ý chia sẻ, san sẻ với người khác từ tài vật (tài thí), kiến thức về đời sống và Phật Pháp (pháp thí), cho đến sự bình an, không sợ hãi (vô úy thí). Trên căn bản của nhân-quả, bố thí mang lại phước báo cho người thực hành, do đó, cư sĩ nên thực hiện để tạo thuận duyên cho việc tu tập của mình và tha nhân. Ngoài phước báo tất phải gặt hái ở đời này hay đời sau, bố thí còn là phương thức nhằm xả bỏ tâm tham, buông dần những chấp thủ của mình đối với các ràng buộc của đời sống, trước mắt là qua những gì mình sở hữu (ngã sở).

VAI TRÒ CỦA CƯ SĨ TRONG VIỆC HOẰNG PHÁP

Định danh chi tiết và có tính cách điển chương như trên là để

nhận dạng nhân cách đặc biệt của cư sĩ. Nói chung, cư sĩ là người tại gia phát nguyện quy y Tam Bảo, giữ giới, thực hành bố thí, học và thực hành Phật Pháp trong đời sống hàng ngày để lợi mình, lợi người.

Theo ý nghĩa của hoằng pháp là duy trì và truyền bá giáo lý vi diệu của Phật, các yếu tố nêu trên của người cư sĩ, nếu thực hiện đúng mức thì đều là việc hoằng pháp.

- **Quy y Tam Bảo chính là hoằng pháp:** Trở về nương tựa Phật, tin nơi Phật tánh sẵn có của mình và lấy việc thành Phật làm cứu cánh tu học; trở về nương tựa Pháp, tin tưởng giáo lý của Phật có khả năng giải thoát khổ đau, đem lại an vui hạnh phúc cho mình và cho người; trở về nương tựa Tăng, tin tưởng Tăng là đoàn thể xuất gia đạo hạnh, dẫn mình trên con đường của Phật và có kinh nghiệm dẫn dắt mình đi theo con đường đó một cách vững chắc. Nương tựa và tin tưởng sâu sắc như vậy, tự thân người cư sĩ kiên trì giữ đạo, học đạo, khích lệ người thân làm theo. Pháp Phật nhờ vậy mà được tồn tại và truyền rộng.
- **Giữ giới chính là hoằng pháp:** Việc giữ giới của cư sĩ, tức tự nguyện từ bỏ những điều tiêu cực có thể gây nên rối loạn, phiền não trong đời sống gia đình và xã hội, tạo nên phẩm cách trong sáng của người đức hạnh, khiến cho kẻ khác tin tưởng, quý trọng và noi gương. Giữ năm giới không những là tự rèn luyện, trau dồi phẩm hạnh của mình mà còn là bài học thân giáo, khẩu giáo đối với tha nhân. Ảnh hưởng của Pháp Phật có thể được nhận xét và đón nhận trực tiếp qua nhân cách của người cư sĩ giữ gìn năm giới.
- **Thực hành bố thí chính là hoằng pháp:** Trong khi giữ giới là tránh xa những điều tổn hại kẻ khác (không làm các việc ác) thì bố thí là hành động cụ thể nhất để mang lại lợi ích cho tha nhân (nên làm các việc lành) ⁽³⁾. Bố thí

đứng hàng đầu trong tứ nhiếp pháp ⁽⁴⁾ mà Phật dạy cho hàng cư sĩ dấn thân vào đời, cải hóa xã hội; và cũng đứng hàng đầu trong lục độ ⁽⁵⁾. Điều này cho thấy, bố thí không phải là việc hành thiện bình thường mà chính là pháp môn tu, là phương tiện thiện xảo của hàng bồ-tát nhằm cứu độ và cảm hóa chúng sanh. Về mặt tự lợi, bố thí để diệt trừ tâm tham đắm chấp thủ, cởi bỏ dần sự chấp ngã (như đã nói ở trước); về mặt lợi tha, bố thí để cứu nạn đói khổ, thiếu thốn của tha nhân về phương diện tinh thần cũng như vật chất.

Vậy, qua **tín**, **giới** và **thí** nói trên, cư sĩ đã mặc nhiên thực hiện việc hoằng pháp trong đời sống hàng ngày. Nói theo ngôn ngữ thông tục, vai trò của cư sĩ là vai trò của người trực tiếp **giữ đạo và truyền đạo**.

Đạo, nếu không giữ, sẽ mất; đã mất, lấy đâu mà truyền. Cho nên, cá nhân mỗi cư sĩ có thể quyết định sự hưng-suy, còn-mất của Phật Pháp ngay trong gia đình của mình. Tăng Ni truyền dạy Phật Pháp cho cư sĩ nơi giảng tòa với thời gian giới hạn, nhất định; và để giữ cho Phật Pháp được lưu chuyển trong nhân gian, chính cư sĩ là những kẻ phải thường trực đối diện và phấn đấu để vượt qua những lôi kéo, quyến dụ của tài lợi, sắc đẹp, danh vọng, hoặc ngay cả sự áp bức, đe dọa của cuộc đời, của ngoại đạo, tà giáo và ác đảng.

Cho nên, có thể nói rằng trong việc đem đạo vào đời, truyền bá chánh pháp, Tăng Ni gián tiếp, cư sĩ trực tiếp. Trực tiếp ở đây là trong 24 giờ, ngày và đêm, người cư sĩ sống và tiếp cận với con người trong gia đình và xã hội, trải nghiệm những khổ đau, hạnh phúc, phiền não, an lạc, những được-mất, hơn-thua, vinh-nhục... bằng cả thân và tâm của mình. Đời người cư sĩ, do vậy, là một cuộc dấn thân, trải nghiệm sở tri và nội lực tu học của mình ngay trong kiếp nhân sinh vô thường, thống khổ. Chính cuộc dấn thân ấy là giữ đạo, truyền đạo; là vai trò

hoàng pháp cao đẹp của cư sĩ.

CƯ SĨ MỌI THỜI

Theo tài liệu lịch sử cũng như trong thực tế, hàng cư sĩ đã có những đóng góp lớn lao và tích cực hơn trong việc hoàng pháp chứ không phải chỉ qua những gì trình bày ở trước. Một số cư sĩ có thể thuyết giảng hoặc viết sách biên khảo về giáo lý Phật, hoặc góp phần hoàng pháp qua văn học nghệ thuật. Trong một số trường hợp, cư sĩ là thầy dạy của các trường Phật học chuyên khoa dành cho Tăng Ni. Ngoài ra, hình thức cư sĩ của hầu hết các vị bồ-tát trong kinh điển Đại thừa (Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, Duy Ma Cật, Thắng Man, Thiện Tài...) cũng cho thấy vai trò cư sĩ không phải là nhỏ trong công cuộc hoàng pháp, cứu độ chúng sanh.

Trong quá khứ, không thiếu các cư sĩ nổi danh thời Phật như vua Ba-tư-nặc (Pasenadi), trưởng giả Cấp-cô-độc (Anāthapiṇḍika), tín nữ Tỳ-xá-khư (Visākhā); sau thời Phật, có cư sĩ vĩ đại A Dục vương (Ashoka); ở Trung Hoa có cư sĩ quyền uy như Lương Vũ Đế, có cư sĩ là học giả uyên thâm như Lương Khải Siêu; ở Việt Nam thời Lý-Trần có các cư sĩ “triều đình” như Lý Công Uẩn, Lý Thường Kiệt, Trần Nhân Tông, Tuệ Trung Thượng Sỹ, thời hậu-Lê có cư sĩ Nguyễn Trãi, thời Trịnh-Nguyễn có cư sĩ Ngô Thời Nhậm, Nguyễn Du, thời cận đại và hiện đại có các cư sĩ danh tiếng là giáo sư, học giả, nhà văn như Lê Đình Thám, Mai Thọ Truyền, Thiệu Chử, Đoàn Trung Còn, Trúc Thiên, Nhất Linh, Nghiêm Xuân Hồng, Bùi Giáng, Phạm Công Thiện, Trịnh Công Sơn...; cũng không thể không nhắc đến các cư sĩ tây phương cận đại như Edwin Arnold, Christmas Humphreys, E. Conze, ... và các cư sĩ tiếng tăm lẫy lừng trên màn bạc sân khấu hiện nay tại Hoa Kỳ như Richard Gere, Steven Segal, Tina Turner, Oliver Stone, Orlando Bloom...

Mỗi người cư sĩ, từ xưa đến nay, khắp các quốc gia trên thế giới, đã tùy theo hoàn cảnh và căn trí của mình mà đến với Phật giáo, thực hành giáo lý, góp phần hoằng pháp trong khả năng riêng, bằng những phương thức khác nhau, qua các ngôn ngữ và văn hóa khác nhau. Nhưng đâu là điểm đồng nhất của hàng cư sĩ mọi thời đại, mọi quốc độ?

Có hai điểm tương đồng đáng lưu ý ở đây: một là, cư sĩ theo nhân duyên mà đến với Phật, trong một tâm thức tự do, tự nguyện, không hề có sự bó buộc, cưỡng ép; hai là, cũng với tâm thức tự do, cư sĩ phát nguyện quy y Tam Bảo (với lễ nghi hoặc chỉ bằng tâm niệm).

Do tự nguyện mà nghi thức quy y Tam Bảo cũng là một chọn lựa, không phải là điều kiện hay qui định.

Kinh điển ghi chép nhiều cư sĩ đã chứng được thánh quả khi chỉ một lần nghe Phật thuyết pháp, và hầu hết những vị này phát nguyện quy y Tam Bảo sau khi giác ngộ. Trưởng giả Úc-già (Ugga) trong Trung A Hàm là một điển hình ⁽⁶⁾. Điểm này cho thấy vấn đề chứng thánh, giác ngộ, không tùy thuộc vào việc quy y Tam Bảo mà hệ trọng nơi căn cơ và trí tuệ của mỗi người khi tiếp nhận và thực hành giáo pháp. Nhưng cũng chính điểm này xác minh tầm quan trọng của việc quy y Tam Bảo: giác ngộ, chứng quả rồi, các vị thánh cư sĩ ngày xưa vẫn phải phát nguyện quy y Tam Bảo.

Hãy tạm gác qua hình thức của những buổi lễ trao truyền Tam Quy – Ngũ Giới dưới sự chứng minh của đại diện Tăng bảo. Hãy tạm gác qua những phái điệp Quy Y ghi tên và pháp danh của những người hiểu hoặc không hiểu Phật Pháp, hành hoặc không hành Phật Pháp. Các lễ nghi và hình thức này, có người được truyền thọ, có người không; có khi được truyền thọ mà lại không hề quy kính Tam Bảo; có khi chưa hề tiếp thọ mà lại một lòng qui hướng Phật, Pháp, Tăng.

Ý nghĩa chân thực của việc quy y Tam Bảo là, với lòng hoan hỷ, kính mộ, với sự thông tuệ, tự do, với tâm thuần nhất, dững

mãnh hướng về mục tiêu tối hậu là giải thoát giác ngộ (Phật), người cư sĩ khẳng định chính mình như một con người mới, được sinh ra từ giáo lý thâm diệu (Pháp), quyết định đặt đời sống của mình trên đạo lộ Trí Tuệ, Từ Bi, dưới sự dìu dắt của những bậc thầy xuất gia cao quý (Tăng).

Trong tinh thần tự nguyện và ý nghĩa quy y Tam Bảo như thế, cư sĩ mọi thời đại, mọi nơi chốn, có chung một tiếng nói, một niềm tin, một con đường cao đẹp; và chỉ những người cư sĩ như thế mới xứng đáng là kẻ “thừa tự Chánh Pháp”⁽⁷⁾ của Thế Tôn.

Tâm Quang Vĩnh Hảo

CƯỚC CHÚ

(1) Mahāvagga - Đại Phẩm, Luật tạng, chương Trọng yếu, tụng phẩm thứ 2, đoạn 32. Xem bản dịch của Indacanda Nguyệt Thiên, <http://www.budsas.org/uni/u-luat-daipham/dp-00.htm>

(2) Tăng Chi Bộ tập 2, chương Tám Pháp, phẩm Gia Chủ, phần Mahànàma, HT. Thích Minh Châu dịch (phiên bản điện tử, trang 524).

(3) “Không làm các điều ác, nên làm các điều lành”, Kinh Pháp Cú, câu 183.

(4) Bốn phương thức cảm hóa chúng sanh, gồm có: bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự.

(5) Sáu pháp ba-la-mật: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ.

(6) Trung A Hàm, phẩm Vị Tăng Hữu Pháp, kinh Úc -già Trưởng giả (I), Tuệ Sỹ dịch, phiên bản điện tử:

<http://www.quangduc.com/kinhdien/Trungaham/trungah04-38.html>

(7) Trung Bộ Kinh, Kinh Bất Đoạn - Anupada Sutta, HT. Thích Minh Châu dịch.

PHẬT TỬ LÀ NGƯỜI HOẰNG PHÁP

Chân Văn Đỗ Quý Toàn

Mọi người học trò của Đức Thích Ca đều làm công việc hoằng pháp cả. Chúng ta không thể tưởng tượng có một Phật tử nào lại nghĩ rằng việc mình tu học đạo giải thoát chỉ nhằm cho chính mình được lợi lạc mà thôi. Khi sống theo các lời dạy của Bụt tức là chúng ta đang đem lối sống đó hiến tặng cho mọi người chung quanh.

Quý vị diễn giả trong cuộc hội thảo hôm nay đã nói đầy đủ về nhiệm vụ hoằng pháp của người cư sĩ Phật tử. Đạo hữu Tâm Diệu cho thấy việc hoằng pháp ngày nay có thể được hỗ trợ với những kỹ thuật thông tin mới, như dùng internet, với hiệu quả rất sâu và rất rộng. Theo đạo hữu Tâm Quang công việc hoằng pháp là đem lại an lạc cho mọi người; chúng ta chỉ cần thể hiện các đức từ, bi trong cuộc sống, đem cho người thêm niềm vui, giúp người bớt đau khổ đã là hoằng pháp rồi. Cũng không ngoài ý phải thể hiện từ bi và trí tuệ, Đạo hữu Nguyễn Lượng nhấn mạnh chúng ta phải hiểu và thương thì mới có thể đem Phật pháp trao cho người khác. Đạo hữu Đỗ Vinh nhắc đến một môi trường hoằng pháp cần chú ý là truyền bá chánh pháp tới những người thuộc các sắc dân khác đang cùng sống trên đất Mỹ. Đây là một ý kiến mà chúng tôi xin nói thêm vài lời.

Trong thời gian sống tại thành phố Montréal, Canada chúng tôi đã được yêu cầu giới thiệu Đạo Bụt tới các người bạn Canada, đặc biệt là các bạn trẻ trong các trường trung học; xin kể lại để đóng góp chút kinh nghiệm. Trong một học khu tại thành phố này, người ta hay tổ chức những buổi nói chuyện về các tôn giáo trên thế giới cho học sinh nghe. Họ mời nhiều

người thuộc những tôn giáo khác nhau đến tự kể về tôn giáo của mình cho các em ở lứa tuổi 15, 16. Thường có những người theo đạo Công giáo, Tin Lành, Ấn Độ giáo, Hồi Giáo, đạo Bahai, vân vân; mỗi diễn giả được nói trong 10 phút. Với thời gian ngắn ngủi như vậy, chúng tôi đã nghĩ phải làm sao mỗi lần giới thiệu được một đặc điểm trong đạo Phật với đám trẻ đang ở tuổi bắt đầu có những thao thức trong đời sống tâm linh. Sau đây là những điểm mà chúng tôi hay chọn để nói với các em qua những câu chuyện dễ hiểu để các em thích nghe và theo dõi.

Một điều đáng nêu lên là Đức Phật chỉ là một con người; ngài không phải là một thần linh (god) và chắc chắn không phải là Thượng Đế (God) toàn tri, toàn năng, như mọi người thường nghĩ tới khi nói đến một tôn giáo. Theo đạo Phật tức là học hỏi và thực hành những điều đức Phật đã tìm thấy qua kinh nghiệm sống của ngài, một con người như tất cả chúng ta.

Đạo Phật không bắt buộc người ta phải tin tưởng một điều gì một cách vô điều kiện. Mỗi Phật tử phải tự mình suy nghiệm và thực chứng các lời dạy của Đức Phật. Chính ngài đã dặn dò mọi người đừng tin điều gì nếu chính mình chưa thử và chứng nghiệm bằng cuộc sống của mình. Những điều ngài dạy chúng ta là những phương tiện giúp chúng ta đạt mục tiêu sau cùng là giải thoát khỏi khổ đau.

Cho nên, đạo Phật cũng không phải là một triết lý, nếu hiểu triết lý như những ý kiến và các lời bàn luận do hoạt động của trí óc chúng ta. Người học trò của Đức Thích Ca không cần học nhiều sách quá, không cần phải tranh luận về các lý thuyết như khi nghiên cứu một nền triết học. Đạo Phật là một lối sống, phải thực hành lối sống đó mới coi là theo đạo Phật. Mục đích của lối sống này là giải thoát khỏi khổ đau. Người ta có thể chọn một hay nhiều phương pháp tạo cho mình an lạc, giảm bớt khổ đau. Một Phật tử có thể lựa chọn một phương

pháp nào thích hợp với mình nhất; rồi đem chính thân thể và tâm trí của mình thí nghiệm phương pháp mình đã chọn. Nếu đạt được hạnh phúc ngay trong cuộc sống này là đã đạt được mục đích rồi.

Ba điểm trên đây có thể diễn tả qua những câu chuyện gọi óc tò mò chú ý của các bạn trẻ người Canada, họ thuộc đủ các giống dân với truyền thống tôn giáo khác nhau. Có lần tôi kể chuyện một vị võ sĩ thách thức một nhà sư, hỏi ông biết gì về thiên đường, địa ngục. Nhà sư trêu tức làm cho võ sĩ nổi giận, rồi cười mà nói rằng anh ta vừa mới mở cánh cửa địa ngục. Những người giận dữ là đang tự mình sống trong địa ngục, không cần phải đợi khi chết mới sa địa ngục. Trong câu chuyện đó chúng ta thấy đạo Phật dạy con người sống ngay trong cõi đời này, đối trị với những nguyên do gây ra nỗi khổ. Ai cũng có thể thực tập phương pháp đối trị đó, dù họ theo bất cứ tôn giáo nào.

Một lần khác, tôi kể chuyện cho các học sinh nghe về lối sống tỉnh thức, luôn luôn ý thức về thân thể, về cảm thọ của mình. Tôi đưa thí dụ việc rửa chén, hay quét nhà, lau nhà; trong các sinh hoạt đó người thực hành đạo Phật ý thức về mỗi cử động của thân thể mình. Tôi đã mời các bạn học sinh trung học tập thở một vài hơi trong chánh niệm, theo dõi và biết mình đang thở vào, thở ra. Phần lớn những bạn trẻ thực tập một lần đều cảm thấy có ảnh hưởng; họ đạt được một giây phút bình an trong tâm não. Một lời khuyên rất thiết thực bạn trẻ nào cũng thí nghiệm được, là mỗi khi nổi cơn nóng giận thì thở một hơi dài và chú ý theo dõi hơi thở đó. Hiệu quả có thể thấy được ngay. Chính mình có ý thức là mình đang nổi nóng, vừa ý thức là sẽ thấy tâm an tĩnh hơn, cơn giận cũng nguôi bớt để mình suy nghĩ một cách sáng suốt về nguyên do cơn nóng giận của mình.

Kỷ yếu Hội Luận 2011 - Đuốc Tuệ

Thường một buổi nói chuyện kéo dài 10 phút như vậy cũng đủ cho chúng ta giới thiệu với các trẻ em một phương pháp sống trong chánh niệm, là thở ra, thở vào và theo dõi hơi thở. Chúng tôi tin rằng trong số các em học sinh nghe nói chuyện, sẽ có một số em đem ra thực hành. Không cần các em thực hành mỗi ngày, chỉ cần lâu lâu chợt nhớ đến và thí nghiệm lại, các em cũng có thêm được một phương pháp để giảm bớt khổ đau, trong đời thế nào cũng có lúc dùng tới.

Một điều tôi nghiệm thấy là mỗi khi chuẩn bị cho một câu chuyện 10 phút về đạo Phật, khi nói trước một đám vài ba trăm em học sinh ở lớp tuổi rất hiếu động và đầy óc nghi ngờ, thích phán xét như các em; thì chính người nói chuyện cũng được lợi lạc. Khi tìm cách nói sao cho các em đó hiểu đạo Phật, chính mình sẽ hiểu đạo hơn. Khi nói đến các phương pháp thực tập, mình tự nhìn thấy những thiếu sót hay những tiến bộ trong việc tu tập của chính mình. Chính mình cũng có dịp khám phá thêm nhiều điều về việc hành trì của mình, mà nếu không có dịp chuẩn bị và thuyết trình với đám thính chúng còn cởi mở, trong sạch và hồn nhiên đó thì mình không có cơ hội khám phá.

Tức là một công việc gọi là hoằng pháp chính nó cũng là một cách giúp mình tu tập tinh tấn hơn. Sống theo đạo Phật, lúc nào mình cũng làm công việc hoằng pháp.

Chân Văn Đỗ Quý Toàn

ĐÚC KẾT BUỔI HỘI LUẬN ĐUỐC TUỆ 2011

Tâm Cát Nguyễn Trung Quân

Ngày 11 tháng 12 – 2011

Hội luận Phật Pháp là một trong những sinh hoạt chủ yếu của hội Phật học Đuốc Tuệ, đồng hành với việc cung thỉnh chư Tôn Đức thuyết giảng cho đại chúng cùng tổ chức những khóa tu Thiền, Tịnh, Mật, cho hành giả lựa chọn pháp môn thích hợp với mình hầu nỗ lực tinh tấn tu học.

Năm nay, buổi hội luận “Đuốc Tuệ 2011” được tổ chức vào ngày 11 tháng 12 năm 2011 tại trung tâm Sangha thuộc thành phố Huntington Beach miền Nam California với chủ đề **SỰ ĐÓNG GÓP CỦA NGƯỜI CƯ SĨ TRONG CÔNG CUỘC HOÀNG PHÁP TẠI HẢI NGOẠI.**

Nhìn vào chủ đề hội luận và các chuyên đề dành cho mỗi diễn giả, quần chúng Phật tử và nhất là quý hội luận viên đã thấy được mục đích của hội Phật Học Đuốc Tuệ là cùng muốn nhìn sâu, phân tích kỹ về một vấn đề từ lâu hằng gây dị luận trong giới Phật tử: Vấn đề hoàng pháp.

Với tiến trình rõ nét của năm đề tài do năm diễn giả được thỉnh mời đảm trách, mọi người đều thấy được Đuốc Tuệ đã cố gắng nhờ các thiện trí thức nêu bật lên các điểm gay go nhất để trả lời cho các vấn nạn xưa cũ, hằng làm băn khoăn hàng cư sĩ Phật Giáo tại hải ngoại, đó là: cư sĩ chỉ hộ pháp còn việc hoàng pháp là của quý thầy.

Kỷ yếu Hội Luận 2011 - Đuốc Tuệ

Buổi hội luận được bắt đầu vào lúc 2g20 chiều chủ nhật 11 tháng 12 năm 2011 với đầy đủ thành phần trong ban tổ chức, các diễn giả và hơn 200 hội chúng tham dự gồm quan khách, sáu hội đoàn Phật giáo được mời và Phật tử từ 10 tự viện có nhiều cư sĩ tích cực hoạt động Phật sự được Đuốc Tuệ thỉnh mời từ nhiều tuần trước đó..

Tuy có trễ 20 phút so với chương trình dự trù nhưng tất cả các điểm nêu ra trong chương trình hội luận đều được theo sát chu đáo theo tình tự, trừ phần hợp ca chào mừng mở đầu của Hội Phật tử Lạc Pháp vì trực trặc kỹ thuật phải dời lại vào trước giờ giải lao, giữa hai phần hội thảo.

Năm vị diễn giả đều theo thứ tự mỗi vị có 20 phút trình bày đề tài của mình. Tuy thời gian ngắn ngủi khiến Đạo hữu Tâm Quang Vĩnh Hảo phải nói vui rằng ông sợ tiếng chuông báo hết giờ của ban điều hợp trong khi có thể ông chưa trình bày được hết phần mở đầu của đề tài. Nhưng ban tổ chức đã dự trù in toàn bộ các bài thuyết trình vào một tập kỷ yếu để mọi người sẽ đọc được đầy đủ cao kiến của các diễn giả

Ban điều hợp có tóm lược phần trình bày của diễn giả nhưng xin không nhắc lại ở đây. Kính mời quý vị độc giả đọc các bài viết đầy đủ ở các trang trước.

Buổi hội luận được tiến hành trang trọng, thanh tịnh nhưng không kém phần sinh động do các diễn giả gợi ý hay do thính chúng góp ý bổ sung. Thậm chí có diễn giả hăng say đi xa hơn đề tài để nói về phụng sự cộng đồng và dẫn thân của tuổi trẻ khiến ban điều hợp phải nhắc nhở nên chú trọng vào nội quy và chủ đề chính của cuộc hội luận.

Vì thì giờ hạn hẹp của một buổi chiều chủ nhật nên không có phân chia nhóm và thảo luận nhóm, nhưng ngoài 5 diễn giả đã có thêm 8 vị góp ý tham luận về việc hoàng pháp của người cư

Kỷ yếu Hội Luận 2011 - Đuốc Tuệ

sĩ trong đó có một vị Tỳ kheo ni – khiến buổi hội luận càng sinh động thêm.

Tựu trung, từ các diễn giả cho đến các hội luận viên góp ý đều có nêu ra một nhận định khá tương đồng, phù hợp với chủ đề là người cư sĩ Phật Giáo hải ngoại chẳng những đã tích cực đóng góp vào công cuộc hoàng pháp mà còn có khi trực tiếp tham gia vào việc hoàng pháp theo gương các bậc tiền bối mà cư sĩ Tâm Diệu đã kể ra rất nhiều trong phần trình bày của ông.

Đạo hữu Chân Văn phát biểu rằng sống như người con Phật và thực hành điều Phật dạy đã là hành động hoàng pháp rồi. Hoàng pháp là mở rộng chánh pháp của Đức Thế Tôn cho tất cả mọi người nghe hiểu, suy nghĩ và làm theo lời Phật dạy để được hạnh phúc cho chính mình và cho tha nhân. Như vậy, tất cả Phật tử, nếu có tu học vững vàng, đều có thể làm công việc hoàng pháp.

Cần tắc hơn, đạo hữu Tâm Quang Vĩnh Hảo dẫn từ Trung Bộ kinh, nhắc lại lời dạy của Đức Thế Tôn dặn các tỳ kheo rằng nên tu tập thực chứng rồi mới hoàng pháp đến người khác. Xét chung các mặt từ tổ chức, nội dung, đề tài, diễn giả, thỉnh chúng góp ý, tiếp tân, văn nghệ v. v... Ban điều hợp đã đánh giá buổi hội luận thành tựu được 70% với niềm hân hoan của nhiều người. Nhiều hội luận viên tham gia toàn cuộc nhận xét rằng buổi hội luận thành tựu độ 58 đến 60 % xét từng khía cạnh; xin quý vị hội luận viên góp ý kiến sau khi đọc tập kỷ yếu này để Đuốc Tuệ học hỏi thêm hầu hoàn chỉnh hơn những cuộc hội luận sau này.

Giữa cuộc hội luận, đạo hữu chủ tọa Mật Nghiêm Đăng Nguyên Phải có đọc tặng mọi người trong hội trường bài thơ mang đề tài chào nhau, gợi nhớ đến hai câu thơ của thi sĩ Bùi Giáng.

Kỷ yếu Hội Luận 2011 - Đuốc Tuệ

*Xin chào nhau, giữa con đường
Mùa Xuân phía trước, miền trường phía sau.*

Thiên tài thi ca Bùi Giáng là một Phật tử được chư tôn đức thương mến và bao bọc, dường như đã tiên tri được con đường hoàng pháp khi viết ra hai câu thơ trên...

Đuốc Tuệ xin ngưỡng phục tầm nhìn của thi nhân: Làm việc hoàng pháp là gặp nhau giữa con đường tầm đạo, bỏ lại đằng sau những giấc ngủ dài đã qua để hướng về Mùa Xuân phía trước. Đó là mùa Xuân an vui của thế kỷ 21 thắm nhuần Phật đạo.

Orange County, cuối năm 2011

TM BAN ĐIỀU HỢP
Tâm Cát Nguyễn Trung Quân

Kỷ yếu Hội Luận 2011 - Đuốc Tuệ

Phần Ba

Bài viết Tham chiếu



Kỷ yếu Hội Luận 2011 - Đức Tuệ

NGƯỜI CƯ SĨ GƯƠNG MẪU

Thích Đức Trí

Chúng đệ tử của Phật gồm hai thành phần chính yếu là người xuất gia và người cư sĩ Phật tử. Không riêng gì người xuất gia, người cư sĩ Phật tử cũng đóng góp một vai trò quan trọng trong đời sống tu học và hộ trì Chánh pháp.

Một thời đại Phật pháp hưng thịnh thì số lượng người cư sĩ Phật tử phát triển đông đảo. Một quốc gia được gọi là quốc giáo thì dân số theo đạo Phật quyết định tiêu chuẩn đó.

Đạo Phật là con đường tu học theo hệ thống mở, đối tượng đạo Phật là con người. Mọi người có quyền trở thành một người Phật tử theo tinh thần tự nguyện trở về nương tựa Chánh pháp và thăng hoa đời sống của mình. Vị cư sĩ là người quy y Tam bảo, thành tựu về giới, thành tựu chánh tín, thực hành bố thí và phước tuệ song tu, chứng quả giải thoát, thì đó là người cư sĩ gương mẫu trong đạo Phật.

Vì muốn nhận thức rõ vai trò và mục đích của người cư sĩ, vị cư sĩ tên là Mahànàma, đã mạnh dạn hỏi trực tiếp đến Đức Phật về vấn đề liên quan người cư sĩ như sau: “*Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là người cư sĩ? Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là người cư sĩ đầy đủ giới? Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là người cư sĩ đầy đủ tín? Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là người cư sĩ đầy đủ lòng bố thí? Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là người cư sĩ đầy đủ trí tuệ?*”.
Phật dạy:



“Ai quy y Phật, này Mahànàma, quy y Pháp, quy y chúng Tăng. Cho đến như vậy, này Mahànàma, là người cư sĩ.

Này Mahànàma, người cư sĩ từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đấm say rượu men, rượu nấu. Cho đến như vậy, này Mahànàma, là người cư sĩ đầy đủ giới.

Ở đây, này Mahànàma, người cư sĩ có lòng tin, tin tưởng ở sự giác ngộ của Như Lai: “Đây là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn”. Cho đến như vậy, này Mahànàma, là người cư sĩ đầy đủ tín.

Ở đây, này Mahànàma, người cư sĩ trú ở gia đình, tâm thoát khỏi cấu uế của xan tham, bố thí dễ dàng, bàn tay rộng mở, thích thú từ bỏ, đáp ứng điều yêu cầu, thích thú chia sẻ vật bố thí. Cho đến như vậy, này Mahànàma, là người cư sĩ đầy đủ bố thí.

Ở đây, này Mahànàma, người cư sĩ có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt (các pháp), trí tuệ các bậc Thánh thể nhập (các

pháp), cho đến chân chánh đoạn tận khổ đau. Cho đến như vậy, này Mahànàma, là người cư sĩ đầy đủ trí tuệ.”¹

Quy y Tam bảo là khởi đầu cho lộ trình tu học và tiếp nhận khả năng chuyển hóa vận mạng của cả đời người. Vì khi quy y Tam bảo, người cư sĩ có nhiều cơ hội thực hành phương pháp tu dưỡng có hiệu quả. Từ đó, họ cảm nhận sự an lạc và lợi ích lớn trong đời sống bản thân. Nương tựa Phật, Pháp và Tăng là thừa hưởng sức mạnh đạo đức của đại chúng và vận dụng được kinh nghiệm quý báu trong việc tu học.

Người cư sĩ đã quy y Tam bảo thực sự là con của Phật, là thành viên trong căn nhà Phật pháp. Do vậy mà một người khi quy y thường có cái tên mới, gọi là Pháp danh. Lâu nay sống ở nhà, tên mình do cha đặt. Nay trở về với đạo, vị thầy hướng dẫn đặt pháp danh. Pháp danh cũng là tên gọi kể từ khi sinh ra trong giáo pháp của Phật, làm mới đời sống của mình bằng cách thực tập theo lời Phật dạy.

Thành tựu về giới: Người cư sĩ phải thành tựu về giới, tức thực hành Ngũ giới nghiêm túc. Ai không như pháp thọ trì giới thì chướng ngại kết quả tu học. Thọ giới, giữ giới và đắc giới là diễn tiến quá trình tu học tích cực. Giới là khuôn vàng thước ngọc để chúng ta rèn luyện đạo đức cá nhân, gia đình, và xã hội. Ai giữ giới trong sạch thì có đời sống lành mạnh và trí tuệ sáng suốt, mạng chung tâm không sợ hãi, sanh vào cõi lành. Thành tựu giới để thành tựu định và tuệ giải thoát.

Thành tựu chánh tín: một yếu tố quan trọng trong phụng sự Tam bảo của người cư sĩ Phật tử là niềm tin. Niềm tin là sự tịnh tín với Phật, Pháp và Tăng. Niềm tin phát khởi thì có sự tu học tinh tấn. Phật tử luôn tư duy ân đức của Tam bảo mà khởi tâm gìn giữ căn nhà Phật pháp. Vì lý do nào đó mà có

người làm tổn hại đến Tam bảo, người cư sĩ tịnh tín cảm nhận được sự đau xót giống như trăm ngàn mũi kim đâm vào thân mình. Đó là nỗi đau của người biết tôn trọng chân lý và lợi ích đời sống tha nhân. Phát huy đạo Phật cần có những người Phật tử tịnh tín như vậy.

Phật dạy: “*Ví như, này các Tỳ kheo, trên khoảnh đất tốt, tại ngã tư đường, có cây bàng to lớn là chỗ nương tựa cho các loài chim. Cũng vậy, này các Tỳ kheo, các thiện nam tử có lòng tin là chỗ nương tựa cho quần chúng, cho các Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, cho nam và nữ cư sĩ*”². Người cư sĩ Phật tử phải khẳng định mình là chỗ nương tựa cho những đệ tử Phật hành đạo, ví như cây bàng cho các loài chim nương tựa và sinh sống. Đạo Phật từ bao đời nay tồn tại và phát triển tốt đẹp trong xã hội là nhờ lòng tịnh tín của người cư sĩ Phật tử.

Thực hành bố thí: Bố thí có nghĩa là cho ra bằng tình thương, bằng trí tuệ. Bố thí không chỉ dựa trên giá trị vật chất mà còn nhiều giá trị khác. Tục ngữ có câu: “Cách cho hơn đem của cho”. Người cho với tấm lòng vui vẻ, dù của cải (vật bố thí) ít nhưng người thọ nhận cảm thấy an lạc. Kinh Phật dạy: Bố thí có ba phương diện, đó là: Tài thí, Pháp thí và Vô úy thí.

Tài thí là dùng tiền tài, phẩm vật bố thí, như cúng dường Tam bảo, cúng dường cha mẹ, giúp đỡ người nghèo khó và tham gia làm từ thiện. Khi cúng dường hay bố thí, quan trọng với tâm rộng mở, không bị trói buộc. Không dùng tiền của bố thí mà sanh lòng tự cao, ý lại hay khoe khoang theo thói hư danh. Dù tài vật nhiều hay ít nhưng cho ra với tâm giải thoát.

Phật dạy: “*Nhưng ở đây, này Sàriputta, có người bố thí với tâm không mong cầu, bố thí với tâm không trói buộc, bố thí không với ý nghĩ “ta sẽ hưởng thọ cái này ở đời sau”, chỉ bố*

thí với ý nghĩ “lành thay sự bố thí”. Vị ấy bố thí để trang nghiêm tâm. Do đó thí như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi trời Phạm Chúng. Khi nghiệp lực đoạn tận, thân lực, danh tiếng và uy quyền đoạn tận, vị ấy trở thành vị Bất lai, không trở lui lại trạng thái này”³. Bố thí để trang nghiêm tâm, dù người nghèo hay giàu, bố thí với tâm lòng vô ngã vị tha thì có phước báo to lớn.

Bố thí pháp là học giáo lý từ bi trí tuệ của Phật để chia sẻ cho mọi người biết vận dụng tu học và sống có ý nghĩa. Đạo Phật là đạo chung cho người đã đến tu học, chung cho người đang đến tu học, chung cho những ai sẽ đến tu học. Đức Phật vì chúng sanh và nhân loại mà truyền bá giáo lý giải thoát. Do vậy, dù tu sĩ hay cư sĩ đều có trách nhiệm chung về việc hoằng dương Phật pháp. Người cư sĩ Phật tử tùy duyên bố thí pháp, như cúng dường ân tống kinh sách, báo chí Phật giáo để mong mọi người hiểu rõ giáo lý của Phật thì đó là một cách bố thí pháp.

Vô úy thí là giúp người vượt qua sợ hãi. Người con Phật, luôn kiên trì nhẫn nại truyền bá Chánh pháp vào dòng đời khổ đau thì cần có đức vô úy. Chúng ta đang thực hành chân lý tự do và giải thoát trên đời, những người đau khổ cần sự giúp đỡ thì chúng ta sẵn lòng. Chúng ta dùng lời ái ngữ an ủi mọi người lúc tai ương hoạn nạn, giúp người vượt qua sự khó khăn và bế tắc trong đời sống bằng tình thương và sự hiểu biết.

Đức Phật thường khuyên các đệ tử cư sĩ không những nỗ lực tu các thiện pháp mà còn khích lệ tu tuệ giải thoát. Pháp thực hành cụ thể là thiền quán trên mọi hiện tượng để thấu đạt lý sanh diệt. Sanh diệt là ý nghĩa của giáo lý duyên khởi, pháp mà Đức Phật đã thực hành và chúng đắc quả vị giải thoát.

Phật dạy rằng: “*Ai thấy duyên khởi là thấy pháp. Ai thấy pháp là thấy Ta (Phật)*”⁴. Quán các pháp tùy duyên sanh, tùy duyên diệt thì tâm chấp thủ và phiền não sẽ đoạn trừ. Từ đó tâm ly dục, ly bất thiện pháp xuất hiện, an trú vào trạng thái thanh tịnh của bậc Thánh. Mọi hành động tu tập đều chỉ đạo bằng trí tuệ, làm phước thiện với tâm không chấp thủ đều là yếu tố đưa đến chứng ngộ quả vị giải thoát.

Phẩm hạnh của cư sĩ Phật tử được Đức Phật thuyết trong các bản kinh thuộc hệ Nikàya này rất chi tiết và dễ hiểu. Từ khởi đầu quy y, tu tập Năm giới, giữ lòng tịnh tín với Tam bảo, thực hành bố thí và thành tựu trí tuệ chứng ngộ Thánh quả liên quan trong sự tu học của người cư sĩ mà nhiều kinh điển khác thường nhắc đến. Chúng ta thấy bổn phận và trách nhiệm to lớn của người cư sĩ trong việc tu học và truyền bá Chánh pháp trong đời sống nhân gian.

Thiết nghĩ rằng, nếu mọi người đều đón nhận và thực hành đúng theo tôn chỉ của Phật dạy thì đạo Phật sẽ phát triển vô cùng mạnh mẽ trong mọi hoàn cảnh, mọi thời đại, và cũng đem đến hạnh phúc an lạc cho tất cả mọi người.

Thích Đức Trí

(1) *Kinh Tương ưng V.55.37, bản dịch của HT.Thích Minh Châu.*

(2) *ĐTKVN, Tăng chi bộ II, chương 5, phẩm Sumana, phần Sự lợi ích của lòng tin, VNCPHVN, ấn hành 1996, tr.369.*

(3) *ĐTKVN, Tăng chi bộ III, chương 7, phẩm Tế đàn, phần Bố thí, VNCPHVN ấn hành 1996, tr.355.*

(4) *Tiểu bộ kinh I, tr.48, bản dịch của HT. Minh Châu, ĐTKVN.*

VẤN ĐỀ ĐÀO TẠO CƯ SĨ HOÀNG PHÁP

Thích Viên Giác

Xã hội hiện đại là một xã hội năng động, tốc độ phát triển rất cao, đang và sẽ tạo ra sự cạnh tranh khốc liệt trên mọi lãnh vực. Vấn đề cạnh tranh tôn giáo cũng đang rất nóng, sự tìm kiếm phương thức thu hút tín đồ, tạo ảnh hưởng của tôn giáo trong lòng xã hội qua các phương tiện thông tin, qua các hoạt động truyền giáo. Đặc biệt việc đào tạo đội ngũ cán bộ truyền giáo trở thành chiến lược của các tôn giáo.

Phật giáo tuy có lợi thế về văn hóa truyền thống, về giáo lý sinh động và thực tiễn, nhưng về mặt tổ chức, đào tạo cán bộ truyền đạo thì chưa được quan tâm đúng mức. Trên thực tế Phật giáo thua sút rất xa so với các tôn giáo bạn. Điều làm chúng ta băn khoăn ở chỗ, khẩu hiệu của Phật giáo là “Hoàng pháp vi gia vị”, có vẻ như nó được coi là việc nhà của quý Thầy hơn là của tín đồ Phật giáo.

Thời gian gần đây, vấn đề giáo dục người cư sĩ được quan tâm, dù hơi muộn, nhưng chỉ có tính đối phó các thách thức trước mắt hơn là kế lâu dài và bền vững. Trên sách lược vĩ mô vẫn chưa thấy bóng dáng và lối đi cho hàng ngũ cư sĩ. Đã đến lúc chúng ta phải tập trung vào kế hoạch trồng người như cổ nhân đã nói : “Nhất niên chi kế mạc như thọ cốc; thập niên chi kế mạc như thọ mộc; chung thân chi kế mạc như thọ nhân” (*Kế hoạch một năm không gì bằng trồng lúa; kế hoạch mười năm không gì bằng trồng cây; kế hoạch trọn đời không gì bằng trồng người*).

Chương trình giáo dục và đào tạo người cư sĩ có khả năng giữ đạo và phát triển đạo cần phải được triển khai sâu rộng, nhất là ở đơn vị cơ sở chùa chiền, cần có chính sách kích thích công đức hoằng pháp của người cư sĩ. Nhiệm vụ cao cả về giáo dục và đào tạo người cư sĩ như trên phải là gánh nặng của vị trụ trì hay của cán bộ cơ sở của giáo hội. Hiện nay chúng ta đang tập trung trách nhiệm cho cán bộ thượng tầng nên hiệu quả không cao và ắt tạm thời. Sự thay đổi cơ cấu nhân sự ở cấp cao thường diễn ra theo từng nhiệm kỳ, điều đó dẫn đến khó bảo lưu đường lối đúng và những thành quả hoằng pháp.

Xã hội hiện đại đang mở rộng theo đà tăng trưởng kinh tế, các hội đoàn của các tôn giáo và xã hội được luật pháp cho phép hoạt động ngày càng nhiều, điều đó đã đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt văn hóa, xây dựng đạo đức cộng đồng, xây dựng gia đình và các nhu cầu sinh hoạt của các thành phần khác nhau trong xã hội...

Chúng ta cần chuyển hướng quan tâm vào các tầng lớp cư sĩ, họ là những người có điều kiện và cơ hội tiếp cận với con người xã hội, họ có thể làm cánh tay nối dài của quý Thầy để đưa đạo vào đời một cách có hiệu quả. Chúng ta không dừng lại ở điểm đích giảng dạy giáo lý mà phải quan tâm sâu sắc đến mục tiêu giáo dục, đào tạo người cư sĩ trở thành lực lượng hoằng pháp.

Ngôi chùa và hàng ngũ cư sĩ đối với chiến lược hoằng pháp

Hoằng pháp luôn cần có cơ sở, có nhiều loại cơ sở, ở đây chỉ nói hạn hẹp là ngôi chùa. Chùa được coi là “ Cơ quan truyền bá chánh pháp Phật đả”, với vai trò như vậy, ngôi chùa là nơi đáp ứng mọi yêu cầu của tín đồ về mặt tinh thần, tâm linh. Đồng thời, là nơi triển khai, điều chỉnh và định hướng tu học, tư tưởng, đường lối của Giáo hội. Vì vậy, một ngôi chùa cần

có đủ nhân sự để cung ứng cho các Phật sự được thành công. Chư tôn đức Tăng Ni chỉ là một phần của lực lượng nhân sự, cần có đội ngũ cư sĩ hỗ trợ, càng mạnh càng tốt. Các tôn giáo bạn, đội ngũ cán bộ tín đồ rất lớn bao gồm cả hai thành phần chuyên nghiệp và bán chuyên nghiệp.

Có một câu khẩu hiệu thường được treo ở các chùa : “ *Phật pháp xương minh do Tăng già đượ hóa, thiên môn hưng thịnh nhờ Đàn việt phát tâm*”, khẳng định vai trò của chư Tăng là hoằng dương Phật pháp còn người cư sĩ thì lo ủng hộ (vật chất) chùa chiền. Sự phân công rạch ròi như vậy, vô tình làm giới hạn sứ mệnh của người cư sĩ và làm giảm tác dụng hoằng pháp. Trong thời hiện đại Đạo Phật không thể co mình trong khuôn viên của ngôi chùa, và bị hạn chế trong sắc phục của người tu sĩ, trong khi các tôn giáo bạn đang vận động tích cực mang tầm quốc tế vừa vĩ mô vừa vi mô mà trọng trách phải gánh là các tín đồ. Chúng ta cần thay đổi cách nhìn và trong cách hành động, nên làm như ngày xưa Phật đã dạy: “*Tứ chúng đồng tu*”. (*Bốn chúng đều thực hành Phật pháp, thực hành Phật pháp không bao giờ chỉ mang tính cá nhân, tự giác luôn đi với giác tha*).

Hàng ngũ cư sĩ cần được giáo dục toàn diện, về số lượng và cả chất lượng. Về số lượng, tập trung tối đa số lượng hiện có; Về chất lượng, giáo dục cho họ hiểu được giáo lý căn bản và sự thực hành hằng ngày của người Phật tử. Mọi người Phật tử cần sống theo nguyên tắc đạo đức của một Phật tử, cần có nhân cách phù hợp với đạo lý giải thoát. Trên cơ sở ấy, chúng ta giữ được phẩm chất và tác dụng của Đạo Phật đối với xã hội.

Ngoài việc giáo dục đạo lý và lối sống hiền thiện, ta cần chọn lọc những thành phần Phật tử có tâm huyết, có khả năng và điều kiện để đào tạo, huấn luyện các kỹ năng hoằng pháp một cách có hệ thống. Chuẩn bị cho họ vị trí và tâm thế hành Bồ

tát hạnh, đi vào xã hội truyền bá chánh pháp. Chương trình đào tạo cần thiết thực và chuyên môn hóa.

Mục tiêu của chúng ta là đào tạo, huấn luyện những người cư sĩ nông cốt trở thành một tác viên hoằng pháp tương đương như đào tạo một người tu sĩ mà trong Phật giáo đại thừa gọi là Bồ tát tại gia. Điều này có ý nghĩa rằng, sau khi họ được đào tạo, họ có thể tự thân vận động giữa dòng đời đầy biến động mà không cần một vị Thầy đi kèm. Một ngôi chùa, nếu chỉ hưng thịnh khi có một vị Thầy giỏi thì sự phát triển của ngôi chùa ấy chỉ là giai đoạn, không có sự bền vững, lâu dài. Một đội ngũ cư sĩ có phẩm chất sẽ làm cho ngôi chùa đứng vững và phát triển được dù có Thầy hay không. Có người cho rằng, người cư sĩ giỏi thường lấn lướt quý Tăng Ni hoặc có thể trở thành người tự cao tự đại khó điều khiển...Tôi cho rằng đó không phải là vấn đề, vấn đề là chương trình giáo dục và phương pháp đào tạo có đúng hướng hay không. Người cư sĩ là một Cận sự nam (nữ), vai trò rất rõ là thân cận hộ trì Phật pháp, trợ giúp cho quý Thầy truyền bá chánh pháp, nghĩa là luôn đứng sau và dưới sự chỉ đạo của quý Thầy. Khi được đào tạo đúng hướng họ sẽ là người hộ trì chánh pháp đúng nghĩa, chia sẻ gánh nặng cho quý Thầy và gánh vác nhiều lãnh vực Phật sự quan trọng.

Đào tạo kỹ năng hoằng pháp cho người cư sĩ

● **Kỹ năng tu học đào luyện phát triển tâm linh:** Người cư sĩ hoằng pháp cần có khả năng huấn luyện chính mình (tức là hoằng pháp cho mình trước) qua chương trình tu tập hằng ngày như: kỹ năng hành thiền, tụng kinh, khóa tu niệm Phật, tu bát quan trai, tức tập chánh niệm...nhờ kỹ năng này mà người cư sĩ có đời sống tâm linh cao, hạnh nguyện và lý tưởng được củng cố, thành tựu được phẩm chất cao đẹp của người

Phật tử. Đồng thời có thể thuyết giảng thay cho chư Tăng khi cần thiết. Họ có thể chủ động hoằng pháp trong môi trường sống và làm việc của họ.

• **Kỹ năng tổ chức, quản lý, điều hành:** Người cư sĩ hoằng pháp luôn sát cánh bên quý Thầy trong các chương trình tu học của chùa, chia sẻ trách nhiệm lãnh đạo các khóa tu, các lễ hội, quảng bá thông tin đến với quần chúng Phật tử và xã hội.

• **Kỹ năng trợ niệm vãng sinh:** Nhu cầu về trợ niệm vãng sinh rất lớn và rất cần trong việc hoằng pháp. Cần có một ban nghi lễ chuyên lo việc trợ niệm khi sắp lâm chung, tổng táng khi đã qua đời và an ủi người thân đang đau khổ. Một người cư sĩ biết cách thực hiện nghi thức chuyển nghiệp cho người hấp hối và biết cách tổ chức tổng táng cho người chết sẽ có ảnh hưởng rất lớn cho Đạo.

• **Kỹ năng tư vấn tâm lý và chuyển hóa niềm đau nỗi khổ:** Người cư sĩ hoằng pháp cần trang bị cho mình khả năng tư vấn, hướng dẫn tư duy tích cực, giúp cho một người đang vướng mắc vào hoàn cảnh khó khăn thoát khỏi tình trạng hụt hẫng tâm lý. Mặt khác, người cư sĩ hoằng pháp cần có năng lượng tâm linh cao và phương pháp chuyển hóa khổ đau bằng năng lượng tâm linh ấy. Sự có mặt của người cư sĩ đúng lúc sẽ giúp đỡ rất nhiều cho bạn đạo và cho những người đang gặp bế tắc trong cuộc sống. Tác dụng hoằng pháp sẽ rất lớn.

• **Kỹ năng hướng dẫn thanh thiếu niên Phật tử:** Người cư sĩ hoằng pháp cần ý thức rõ tầm quan trọng của việc tổ chức giáo dục thanh thiếu niên Phật tử. Đối với Phật tử lớn tuổi, việc đến chùa tu học gần như là nhu cầu ăn uống (thức ăn tinh thần), tương đối dễ tập hợp. Nhưng với Phật tử trẻ thì rất khó

vì chưa ý thức được tầm quan trọng của việc phát triển tâm linh. Trong khi đó, giới trẻ có quá nhiều cảm dỗ ngoài xã hội. Gia đình nào cũng quan tâm đến việc tìm kiếm môi trường sinh hoạt lành mạnh cho con em mình. Hơn nữa, tương lai của Phật pháp thịnh hay suy tùy thuộc vào tuổi trẻ Phật giáo hiện nay ra sao. Hãy quan tâm đến công tác tập trung sinh hoạt hằng tuần cho thanh thiếu niên Phật tử và đầu tư vào chương trình sinh hoạt khác nhau qua các lễ hội văn hóa để tạo sân chơi cho thanh thiếu niên.

Tóm lại, vấn đề giáo dục đào tạo người cư sĩ có khả năng hoằng pháp là một sách lược quan trọng đối với sự phát triển của Phật pháp trong thời hiện đại. Sứ mệnh đào tạo này đặt trong tay của vị trụ trì và lãnh đạo giáo hội cấp cơ sở là thiết thực và hiệu quả nhất. Ban hoằng pháp trung ương, tỉnh thành sẽ định hướng và xây dựng nội dung, chương trình cũng như giám sát tiến độ và hiệu quả của chương trình.

Chúng tôi tin rằng với sự nhận thức đúng đắn và hành động kịp thời của chư tôn giáo phẩm lãnh đạo, chúng ta sẽ có một đội ngũ cư sĩ đủ mạnh để phát triển Phật pháp, đưa đạo vào đời làm lợi ích cho xã hội.

Thích Viên Giác

ĐÀO TẠO GIÁO THỌ SƯ TẠI MỸ

Thích Trí Hoằng

Tất cả học tăng thuộc Phật Học Viện Trung Phần đều mang ơn sâu xa những bậc ân sư đã dày công giáo dưỡng trong đó mỗi bậc là nhị vị Hòa Thượng Thích Trí Thủ và Hòa Thượng Thích Đồng Minh là những người đã đem cả cuộc đời mình phụng sự cho Phật Pháp.

Hình ảnh hy sinh của các ngài là ngọn đuốc soi đường cho đàn hậu tấn. Dầu trong hoàn cảnh nào, địa phương nào, hình ảnh đó luôn luôn mang đi niềm tin, nghị lực cho học tăng. Mọi người khi nghĩ đến các Ôn đều khởi lên niềm thương kính vô biên công hạnh của các ngài và ước mong theo bước chân các ngài.

Trong niềm tri ân sâu xa và để đền đáp phần nào công ơn sâu dày đó, bài viết này như một lễ vật khiêm tốn để dâng cúng các ngài trong đó sự thành tựu cá nhân là kết quả của công sức và tâm nguyện của các ngài.

*

Trong ước nguyện giới thiệu Phật Pháp đến với người Mỹ như một nỗ lực nhằm giải tỏa những áp lực vật chất nặng nề trong xã hội phương Tây; khai thông một hướng mới cho sự khủng hoảng tâm linh trầm trọng hiện tại trong bối cảnh suy tàn của tín ngưỡng truyền thống phương Tây; cũng như duy trì văn

hóa Việt trong những thế hệ trẻ gốc Việt, lớp học Phật Pháp nhằm đào tạo giáo thọ dành cho người nói tiếng Anh đã được hình thành.

Đây là một chương trình nhằm đào tạo những vị **giảng sư cư sĩ Phật Giáo** trong sứ mệnh hoằng pháp tại Hoa Kỳ.

Với những trở trở thường nhật làm thế nào để đạo Phật bắt rễ tại phương Tây trong khi tăng đoàn phương Tây ửng mặt và cuộc sống xuất gia hãy còn xa lạ đối với xã hội Âu Mỹ?

Làm sao những người trí thức Hoa Kỳ có thể đóng góp tích cực trong việc giới thiệu Phật Pháp đến người dân để đáp ứng nhu cầu cấp thiết giúp mọi người tìm thấy sự an lạc trong cuộc sống đầy căng thẳng?

Làm sao để giúp người Tây Phương tìm thấy lại niềm tin từ những đổ nát của văn hóa truyền thống?

Làm thế nào để những trẻ em gốc Việt tìm lại nguồn cội?

Từ những bản thảo đó chúng tôi mạo muội tổ chức khóa đào tạo giáo thọ lấy cư sĩ làm nòng cốt với mục đích truyền bá Phật Pháp và văn hóa Việt tại Hoa Kỳ; và trong ước vọng khi Phật Pháp đã thấm nhuần thì các Phật tử Tây Phương sẽ phát tâm xuất gia. Hiện nay đã có hai vị tăng và ni người Mỹ.

Chương trình này được tổ chức tại Tu viện Chuang Yen (Trang Nghiêm) ở Carmel, New York. Đây là ngôi chùa lớn nhất tại Hoa Kỳ do cộng đồng người Hoa thành lập trên khu đất hơn một trăm hectares. Chùa đã hết lòng hỗ trợ thầy Thích Trí Hoằng trong việc tổ chức lớp đào tạo giáo thọ cũng như bảo trợ chương trình Phật Pháp cho tù nhân.

Kỷ yếu Hội Luận 2011 - Đuốc Tuệ



Tu viện Trang Nghiêm



Tượng Phật ở Chánh điện

1/ Đào tạo giáo thọ (Dharma Teacher Training Course):

Lớp đào tạo giáo thọ là một chương trình nghiên cứu và tu tập Phật Pháp ba năm. Chương trình được thiết kế để cung cấp cho sinh viên một sự hiểu biết chuyên sâu của Phật giáo và thực hành Phật Pháp trong ba truyền thống Nguyên Thủy, Đại

Kỷ yếu Hội Luận 2011 - Đuốc Tuệ

Thừa và Kim Cương thừa. Năm đầu tiên của chương trình cung cấp một cái nhìn tổng quan rộng lớn về Phật giáo. Năm thứ hai tập trung vào các kinh điển Phật giáo. Năm thứ ba tập trung vào triết học Phật giáo và các ứng dụng như khoa học, tâm lý học, và tâm lý trị liệu.. .

Trong chương trình học mỗi năm có sáu ngày chuyên tu, ba ngày lễ và ba ngày liên tục. Trong khóa tu cuối khóa học viên có thi giờ để trình bày kiến giải của mình trong một đề tài tự chọn và mọi người có quyền phát biểu tranh luận về đề tài thuyết trình. Sau khi hoàn tất cả ba năm, sinh viên được cấp bằng tốt nghiệp về Phật Học.

Những sinh viên nào muốn trở thành giáo thọ cần phải học thêm một năm thứ tư nữa. Sinh viên này được vị giáo trưởng dòng tu tuyển chọn và mời tham gia.

Những sinh viên hoàn tất tốt năm thứ tư có thể được thụ phong giáo thọ trong Dòng Tu Giáo Thọ (Dharma Teacher Order). Dòng tu này do thầy Thích Trí Hỷ sáng lập năm 2000.





Từ đó đến nay, những thành viên của Dòng Tu Giáo Thọ đã bắt đầu thành lập những Tăng thân (nhóm Thiền) tại địa phương của mình. Như thế Phật Pháp được lan rộng.

Những thành viên khác dẫn thân vào công việc xây dựng Lớp Phật Pháp Hàm Thụ Cho Tù Nhân; hay làm những điều phối viên lớp Thiền cho người Mỹ vào mỗi Chủ Nhật tại Chùa Chuang Yen; hay là tìm nhiều cách sáng tạo khác để sử dụng kiến thức và kinh nghiệm tu tập của họ trong việc truyền bá Phật Pháp tại học đường, bệnh viện, nhà dưỡng lão...

2/ Lớp Phật Pháp Hàm Thụ Cho Tù Nhân (Correspondence course for prison inmates):

Chương trình này tiếp nhận học viên là những tù nhân trên toàn nước Mỹ. Hiện nay có trên 500 người tham dự. Họ học ba năm và được cấp bằng Tốt Nghiệp Phật Học sau khi hoàn tất chương trình. Dưới sự hướng dẫn của thầy Thích Trí Hoàng và sự điều hành của giáo thọ Richard Baksa, tất cả thành viên của Dòng Giáo Thọ và sinh viên Lớp Phật Pháp đã giúp đỡ hữu hiệu các tù nhân trong việc tu học Phật Pháp.

Kỷ yếu Hội Luận 2011 - Đuốc Tuệ

Các tài liệu Phật Pháp được gửi bằng bưu điện đến các tù nhân. Sau khi đọc xong họ trả lời những câu hỏi trong phần bài tập và gửi về cho vị giáo thọ liên hệ. Nếu có những câu hỏi liên quan đến giáo lý hay câu hỏi cá nhân liên quan cuộc sống họ có thể liên hệ với vị giáo thọ này. Nhờ chương trình này, rất nhiều tù nhân đã biết đến Phật Pháp và đã tìm thấy hy vọng trong việc cải tạo cuộc sống. Khi ra tù họ là những Phật tử. Có người tiếp tục học để trở thành giáo thọ giúp đỡ những tù nhân khác. Toàn bộ sách giáo khoa cũng như việc ký gửi đều do Chùa Chuang Yen đảm trách.

Để hiểu rõ thêm về lớp học Phật Pháp cho tù nhân xin vào trang web sau:

<http://www.baus.org/baus/programs/PrisonCorrespondenceCourse.html>

Về những sinh hoạt và hình ảnh của chương trình giáo thọ xin vào trang web sau:

www.dharmatraining.org

Trên đây là giới thiệu sơ lược về nỗ lực hoằng pháp tại Mỹ trong mong ước làm cho đạo Phật bắt rễ tại Hoa Kỳ. Đạo Phật tại Mỹ trong tương lai sẽ có những hình thức sinh hoạt phù hợp với hoàn cảnh tại đó. Tuy nhiên tư tưởng nòng cốt vẫn là tinh thần phóng khoáng hòa hợp của đạo Phật Việt Nam giúp chuyển hóa khổ đau thành hạnh phúc; và Việt Nam cũng là quê hương tâm linh của truyền thống này.

Tháng mười Tân Mão (2011)

Môn sinh **Thích Trí Hoằng**

HẢI NGOẠI VÀ DÒNG SINH MỆNH PHẬT GIÁO

Thiện Quả Đào Văn Bình



Trước đây người Việt đã có mặt trên khắp thế giới – đặc biệt tại Mỹ, Pháp, Đức, Úc, Nga, Đông Âu v.v... là do các chương trình du học hoặc làm việc trong các tòa đại sứ hoặc đi lính cho Pháp từ thời Thế Chiến I, nhưng con số không nhiều. Chỉ từ sau năm 1975 con số bỗng vọt lên tới trên 3 triệu do các đợt “*di tản*”, “*thuyền nhân*” (Boat People), “*đoàn tụ gia đình*” và “*hợp tác lao động*”.

Trái với người Da Đen ở Phi Châu bị bán qua Hoa Kỳ hoặc qua các thuộc địa của các Đế Quốc Anh, Pháp, Ý, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Hòa Lan v.v... để làm nô lệ, ***họ không có gì để mang theo*** ngoài sức lao động. Lúc đó, những người Da Đen này chỉ là những thổ dân sống trong các bộ lạc, chưa hình thành một quốc gia với kỷ cương và nhất là một nền văn học, văn hóa và tâm linh (tôn giáo) **thh** trị, cho nên họ bị đồng

hóa ngay với tôn giáo và văn hóa bản địa. Giống như người Trung Hoa và Nhật Bản, Thái Lan, Lào, Kampuchia, Miến Điện, người Việt khi đi ra nước ngoài đã mang theo cả phong tục tập quán, văn hóa, lịch sử và nhất là tôn giáo như Phật Giáo – đã thấm vào xương tủy gần hai nghìn năm.

Phải nói, thân phận của đại đa số những người Việt trong những ngày đầu mới định cư thật cay đắng. Họ phải làm đủ mọi nghề để sinh sống... như bồi bàn, rửa chén, lau chùi quét dọn nhà cửa, bán xăng cho các trạm xăng, may quần áo, khá hơn một chút thì làm *assembler* (thợ lắp ráp điện tử) v.v... Nói tóm lại – tất cả là những nghề gì ***thuộc tay chân*** mà không cần đến tiếng Tây, tiếng U gì ráo trọi. Có khi cả vợ chồng con cái phải thức hôm thức khuya để cầm những chiếc “*súng bắn nhựa nóng*” (glue gun) để gắn những bông hoa, những mảnh vải, những nút áo v.v... mà công lao nhà thầu chỉ trả 2 cent hay 3 xu (cent) một cái. Thế rồi ban ngày phải đi học thêm và hầu như họ không có ngày Thứ Bảy, Chủ Nhật hay ngày lễ! Hầu hết những người thành công về mặt học vấn, thương mại tuổi ngoài sáu mươi tại Hoa Kỳ hôm nay, đều đã trải qua những giai đoạn gian khổ như thế. Còn về đời sống, muốn ăn nước mắm có khi phải lái xe khoảng 40 dặm (trên 60km) để vào những siêu thị của người Tàu. Ngày nay, những người “*sang sau*” hoặc từ Việt Nam du lịch sang Hoa Kỳ hoặc Úc Châu, thấy chùa chiền và đời sống phồn thịnh, sẽ không hiểu nổi những gian nan của người Việt trong những ngày đầu vào những năm 1975-1980.

Sống trong lòng một xã hội xa lạ về ngôn ngữ, tập quán, văn hóa mà chung quanh là một dòng chính, khoảng 75% là Ca-tô Giáo La Mã (Roman Catholic), Ca-tô Giáo Ly Khai (Protestant) và Do Thái Giáo – gọi chung là Christianity – với sức cuốn hút hùng hực mà khối người này không mất gốc Phật

Giáo...thật là chuyện phi thường ! Nó phi thường ở chỗ lúc đó chưa có Chùa, chưa có Thầy mà chỉ có “*Ông Phật trong tâm*” và dòng máu Phật Giáo, giống máu Việt âm thầm luân lưu trong huyết quản. Nói tóm lại trong Tam Bảo chỉ còn Phật Bảo. Còn Tăng Bảo và Pháp Bảo thì không có.

Nói về những gian nan của Phật Giáo hải ngoại trong những ngày đầu, vào thập niên 1980, có những đại đức trẻ ban ngày phải đi làm để kiếm sống trả tiền thuê chùa (nhà), rồi học *part time* (bán thời gian) để trau dồi thêm kiến thức. Chùa đóng cửa cả tuần, có khi chỉ mở ngày Thứ Bảy hay Chủ Nhật hoặc những ngày lễ của Hoa Kỳ. Một số chùa do Phật tử thành lập lại không có thầy. Tới một ngôi chùa mà không thấy ni/sư trụ trì thì nó ạnh lều và buồn chẳng khác nào “*Con không cha, nhà không nóc*”. Trong nỗ lực phi thường đó, Phật Học Viện Quốc Tế (Nam California) có lẽ là cơ sở Phật Giáo đầu tiên tại hải ngoại.

Còn đối với hàng cư sĩ và Phật tử, sau khi đã tạm ổn định đời sống, thì nhu cầu tâm linh, tu học, làm sống lại Phật Giáo và cũng là để giữ gìn bản sắc dân tộc sống dậy như một thôi thúc. Một người Việt Nam qua Mỹ, Âu Châu, Úc Châu, Canada có đi lễ nhà thờ thì chuyện đó chẳng lạ dưới con mắt người bản xứ. Nhưng cũng người Việt Nam đó qua đây lại đi lễ chùa, ăn chay, cúng gổ ông bà tổ tiên, giữ gìn đạo hiệu (qua Lễ Vu Lan) và thờ “*Buddha*” vẫn còn xa lạ với đất nước họ thì đó mới là chuyện lạ. Còn các cựu huynh trưởng Gia Đình Phật Tử dù mái tóc đã bạc, cũng vén tay áo vun trồng, gầy dựng lớp măng non trong lớp áo lam. Các nhóm Phật tử, các hội cư sĩ, nguyệt san, đặc san, chương trình phát thanh, sau này là các website, weblog, băng CD, kinh sách phát không ấu hiện khắp nơi, và hàng cư sĩ đã đóng góp mạnh mẽ vào sinh hoạt Phật sự, hộ pháp, luận giải kinh điển, phiên dịch... phải nói là rất nhiều, trong đó phải kể tới những tên tuổi như Cố GS. Nguyễn Đăng Thục, Cụ Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng, BS

Nguyễn Văn Thọ, Cựu Bảo Thông Lê Thái Ất, GS. Tiến Sĩ Thái Sơn (Vện Trường Đại Học Đông Phương, Pháp), dịch giả Phạm Kim Khánh, Cư Sĩ Trần Quang Thuận, Cư Sĩ Thiện Phúc tác giả cuốn *Từ Điển Phật Học Việt-Anh* (1) mà tôi nghĩ rằng phải để ra ít nhất từ 15 tới 20 năm để hoàn tất. Và còn rất nhiều “*bồ tát tại gia*” khác đã đóng góp không một mảy cho đạo pháp mà không ai có thể biết hết. Trong số này phải kể thêm những vị đi đều hành các website, nội dung không phải 100% Phật Giáo nhưng đã có tới 1 triệu lượt độc giả thăm viếng.

Nhưng một trong những cư sĩ mà tôi đề cập sau đây, lại thuộc thế hệ con hay em của các cây cỏ thụ nói trên, đó là Cư Sĩ Nguyên Giác Phan Tấn Hải. Phan Tấn Hải sinh năm 1952 tại Sài Gòn, vừa là một nhà báo, một nhà thơ, đã từng học đạo với quý Hòa Thượng Thích Tịch Chiếu (Chùa Tây Tạng, Bình Dương), Hòa Thượng Thích Thiên Tâm (Đại Ninh, Lâm Đồng) và Hòa Thượng Thích Tài Quang (Phú Nhuận, Sài Gòn), là tác giả và dịch giả của một số sách Phật Giáo như: *Vài Chú Giải Về Thiền Đốn Ngộ* xuất bản năm 1990, *Thiền Tập* (biên dịch), *Ba Thiền Sư* của John Stevens, *Chú Giải Về Phowa* của Chagdud Khadro và *Lời Dạy Tâm Yếu Về Đại Thủ Ấn*. Vào ngày 31/7/2010 anh cho tiến lã m 42 bức tranh vẽ chân dung Đức Đạt Lai Lạt Ma tại Nam Cali nhân sinh nhật thứ 75 của Ngài. Vào Tháng 12 cùng năm, anh cho xuất bản ba cuốn sách song ngữ: 1) *Những Lời Dạy Của Các Thiền Sư Việt Nam Xưa* là một tập hợp bao gồm những bài pháp, bài thơ và kệ của các thiền sư trải dài 16 thế kỷ, từ thế kỷ thứ 3 tới thế kỷ thứ 19 mà anh dịch ra Anh Ngữ và bình chú dưới tựa đề *Teaching From Ancient Vietnamese Zen Masters*. 2) *Tuệ Trung Thượng Sĩ (1230-1291)* dịch ra Anh Ngữ và bình chú với tựa đề *The Wisdom Within: Teaching and Poetry of the Vietnamse Zen Master Tue Trung Thuong Si (1230-1291)*. 3)

Trần Nhân Tông: Đức Vua Sáng Tổ Một Dòng Thiền dịch ra Anh Ngữ và bình chú với tựa đề **Tran Nhan Tong: The King Who Founded A Zen School**. (2) Trong cả ba cuốn sách này, nơi những trang đầu, anh đã bày tỏ lòng biết ơn sâu xa “*đối với Thiền Sư Thích Thanh Từ, GS. Tiến Sĩ Trí Siêu Lê Mạnh Thát, Học Giả Trúc Thiên, Sư Gia Trần Đình Sơn và những công trình nghiên cứu mà những tác phẩm này đã dựa vào đó để tham khảo và bổn sư Thiền Sư Thích Tịnh Chiếu.*” Đây là ba cuốn sách song ngữ đối chiếu trình bày rất trang nhã, mỗi cuốn dày khoảng 200 trang, lợi ích cho thế hệ trẻ Việt Nam không am tường tiếng mẹ đẻ và cho các nhà nghiên cứu cũng như Phật tử ngoại quốc muốn tìm hiểu về Thiền Tông Việt Nam.

Khi nhận được ba cuốn sách, tôi đã gọi điện thoại cũng như gửi điện thư tán thán công đức và ca ngợi khả năng dịch thuật của anh. Dịch thơ Việt sang Anh, Pháp đã khó mà dịch thơ Thiền và kệ tụng lại càng khó hơn, bởi ý thơ Thiền mông lung, huyền diệu và rất nhiều ẩn dụ. Để nguyên tiếng Việt cũng đã khó hiểu huống hồ dịch sang ngoại ngữ. Tôi nghĩ rằng anh đã hoàn thành những tác phẩm này – nói theo thể thường – như đam mê của một nghệ sĩ. Còn nói theo ý đạo – như một hạnh nguyện xiển dương chánh pháp mà Thiền Tông đang được thế giới coi như viên kim cương của Phật Giáo với muôn ngàn màu sắc.

Qua những đóng góp của hàng cư sĩ tại gia cho Phật Giáo, chúng ta có thể ví: Phật tử như gốc, Tăng Ni như thân cành, còn Cư sĩ thì như hoa trái. Cây mất gốc tức không tìn đồ, thì cây đổ. Cây không thân cành là cây chết vì chỉ còn trơ gốc rễ. Nhưng cây không hoa trái là cây không ~~đ~~ Ba yếu tố này không thể tách rời nhau, đó là nét đặc thù của Phật Giáo.

Nhưng câu hỏi đặt ra ở đây là tại sao tôi lại có ý phân biệt giữa **Phật Tử và Cư Sĩ**? Họ khác nhau như thế nào? Xin thưa, Phật

tử là những tín đồ bình thường. Họ có thể là quý cụ, quý ông quý bà, thanh niên, thiếu nữ hoặc các đoàn sinh Gia Đình Phật Tử, Câu Lạc Bộ Thanh Thiếu Niên Phật Tử quanh năm sinh hoạt, đi lễ chùa. Họ cũng có thể một năm chỉ đến chùa một lần trong ngày hái lộc đầu Xuân hoặc chảy hội Chùa Hương. Họ có thể chỉ đến chùa để làm lễ cầu siêu khi cha mẹ họ qua đời, hoặc làm đám cưới. Họ cũng có thể chỉ đến chùa mỗi năm trong ngày Lễ Vu Lan để báo hiếu cha mẹ. Họ đóng góp rất nhiều cho chùa như tài chánh, công quả, ấn tống kinh sách v.v... nhưng tâm hồn họ hồn nhiên, vô tư và không bao giờ ray rứt về tương lai và sự tồn vong của Phật Giáo. Còn hàng cư sĩ thì có khác. Hàng ngũ Ưu Bà Di, Ưu Bà Tắc năm xưa chính là các đệ tử của Đức Phật. Họ chỉ khác với Tăng Già (Sangha) là: **Một bên tu tại chùa** (ngày xưa là các tịnh xá) **một bên tu tại nhà**. Hàng ngũ cư sĩ này, phần lớn là những nhà trí thức hoặc những vị nắm giữ những chức vụ quan trọng trong xã hội. Họ ưu tư tới sự tồn vong và sự thích nghi của Đạo Phật theo đà tiến triển của nhân loại. Họ theo dõi các chuyển động tôn giáo nói chung trên toàn thế giới, họ **niệt tình với đạo pháp và hết lòng hộ pháp, hoàng dương chánh pháp**. Những đỉnh cao chói lọi của hàng cư sĩ trong quá khứ phải kể tới tỷ phú Cấp Cô Độc, Vua A Dục của Ấn Độ, Lương Vũ Đế của Trung Hoa, Vua Lý Thái Tổ của Việt Nam. Và lịch sử Việt Nam cận đại phải ghi công các bậc cư sĩ lỗi lạc như Phạm Quỳnh, Trần Trọng Kim, Bùi Kỷ, Lê Đình Thám, Nguyễn An Ninh... đã cùng với chư tăng trong nỗ lực chấn hưng Phật Giáo vào thập niên 1930 khi ngôi nhà Phật Giáo gần như đổ nát dưới gót giày xâm lược của Thực Dân Pháp. Vì hàng cư sĩ có khi chỉ “tu tại gia”, không gắn bó với chùa hoặc thầy nào, tức không bị ảnh hưởng bởi “phe phái” cho nên sự đóng góp của họ cho ngôi nhà Phật Giáo Việt Nam không bị chướng ngại. Ngoài ra, số lượng **cư sĩ Phật tử trẻ** tại hải ngoại cũng gia tăng đáng kể do ảnh hưởng của Đức Đạt Lai

Lạt Ma, Thiên Sư Nhất Hạnh, do khả năng tiếp cận với Phật Giáo qua Anh ngữ, Pháp ngữ... vốn là sở trường, thay vì phải tìm hiểu Phật Giáo bằng vốn liếng Việt ngữ rất hạn chế. Do đó, nói một cách chủ quan, theo tôi, nếu dùng cách đếm số lượng người “*có đi lễ chùa*” hoặc “*quy y*” để lượng định thực lực của Phật Giáo là phương pháp hoàn toàn sai lầm. Câu nói “*Phật tại tâm*” khiến người Phật tử không câu nệ hình thức, không khoe khoang rằng “*tôi có đạo đây*” để cho người khác biết. Người Phật tử cũng như cư sĩ, do ảnh hưởng bởi *giáo lý thanh tịnh* cho nên họ đều “*keep low profile*” tức ít đeo hình tượng, không ồn ào, hoặc công khai bày tỏ lý lịch Phật Giáo ở nơi chốn công cộng. Cho nên gặp một người bình thường ngoài đời, chúng ta khó có thể biết họ là Phật tử. Trong khi đó, nếu gặp tín đồ của các tôn giáo khác, dù chỉ một lần, chúng ta có thể biết ngay gốc tích tôn giáo của họ.

Còn hệ thống Tăng Già hải ngoại thì như thế nào? Sau 35 năm, chưa bao giờ số lượng Tăng Ni và tự viện gia tăng như vậy. Theo ước lượng chủ quan của tôi, và căn cứ vào con số địa chỉ phổ biến, trên toàn thế giới có trên 300 ngôi chùa Việt Nam. Riêng tại thành phố San Jose, California có khoảng 20 ngôi chùa trên địa bàn dân số khoảng 100,000 – mà Phật tử không phải 100%. Một số “Giáo Hội” và “Tổ Đình” đã ra đời. Riêng tại Hoa Kỳ do không thống nhất được lãnh đạo, do ảnh hưởng bởi các biến động chính trị, đã có ít nhất bốn “Giáo Hội” đang hoạt động. Theo tôi dù là “giáo hội” gì đi nữa nó cũng vẫn chỉ là *Sự* vận hành trong cái bao la của *Lý* tức “Phật Giáo Việt Nam”. Các “*Giáo Hội*” ví như sóng, còn “*Phật Giáo Việt Nam*” ví như nước. Sóng có sóng to, sóng nhỏ, sóng ngầm, sóng cồn, sóng bạc đầu, sóng vỗ bờ, sóng thần... sóng nọ đè lên sóng kia... nhưng thể của nó vẫn là nước. Hàng cư sĩ và Phật tử đã từng nghe, từng đọc lời dạy của chư Tăng Ni về Lý Sự Viên Dung Vô Ngại Pháp Giới. Vậy thì có bao giờ Sự

tách rời khỏi Lý và gắn ngại với Lý không? Nói khác đi, có thể nào “*sóng không phải là nước?*”

Luận về thịnh suy của đạo pháp, chúng ta phải thấy rằng trong Tam Bảo thì Phật Bảo và Pháp Bảo không bao giờ bị hoen ố. Chỉ có Tăng Bảo là có thể bị hoen ố. Sự chia rẽ giữa các cấp lãnh đạo của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất sau Pháp Nạn 1963 khiến Phật Giáo suy yếu mà hệ quả của nó còn kéo dài cho tới ngày nay – sau 48 năm – gần nửa thế kỷ – là bài học cay đắng cho Phật Giáo Việt Nam nói chung. Chúng ta nên nhớ rằng Phật và Pháp không bao giờ phá hòa hiệp tăng, chỉ có Tăng là có khả năng phá hòa hiệp tăng mà thôi. Do đó sinh mệnh của Phật Giáo Việt Nam nằm trong tay Tăng Ni chứ không ai khác và cũng không một ai có khả năng thay thế việc này dù hàng cư sĩ và Phật tử có nỗ lực như thế nào đi nữa. Bởi một khi “Tăng Già” đã phân liệt, tan rã thì lấy chỗ đâu để hàng Cư sĩ và Phật tử hộ pháp? Có lẽ lúc đó chỉ còn cách ôm mặt khóc ròng?

Nói về tầm mức quan trọng của hòa hiệp tăng, Đức Phật đã dạy như sau “*Này thiện nam tử! Nếu Phật ra đời chúng đặng vô thượng bồ đề, dầu có hàng đệ tử hiểu nghĩa đại thừa rất sâu, cũng có hàng bạch y đàn việt (3) hết lòng kính tin tôn trọng Phật pháp, mà các đệ tử sanh nhiều tranh tụng hơn thua phải quấy lẫn nhau, Phật lại nhập niết bàn, thời chánh pháp chẳng ở lâu nơi đời. Trái lại các đệ tử thật hành pháp hòa kính, chẳng hơn thua phải trái, tôn trọng lẫn nhau, dầu Phật nhập niết bàn nhưng chánh pháp vẫn ở lâu chẳng diệt.*” (4)

Một thực tế không thể phủ nhận là Phật Giáo Việt Nam tại hải ngoại đang thực sự lớn mạnh và đóng góp công sức lớn lao cho nhu cầu phục vụ tâm linh và giữ gìn bản sắc dân tộc cho khối Phật tử người Việt hải ngoại. Thế nhưng Phật Giáo Việt Nam ở hải ngoại đóng góp như thế nào cho ngôi nhà Phật

Giáo Việt Nam nói chung, tức sinh mệnh của Phật Giáo – lại là một vấn đề vô cùng phức tạp. Nhưng câu hỏi đặt ra là: vì “*vô cùng phức tạp*” cho nên chúng ta chịu bó tay sao? Chúng ta đã từng nghe các bài pháp, nhờ những bài pháp này một số thầy cô đã cứu vãn sự đổ vỡ của nhiều cuộc hôn nhân, nhiều gia đình. Quý thầy cô chữa “*bệnh đổ vỡ*” cho người thì được, nhưng tại sao quý thầy cô không thể chữa bệnh cho chính mình? Thật phi lý khi một bác sĩ chữa bệnh cho người thì được, còn chữa bệnh cho chính mình lại không được! Sự ngăn ngại là do “*cảnh*” (yếu tố ngoại lai) hay do chính tâm ta? Theo Lục Tổ Huệ Năng thì chẳng có “*kỳ động*” hay “*phong động*” mà chính tâm ta động.

Để đóng góp vào dòng sinh mệnh của Phật Giáo Việt Nam, tất cả chúng ta, ngoài sự nỗ lực hy sinh cho đạo pháp không ngừng nghỉ, cũng cần theo lời dạy của Hương Hải Thiền Sư:

Ngu nhân trừ cảnh bất trừ tâm

Làm sao chúng ta có thể trừ được “*cảnh*” đang trùng trùng điệp điệp diễn từng sát-na? Mà “*cảnh*” thì nghìn đời lúc nào cũng giống nhau, vốn sinh ra bởi gốc rễ Tham-Sân-Si. Vừa trừ được “*cảnh*” này thì “*cảnh*” khác lại hiện ra, bởi vì “***Ngu nhân đầu một mã đầu hồi***” (Đầu trâu vừa vào thì đầu ngựa lại ra, giống như một sân khấu vậy) (5)

Cho nên kẻ “*ngu phu*” mới lằng xằng tìm cách “*trừ cảnh*” mà không chịu trừ ngay cái “*tâm động*” tức cái tâm mê muội, tâm vọng chấp của mình.

Và đọc lại bài kệ tụng cũng của Ngài Hương Hải Thiền Sư:

Phản văn tự kỷ mỗi thường quan.

Thẩm sát tư duy tử tế khan.

Mạc giáo mộng trung tâm tri thức

Tương lai diện thượng đồ sư nhan.

Dịch nghĩa:

Mỗi ngày nên xem xét lại mình.

Suy nghĩ cho kỹ

Đừng tìm tri thức (đạo) trong mơ mộng.

Sẽ thấy ông thầy hiện ra trên đầu mình.

Và nghiền ngẫm lại sự huyền diệu của Lý Sự Vô Ngại Pháp Giới trong thế giới trùng trùng duyên khởi của Hoa Nghiêm. Tất cả chỉ là **Một** nhưng hiện ra muôn ngàn hình tướng, hợp tan, tan hợp, nhận lấy, bỏ đi, có đó rồi mất đó, yêu đó rồi ghét đó, tôn sùng đó rồi mặt sát đó, trong từng sát-na. Tất cả tướng chùng như thật nhưng không có gì thật cả. Chỉ có cái Chân Không, hay Chân Tâm, hay ~~Phật~~ Tánh là hằng hữu. Hạ thấp xuống một tầng theo tư tưởng nhập thế thì mọi “*danh hiệu, danh xưng*” đều là sắc tướng – đều là pháp hữu vi – đều tạm bợ – chỉ có “Phật Giáo Việt Nam” là miên viễn vì Phật Giáo Việt Nam gắn liền với tâm linh, lịch sử, bản sắc và vận mệnh dân tộc.

Câu hỏi đặt ra ở đây là Tăng Ni, Phật tử, Cư sĩ ở hải ngoại phải làm gì để tiếp thêm sinh lực cho dòng sinh mệnh Phật Giáo Việt Nam? Muốn biết phải làm gì, chúng ta hãy theo dõi những tin tức nóng bỏng về những chuyển động tôn giáo trên toàn thế giới. Do chiều hướng suy thoái của các tôn giáo cổ truyền ở Âu Châu (6) kể cả Bắc Mỹ, Úc Châu... để tìm một sinh lộ, hiện nay một số tôn giáo đang có những kế hoạch và âm mưu **cải đạo tín đồ Phật Giáo Á Châu** một cách khốc liệt. Trong cuộc phỏng vấn của báo Le Point (Pháp) Đức Đạt Lai Lạt Ma đã lên án những âm mưu này và coi đó như “*Là một hình thức chiến tranh chống lại các dân tộc khác và các nền văn hóa khác*”.(7) Trong cơn lốc “*chiến tranh tôn giáo nơi thì lộ liễu nơi thì ngầm ngầm*” đó, nếu Phật Giáo suy tàn trên

Kỷ yếu Hội Luận 2011 - Đuốc Tuệ

quê hương mình thì Tăng Ni, Phật tử, Cư sĩ ở hải ngoại này có sống cũng như chết.

Thiện Quả Đào Văn Bình

(California 23 Tết Tân Mão Tháng 2, 2011)

CƯỚC CHÚ

- (1) Từ Điển này đã đưa lên website Quảng Đức
- (2) Sách ặng không bán. Quý vị có thể hỏi sách tại:
Tu Viện Pháp Vương 715 Vista Ave. Escondido, CA 92026
ĐT: (760) 739-8063
- (3) Phật tử, thí chủ
- (4) Kinh Đại Bát Niết Bàn, bản dịch của HT. Thích Tri Tịnh
- (5) Kệ tụng của Thiền Sư Tuyết Đậu
- (6) Nước Pháp được coi như “Trưởng nữ của Giáo Hội”, theo tài liệu của Wikipedia, thống kê Tháng Giêng 2007 cho biết chỉ còn 51% người Pháp nhận mình là Ca-tô, Giáo La Mã trong đó chỉ còn phân nửa tin vào Thượng Đế, 31% là Vô Thần, 9% là Hồi Giáo, 3% là Ca-tô Giáo Ly Khai (Protestan) và 1% là Do Thái Giáo: A January 2007 poll found that 51% of the French population describe themselves as Catholics (and only half of those said they believed in God), 31% as atheists, 9% as Muslims, 3% as Protestants and 1% as Jews. ^[13]
- (7) Nguồn tin: <http://www.phattuvietnam.net/5/67/12674.html>

NGƯỜI CƯ SĨ PHẬT GIÁO

Nguyễn Thọ Trần Kiên Đoàn

Khác hẳn với tất cả các hệ thống triết lý và tôn giáo trên thế giới, Đạo Phật – tự bản chất lẫn hiện tượng – vừa là một hệ thống triết lý mà cũng vừa là một hình trạng tôn giáo hoàn chỉnh với sự kết hợp hài hòa giữa tín điều và tín lý. Giữa cuộc đời, đức Phật là một vị Thầy hóa độ; trong đức tin, đức Phật là một đấng Giác Ngộ chứng tri.

Người theo đạo Phật là những người luôn luôn tỉnh thức để làm chủ lấy mình, không giao trọn số phận của mình cho sự định đoạt của một đấng quyền năng tuyệt đối nào cả. Tuy cùng là Phật tử, nhưng không ai giống ai hoàn toàn về mức độ thuần thành và sở đắc giáo pháp trong quá trình hộ đạo và hành đạo vì mỗi cá nhân còn phải tùy thuộc vào căn cơ, trí tuệ, hoàn cảnh... trùng trùng duyên nghiệp khởi và động không ngừng của chính mình. Bởi vậy, không ai có thể “tu thay” hay “lãnh thế” nghiệp duyên của tha nhân như thường thấy trong các tôn giáo khác.

Dưới bóng vạn lý của ba ngôi Tam Bảo – Phật, Pháp, Tăng – người Cư sĩ Phật giáo là chiếc cầu tượng trưng và tiêu biểu giữa Tam Bảo và cuộc đời thường; giữa hàng xuất gia và quần chúng. Nhưng thế nào là chân dung của một người Cư sĩ Phật giáo điển hình và tiêu chí nào để thành người Cư sĩ? Đây là sự khác biệt giữa một người Cư sĩ Phật giáo và một Phật tử “bình thường”?



Định nghĩa danh từ Cư sĩ:

Trong hệ thống xã hội cổ điển Đông Phương, Cư Sĩ thường được định nghĩa như là người có tài năng nhưng không ra tham gia việc nước hay dẫn thân vào việc đời, sống mai danh ẩn tích ở chốn thâm sơn hay điền dã (Cư: ở. Sĩ: kẻ sĩ).

Nói về nguồn gốc thì sách Cải Trai Mạn Lục của Ngô Tăng Năng ghi rằng: “*Danh hiệu Cư sĩ có từ thời Thương Chu*”. Sách Hàn Phi Tử chép: “*Thái Công được phong ở đất Tề. Ở Đông Hải có hai cư sĩ là Cu ông Duật Hoa và Sĩ Tì Đệ can rằng: “Ta không nên thần phục Thiên tử, không giao hữu với chư hầu, chỉ nên cày ruộng mà ăn, đào giếng mà uống.”* Như vậy, từ thời xa xưa Cư sĩ là người sống rất độc lập, thanh đạm (gần với hàn sĩ) và sống ẩn dật (ẩn sĩ).

Trong Phật giáo thì Cư sĩ (Kulapati) là người học Phật tại gia. Sách Xuyết Canh Lục có ghi: “*Người học Phật đời nay phần nhiều tự gọi mình là Cư Sĩ. Khảo trong Lục Kinh thì chỉ có sách Lễ Ký có danh từ Cư Sĩ Cẩm Đới (cư sĩ đai gấm), nhà chú giải ghi là vị cư sĩ có đạo nghệ.*” Sách Duy Ma Kinh Sớ của Tuệ Viễn, quyển 1, nói rõ hơn về khái niệm Cư sĩ: “*Cư sĩ có hai loại: Một loại tích lũy*

được nhiều của cải (cư tài cư sĩ), gọi là cư sĩ. Một loại là tu Đạo tại gia, tức là Cư gia đạo sĩ cũng gọi là cư sĩ.” Phụ nữ cũng có thể gọi là cư sĩ, tức Nữ cư sĩ. Trong các sách Thiền Lục thường có danh hiệu ấy.

Đệ tử đầu tiên của đức Phật Thích Ca là Cư sĩ. Ngay khi ngài vừa mới thành Đạo dưới cội Bồ Đề, có hai thương khách từ Phurong Nam đến, đó là Bà Ha Lê Ca (Bahallika) và Trà Phú Sa (Trapusha) chiêm ngưỡng dung mạo quá uy nghi của Phật tỏa trong ánh hào quang rạng ngời, bèn đến đánh lễ và dâng đức Thế Tôn phẩm vật cúng dường. Đức Phật mỉm cười, đặt tay lên đầu hai người thọ nhận quy y và truyền giới. Đó là hai Ưu Bà Tắc (Upasaka, tiếng Phạn có nghĩa là đệ tử nam giới) đầu tiên của Phật giáo. Sau khi quy y Tam Bảo, đức Phật truyền năm giới (Ngũ Giới): Không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu. Theo lời Phật dạy thì sau khi quy y Tam Bảo và thọ Ngũ Giới rồi, hai đệ tử này có thể ở tại nhà tiếp tục cuộc sống bình thường để tu học. Sau đó không lâu tại vườn Lộc Uyển, đức Phật cũng thọ nhận quy y, truyền giới và khuyên tu tại gia cho vị Ưu Bà Di (Upasika: Nữ đệ tử) đầu tiên trong lịch sử Phật giáo.

Giới Cư sĩ Phật giáo đã hiện diện từ những ngày đức Phật Thích Ca chưa chuyển pháp luân dưới gốc Bồ Đề, trong vườn Lộc Uyển, nhưng giới Phật tử vẫn còn rất ít người tự nhận mình là Cư sĩ (cách gọi Việt Nam); là Thiện Nhơn, hay Cận Sự Nhơn (như thường thấy danh xưng Thiện Nam hay Cận Sự Nam theo cách gọi của Trung Hoa). Có lẽ vì chữ “Sĩ” đã làm cho nhiều người tự cảm thấy danh xưng Cư sĩ mang một ý nghĩa đặc biệt tương tự nào đó như kẻ sĩ, hiền sĩ... có vẻ xa cách với “người thường”!

Thật ra tự nguồn gốc, cư sĩ là một người hiểu biết, sống có nhân cách, trách nhiệm và bổn phận với bản thân, gia đình, ngời thân và xã hội; có tinh thần cầu tiến bộ trong ý hướng học đời, học đạo làm người. Cư sĩ, nói chung, có thể là một người chẳng liên quan gì đến tôn giáo hoặc chỉ có khuynh hướng về tôn giáo mà thôi. Nhưng Cư sĩ Phật giáo, trước hết phải là một Phật tử. Vì vậy, bất cứ một người nào theo Phật giáo có quy y Phật, Pháp, Tăng (Tam Bảo), có chuyên tâm giữ giới (Ngũ giới) và có ý thức hành thiện (Thập Thiện), tu học tại gia đều có thể gọi là Cư sĩ Phật giáo, không phân biệt hoàn cảnh xuất thân hay địa vị xã hội. Đạo Phật là đạo bình đẳng. Người theo đạo Phật lấy cái Tâm Bồ Đề làm gốc, nên Chân Tâm là chủ đạo, là cốt lõi tinh yếu, là giá trị tuyệt đối của người Phật tử. Thời đức Phật còn tại thế, xã hội Ấn Độ sinh hoạt riêng trong cung đường của giai cấp. Giai cấp cùng đinh Chiên Đà La, chuyên nghề hạ tiện gánh phân có thể bị giết vì lầm lỡ đạp trên cái bóng của giai cấp thượng đẳng quý tộc của hàng vua quan Sát Đế Ly. Giai cấp tu sĩ Bà La Môn có quyền phán quyết tối cao trên thân phận của giai cấp thương gia, học sĩ Trưởng Giả và giai cấp lao động Thủ Đà La. Thế nhưng đạo Phật đã dung hóa đợc giai cấp vì đức Phật không căn cứ vào giả tướng mà nhìn thấu suốt bản lai diện mục của chúng sanh để tìm thấy Phật tánh trong từng cá thể. Không có giai cấp trong dòng máu cùng đợc ở và nước mắt cùng mặn.

Nói một cách đơn giản và đại chúng hơn thì Cư sĩ Phật giáo là những Phật tử chuyên tu học tại gia.



Vai trò truyền thông của người Cư sĩ Phật giáo (CSPG)

Để góp phần minh họa chân dung và vai trò đa dạng trong quá trình tu học của người CSPG, người xưa có nói rằng:

*Khó nhất là tu tại gia,
Thứ nhì tại chợ, thứ ba tại chùa.*

Tu tại gia thường được coi là khó nhất vì cùng lúc, người CSPG phải đóng trọn hai vai trò: Vai trò đối với Đời và vai trò đối với Đạo.

Theo Hòa thượng Thích Thiện Hoa thì cái danh của người CSPG có đến năm chữ: “Người + Phật tử + Tại gia”. Đó là chưa kể người Phật tử tại gia ấy còn có những danh vị và trách nhiệm khác như: Công chức, giáo sư, chủ tiệm...

Vai trò đối với đời: Bao gồm những bổn phận và trách nhiệm đối với tự thân, đối với gia đình quyên thuộc, đối với mọi người, đối với quốc gia và xã hội. Vai trò đối với đời là một sự thử thách thường xuyên, có tác động trực tiếp và mạnh mẽ để tạo điều kiện thuận lợi hay trở lực cho vai trò đối với Đạo. Trong giới hạn nhất định của cuộc đời thường thì mọi người đều chỉ có mỗi ngày 24 giờ để sống. Giữa hai hạng người cực đoan – Hoặc không có gì để làm;

hoặc làm tới khi chết rồi mà vẫn chưa hết công việc – là những người điều khiển được con ngựa thời gian bất kham. Thực tế đã chứng minh rằng, giữa dòng cuộc sống tất bật và trôi chảy không ngừng, nếu biết sắp đặt sẽ không có sự mâu thuẫn hay xung đột nào giữa việc đời và việc đạo như những kẻ sĩ xưa thường nói: “Hành tàng bất nhị kỳ quan” (Gánh vác việc đời hay rút lui ẩn dật không phải là hai trạng thái tách rời nhau). Trong tinh thần đó, người CSPG luôn luôn có khả năng tạo được thế quân bình giữa hai vai trò đối với đời và đạo.

Khi nói đến sự bức xúc của tâm lý tham gia công tác phục vụ cộng đồng, nhà xã hội và Tâm lý Mỹ, Thomas Wagner, đã phát bi ểu rằng: *“Làm việc thiện nguyện cũng như tham gia sinh hoạt tôn giáo cần phải làm ngay trong điều kiện có sẵn hiện tại (right here, right now). Đừng đợi, vì ngày mai cũng như ngày hôm nay. Sự đợi chờ có khi sẽ trở thành quá muộn vì không ai nắm chắc rằng, ngày mai họ sẽ còn hiện hữu hay không...”* Vai trò người CSPG cũng tương tự như thế. Nếu chờ đến lúc về hưu; chờ đến khi con cháu thành tài; chờ đến khi nợ cái nhà, chiếc xe trả hết mới có điều kiện tham gia công tác chùa chiền, tu học... thì có khi sẽ lâm vào cảnh “mai ăn khỏi trả tiền” và cái ngày mai đầy hứa hẹn đó có thể sẽ không bao giờ thành hiện thực.

Tu tại gia khó nhất... là một thực tế hiển nhiên, nhất là đối với quý vị chưa đến lứa tuổi “lão giả an chi” còn phải bôn ba với cuộc sống. Vật lộn với nợ áo cơm đã khó, thỏa mãn hết các món nợ đời, nợ danh, nợ tiếng... lại càng khó hơn. Bên cạnh nỗ lực nhằm thỏa mãn những nhu cầu căn bản của đời sống thường nhật, còn sắp xếp được hoàn cảnh và thời gian để tu học, tham gia công tác hộ đạo và hành đạo... đòi hỏi người CSPG một tín tâm kiên cố và một chí tu học bền bỉ mới tránh được cảnh tu học chợ chiều như Nguyên Phong than thở trong một bài thơ vui đăng ở báo

Liên Hoa: “*Xuân Thu tu học nhị kỳ, mỗi năm mỗi vắng còn gì là tu !*”

Không phải chỉ có trong thời đại mới hay trong hoàn cảnh lưu cư ở xứ người, giới CSPG mới phải đối diện với sự khó khăn của hoàn cảnh. Giới luật căn bản của Phật giáo từ xưa đã căn cứ trên hoàn cảnh đặc biệt khó khăn của người tu tại gia để quy định những điều luật khả thi cho Phật tử tại gia và xuất gia. Nếu là xuất gia thì tùy theo trình độ và quá trình tu học để thọ giới. Như có 10 giới dành cho người mới xuất gia (Sa Di và Sa Di Ni), 250 giới dành cho Tỳ Kheo và 340 giới cho Tỳ Kheo Ni đã xuất gia trên 10 năm và có tình độ thọ giới đầy đủ. Trong khi đó, chỉ có 5 giới dành cho người Phật tử tại gia.

Tuy sự hưng thịnh của một tôn giáo không nhất thiết tỷ lệ thuận với số lượng tín đồ, nhưng rõ ràng là khối quần chúng tín đồ đóng một vai trò chủ lực và sinh động trong sinh hoạt tôn giáo. Trong sinh hoạt của Phật giáo tịnh độ, giới CSPG là chỗ dựa của Tam Bảo như Thiền sư Thích Thanh Từ khẳng định trong tập sách *Trách Vụ Phật Tử Tại Gia*, rằng: “*Truyền bá Phật giáo được phổ biến, linh động trong quần chúng do Phật tử tại gia thực hiện*”. Bởi vì theo Thiền sư thì làm Phật sự chính là làm “sống dậy lời Phật dạy” chứ không phải bị dính chặt vào những phương tiện tạm thời trợ lực cho việc hoằng dương chánh pháp như cúng chùa, cất chùa, trai nguyện, công quả v.v... Cũng trong tác phẩm vừa nêu dẫn, Thiền sư viết tiếp: “*Nếp sống của người xuất gia cao siêu cách biệt quần chúng quá, dù cố gắng cách mấy cũng khó ảnh hưởng lây. Vì thế, Phật tử tại gia có trách nhiệm làm linh động và sống dậy tinh thần Phật giáo qua nếp sống cá nhân và gia đình mình.*”



Vai trò hộ đạo của người Cư sĩ Phật giáo.

Quy y Tam Bảo không phải là một hình thức “lễ thánh” để từ đó, người quy y sẽ trở thành một tín đồ ngoan đạo, giao trọn tâm linh và số phận của đời mình cho một đấng thiêng liêng toàn năng định đoạt, vì đức Phật không phải là một vị thần linh. Quy y là tự nguyện chọn cho mình một hướng đi, đặt cho mình một lý tưởng để nhắm đến: Phật là mục tiêu của lý tưởng để nhắm đến. Pháp là đường lối, là phương tiện cần thiết để tiến đến được mục tiêu lý tưởng đó. Và Tăng là người dẫn đường đáng tin cậy để hướng dẫn người học Phật định hướng và tiến vững bước trên con đường tìm đến mục tiêu. Do đó, sự liên lạc giữa người Phật tử với Tam Bảo cũng cần thiết như người vượt biển trong sương mù cần phải có hải đăng, ghe thuyền, hướng đi để tới bờ. Hay cũng như cá nhân cần phải có sự liên lạc với gia đình và xã hội. Là một thành viên trong tứ chúng, là một cá thể trong cộng đồng, người CSPG có một trách vụ trực tiếp, thường xuyên và tích cực trong tiến trình hộ đạo và hành đạo.

Khác với các bậc tu hành đã xuất gia, người Phật tử tại gia mỗi người có riêng một hoàn cảnh bản thân và gia đình khác nhau. Hoàn cảnh này có khi là thuận duyên mà

cũng có khi là nghịch duyên có ảnh hưởng và tác động trực tiếp đến sự tu học của người Cư sĩ Phật giáo. Bên cạnh đại đa số Phật tử tại gia, tạo được sự hài hòa song hành giữa việc đời và việc đạo, vẫn có hiện tượng thiếu quân bình giữa hai khuynh hướng gần như cực đoan của một thiểu số Phật tử. Khuynh hướng “thái quá”: Bất chấp những nhu cầu cấp thiết của gia đình và quay lưng với trách nhiệm xã hội, bỏ bỏ tất cả để đến chùa, sử dụng toàn thời gian để lo việc chùa chiền Phật sự. Khuynh hướng ngược lại là “bất cập”: Tuy có tín tâm nhưng không đến chùa, luôn luôn tìm cách biện minh cho thái độ xa cách Tam Bảo của mình bằng những khái niệm sáo mòn như : “Phật tức tâm. Tu đâu cho bằng tu nhà... và v.v...” Cả hai khuynh hướng thái quá và bất cập đều là những chướng ngại trên con đường tu học của người Phật tử tại gia.

Đã có quá nhiều sách vở, bài bản, ý kiến của chư tôn đức, các học giả, Cư sĩ Phật giáo trình bày, tham khảo và nghiên cứu về vai trò tu và hành của người Phật tử tại gia. Trong bài viết rất giới hạn này, người trình bày sẽ không làm công việc tóm tắt hay liệt kê và lập lại một cách có hệ thống hoặc tản mạn những điều nên làm hay không nên làm đã được ghi thành bài bản trong sách vở nói về vai trò của người Cư sĩ Phật giáo mà chỉ xin đưa ra những ý kiến rất khiêm tốn của mình để làm cơ sở thảo luận. Tinh thần triết học Phật giáo rất thoáng đạt và mềm dẻo. Có khi còn mang tính chất “phủ định nhất quán” như Bồ tát Long Thọ đã tập đại thành Bát Nhã Ba La Mật để phủ nhận luôn cả nguyên tắc đầu tiên và cơ bản nhất trong nhân sinh quan của Phật giáo như Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo... Nhưng phủ nhận như khép cánh cửa sổ để mở ra khung cửa rộng của một sự xác tín về hành trình tất yếu trên con đường đưa đến giác ngộ và giải thoát sau cùng. Bởi vậy, ngôn từ đầu

có hoa gấm tới đâu; cơ sở lý luận dù có vững chãi tới mức nào; luận điểm có sức thuyết phục đến mấy... thì cũng chỉ là phương tiện nhất thời rất tương đối và phù du để đưa đến sự im lặng của Chánh Pháp; sự vô ngôn của giác ngộ và giải thoát.

Trong tinh thần học Phật thoáng rộng và đầy tâm đạo độ, chúng ta thử cùng nhìn vào hoàn cảnh thực tế để có thể được hay chẳng, cùng bàn thảo một vài ý niệm đề cương về vai trò hộ đạo của người Cư sĩ Phật giáo:



1. Vai trò xây dựng cơ sở vật chất.

Khi hướng về Tam Bảo, khuynh hướng truyền thống phổ biến nhất của giới Phật tử tại gia là nghĩ đến mái chùa và hình ảnh quý Thầy, quý Sư cô. Tuy động cơ tâm linh của Phật tử đến chùa có khác nhau về cách nhận thức và mức độ thể hiện, nhưng tất cả đều có một gốc rễ chung là Tín Tâm hay lòng tin kính và ước Phật và giáo lý cứu khổ, độ sanh của Ngài. Thế giới tâm linh riêng tư của từng cá nhân thường có điều kiện khai mở và un đúc trong khung cảnh thờ tự trang nghiêm của chùa chiền và tu viện, dưới sự dìu dắt tinh thần của Tăng, Ni. Ngôi chùa, vì vậy,

không chỉ là ngôi nhà thờ tự mà còn là một thế giới thu gọn của một cộng đồng của những người có chung Niềm Tin.

Trong những xã hội kỹ nghệ và cường quốc kinh tế Tây Phương, nhất là tại Mỹ, rõ ràng có một sự quan hệ hỗ tương theo tỷ lệ thuận giữa cuộc sống vật chất và đời sống tinh thần. Đời sống kinh tế gia đình và vật chất xã hội càng phong phú thì chùa chiền và tu viện được xây dựng càng nhiều. Và đây cũng chính là “ngọn lửa thử vàng” để trắc nghiệm cho cái Tâm Bồ Đề và Chí Tu Học của cả hai giới Phật tử xuất gia và tại gia. Sự xuất hiện nhiều chùa chiền và tu viện là một hiện tượng tích cực và lành mạnh của Phật giáo. Tuy nhiên, giới xuất gia quý Thầy và Sư cô đóng vai trò nào trong việc hướng dẫn tinh thần và giới Cư sĩ Phật giáo đóng vai trò nào trong việc vận động vật chất để lập chùa, xây dựng tu viện mới là điều quan trọng. Bất cứ một ngôi chùa lập nên dù nguy nga hay khiêm tốn đến mức độ nào mà vẫn phát huy được hình ảnh cao đẹp và uy nghi của Tam Bảo; duy trì đờ cốt lõi của tinh thần Lục Hòa trong giới cư sĩ với nhau mới là điều đáng quý. Phật giáo không chấp nhận lối nguy biện “cứu cánh biện minh cho phương tiện”. Ngược lại, trong phương tiện đã mang mầm cứu cánh. Chùa chiền và cơ sở vật chất tuy cũng chỉ là phương tiện, nhưng ngay dưới mái chùa, hạt giống Từ Bi, Trí Tuệ, Giải Thoát đã uơm mầm từ thiện ý, tâm đạo và việc làm của Tăng Ni và Cư sĩ. Trong vai trò góp phần xây dựng cơ sở vật chất làm phương tiện tu học, người cư sĩ là chỗ dựa vững chắc của Tăng Ni trong vai trò hộ đạo để xác định được giới hạn hợp lý của nhu cầu, khả năng và hoàn cảnh cụ thể hầu tránh được tình trạng cả Thầy lẫn Đệ tử đem phương tiện làm cứu cánh; quên mục đích tu học để giải thoát và tự trói buộc nhau vào cảnh nợ nần ngân hàng; đôn đáo lo chạy tiền trả nợ... “chùa”! Hậu quả trực tiếp là

thay vì chú tâm tu học thì người cư sĩ ngày lại ngày chỉ lo hô hào, tổ chức gây quỹ dưới những hình thức đơm màu tục lụy để tranh đua xây chùa to, đúc tượng lớn; thường xuyên tiếp cận với nhu cầu vật chất mà xa lìa phẩm hạnh của đời sống tinh thần.



2. Vai trò đem đạo vào đời.

Một thiền sư Nhật Bản, tu sĩ Samurai Kenji, có nhận xét: “*Đem đời vào đạo sẽ làm cho đạo chao đảo chông chênh; nhưng đem đạo vào đời sẽ làm cho đời thanh cao và vững chắc*”. Đem đạo vào đời có nghĩa là mang cái tâm Bồ Đề vào cuộc sống. Kinh Hoa Nghiêm chỉ rõ: “*Quên mất Tâm Bồ Đề mà tu hành các Thiện Pháp thì gọi là hành động theo ma vương. Quên mất còn thế, huống chi chưa phát!*” (Hoa Nghiêm- Phẩm Phát Bồ Đề Tâm. Trí Quang dịch)

Giới cư sĩ đóng vai chiếc cầu bắc qua giòng sông tâm ý và hành trạng để đưa đạo Phật vào cuộc đời. Đạo Phật và kinh điển nhà Phật không phải là một kho tàng tri thức đóng khung bất biến trong gia tài kiến thức cổ truyền của nhân loại. Trái lại, đạo Phật là một hệ thống tư tưởng và nguyên tắc hành xử sinh động, không bị biến chất hay cô lập với thời gian và hoàn cảnh. Đạo Phật không nhằm chế ngự tư duy của nhân loại như hệ thống luận lý học Tây

phương mà tiếp cận với cuộc đời thường một cách bình đẳng và công minh. Từ hàng quý tộc đến giới cùng đinh; từ hàng thức giả đến giới không biết chữ đều là những chúng sanh có Phật tính và có khả năng giác ngộ. Bởi vậy, mọi người cư sĩ đều có tác dụng quan trọng ngang nhau trong vai trò hộ đạo và hành đạo. Trách vụ làm cho đạo Phật sinh động trong môi trường sống hiện thực trước hết là cách sống của chính người cư sĩ. Nhà tôn giáo học Mỹ, Willie Brecht, nhận xét: *“Bản chất của một tôn giáo thể hiện trong cách sống của tín đồ theo tôn giáo đó sẽ mang khả năng truyền đạo mạnh mẽ và trực tiếp nhiều lần hơn là lý thuyết kinh điển nằm chắt đóng dưới bệ thờ và trong thư viện”* (Religious Nature, 2001)

Thực tế tại Mỹ và các nước phương Tây, một gia đình Việt Nam có vợ chồng con cái theo nhiều đạo khác nhau không phải là chuyện hiếm có đời nay. Cũng vậy, trong mọi cơ cấu đoàn thể cũng như tổ chức và khu vực xã hội, Phật tử thường là một phần nhỏ hay lớn bên cạnh những người theo các tôn giáo khác. Người ngoài đạo Phật thường nhìn người Phật tử như là hình ảnh tiêu biểu, phản ảnh trung thành tinh thần Phật giáo. Vì vậy, trách vụ hộ đạo tích cực đầu tiên của người Cư sĩ Phật giáo là xây dựng một phong thái sống thích hợp với khái niệm của một người Phật tử qua lời nói, sinh hoạt và cách ứng xử.

Nguyên tắc xử thế nhằm thu phục nhân tâm thường được liệt kê dài lê thê trong các sách giáo khoa “học làm người” để đạt đến nghệ thuật đắc nhân tâm. Nhưng Cư sĩ không phải là người đi tìm đắc nhân tâm mà là người nuôi dưỡng và chia sẻ Chân Tâm.

Muốn có sự hòa hợp với mọi người trong cuộc sống cần phải có tấm lòng sống thật, không chấp cái danh hư huyền. Muốn có sự gần gũi và thân thiện với mọi người

cần giảm thiểu tối đa thái độ thối nát, phê phán, lý sự mà giàu lòng cảm thông chia sẻ và khiêm tốn. Không phải gia đình nào cũng có cả vợ lẫn chồng và con cái đều là Phật tử. Không phải xã hội nào cũng chỉ có giới Phật tử thuần nhất đến với nhau. Giới xuất gia là tấm gương đạo hạnh đã đành. Nhưng hình ảnh giới Phật tử tại gia, hai tay nâng lấy cả việc đời lẫn việc đạo, mới chính là đại biểu đầy thuyết phục nhất để mang đạo vào đời.



3. Vai trò hộ trì Tam Bảo

Hành động bảo vệ thường được thể hiện dưới ba cách:

- Bảo thủ: Khư khư nắm giữ những gì đang có. Trong tôn giáo, thái độ này là quyết liệt nắm giữ những tín điều như những nguyên tắc bất biến. Sợ sự xâm lấn từ bên ngoài và động cơ thay đổi từ bên trong.
- Trung dung: Đồng thời bảo vệ và phát huy những giá trị chính đáng. Trong tôn giáo, thái độ này có một tác động tích cực, tạo được sức mạnh mới và giúp cho tôn giáo không bị lỗi thời.
- Cấp tiến: Hoàn toàn đổi mới. Mạnh mẽ phá đổ cái cũ để xây dựng cái mới. Trong tôn giáo, thái độ này thường dẫn

đến tình trạng cho sự ly khai giáo hội chính thống để xây dựng một hệ phái mới.

Phật giáo, cũng giống như các tôn giáo lớn với hàng chục triệu tín đồ, trải rộng qua nhiều vùng có lãnh thổ, chính trị, văn hóa, xã hội và ngôn ngữ khác nhau trên toàn thế giới, ba khuynh hướng bảo vệ đạo pháp nói trên ững thường xuyên xảy ra đồng thời hay riêng lẻ.

Những khuynh hướng cực đoan, mang nặng tính chất duy lý và bảo thủ không hợp với một tôn giáo lấy cái Tâm làm gốc như đạo Phật. Vì vậy, khuynh hướng Trung Dung được thể hiện phổ biến nhất trong vai trò hộ đạo và hành đạo của người Cư sĩ Phật giáo.

Tuy thái độ trung dung được tôn trọng và ưa chuộng, nhưng trong những thời điểm và hoàn cảnh đặc biệt, người Cư sĩ Phật giáo cần phải đấu tranh tích cực giữa “Kính” và “Chính”. Kính trọng một người không có nghĩa là phải kính trọng luôn sự bất chính hay sai lầm của người đó. Ví dụ: Kính Thầy không có nghĩa là phải thỏa hiệp với những điều chưa đúng của Thầy; hoặc kính nể đạo hữu không có nghĩa là im lặng đồng lõa với những điều sai trái của bạn đạo.

Bảo vệ là giữ gìn và tu hành là sửa đổi. Không có một sự giữ gìn và sửa đổi nào mà không tạo ra những hệ quả tất nhiên theo sau. Nghĩa là luôn luôn có sự tán đồng và bất đồng trong tập thể. Sự mâu thuẫn có khi ở mức độ tiềm tàng, nhưng cũng có khi bùng nổ đưa đến chỗ phân ly hay chia thành phe nhóm. Hiện tượng có nhiều chùa chiền trong một địa phương nhỏ bé và vị tu sĩ trụ trì chùa này chẳng hề bén mảng thăm viếng chùa kia không phải là hiện tượng hiếm hoi tại nhiều vùng đất ở hải ngoại. Nếu phải tu học trong một hoàn cảnh phân hóa như thế, Cư sĩ Phật giáo thường có một tư thế thuận lợi nhất để giúp đưa sinh hoạt các chùa cô lập đến gần nhau. Bảo vệ Đạo Pháp không

phải là khư khư đến chùa này hay nhất tâm theo Thầy khác mà cần phát huy lòng kính ngưỡng rộng lớn đối với Tam Bảo. Khi trên đường tu học, người cư sĩ không lấy biên giới đất đai làm điểm tựa hay lấy thành quách chùa chiền làm giới hạn thì hình ảnh Tam Bảo sẽ trở thành thế giới tín ngưỡng không biên giới với mọi người.



4. Vai trò giáo dục

Trong 49 năm hoá độ chúng sanh, đức Phật đã xuất hiện như một vị Thầy trụ cột (Bổn Sư) bên cạnh Tăng đoàn tứ chúng. Có thể nói, một trong những vai trò trọng điểm hàng đầu của Đạo Phật là giáo dục. Thông qua phương tiện giáo dục đạo Phật đã giúp khai phóng con người từ “mê” đến “giác”, từ cảm tính đến nhận thức ; và từ nhận thức đến hành động. Bởi vậy, hàng giáo phẩm xuất gia các cấp của Phật giáo đều là những vị Thầy (Sư: Tổ sư, đại sư, thiền sư). Những danh Tăng lỗi lạc và uyên bác trong lịch sử Phật giáo như Bồ Đề Đạt Ma, Huyền Trang, Vạn Hạnh, Viên Chiếu, Mãn Giác, Hồng Hải... đều là những vị Thầy.

Giáo dục là phương tiện chủ lực trong vai trò hoá đạo của Phật giáo.

Trong bối cảnh Phật giáo tại Hải Ngoại, nhất là trong xã hội của các nước có nền giáo dục tiên tiến và mức độ dân trí cao như các nước Âu Mỹ ngày nay, phương tiện giáo dục để hoằng dương Phật pháp là một sự kết hợp tất yếu giữa Tín Tâm và Tri Thức. Có Tín Tâm mà thiếu tri thức thì con đường học Phật rất dễ thiên về khuynh hướng bảo thủ, khép kín và vụ hình thức lễ nghi. Ngược lại, có Tri Thức mà thiếu Tín Tâm thì con đường học Phật dễ dàng thiên về khuynh hướng duy lý, phân hoá và tùy tiện.

Tương lai Phật giáo và khả năng kế thừa để duy trì và phát huy tinh thần Phật giáo của tuổi trẻ Việt Nam tại Hải Ngoại cũng là mối quan tâm thiết yếu của thế hệ Phật tử đàn anh, kể cả hàng xuất gia và tại gia. Theo thống kê của Viện Khảo sát các nhóm chủng tộc tại Mỹ (M G R I) thì cộng đồng người Việt tại Hoa Kỳ thuộc vào hàng khá “trẻ trung”. Có đến 68% tuổi trẻ Việt Nam sinh sau 1975. Nhưng quan sát kỹ thành phần tuổi tác của Phật tử đến sinh hoạt hay tu học đều đặn tại các chùa thì sẽ thấy rõ tỷ số tuổi trẻ học Phật còn quá “mỏng” so với tỷ số dân cư. Nếu thử phóng tầm nhìn về một tương lai chừng 20 năm sau, khi thế hệ Phật tử đàn anh hiện tại trở thành quá khứ, thì thế hệ đàn em tại hải ngoại có đủ “dày” và thuần thành để bảo vệ và phát huy đạo pháp hay không? Gia Đình Phật Tử tuy là một tổ chức tuổi trẻ đầy hứa hẹn nhưng có bao nhiêu chùa lớn hay nhỏ mới được xây dựng trong những năm gần đây có được sự hiện diện của Gia Đình Phật Tử?

Bên cạnh quý Tăng Ni, giới Cư sĩ Phật giáo có một vị thế cốt cán và tiên phong trong vai trò giáo dục, bao gồm:

- Góp phần hỗ trợ trong vấn đề đào tạo tăng tài: Sự hưng thịnh của Phật giáo xưa nay đều có một sự liên đới hữu cơ giữa tài năng (học thuật, nghiên cứu, sáng tạo...) của giới Tăng Ni và công cuộc hoằng dương Đạo Pháp. Hiện trạng tại Hải Ngoại thì học vẫn đóng một vai trò quan trọng khi nói đến tài năng. Chẳng hạn như các Mục sư quản nhiệm của nhiều hệ phái Tin Lành thì hầu hết phải có văn bằng cao học hay tiến sĩ thần học. Tuy tinh thần Phật giáo không vụ bằng cấp, nhưng hoàn cảnh địa lý và xã hội đã thay đổi. Trong hoàn cảnh mới, vai trò của quý Tăng Ni càng nặng nề hơn. Bên cạnh trách vụ tu trì truyền thống quý Tăng Ni còn phải đóng vai trò đối ngoại với xã hội đa chủng đang nhìn về Phật giáo; vai trò giáo dục cho thế trẻ không thông tiếng Việt; vai trò làm chỗ dựa tinh thần cho giới Phật tử tại gia đang tranh sống trong một môi trường xú người. Những vai trò đó, đòi hỏi quý Thầy và quý Sư cô không chỉ thông thạo Kinh Tạng nội điển mà còn phải thông qua quá trình học hỏi tại các nhà trường hay Học Viện nơi mình cư trú. Nếu giới Cư sĩ nhiệt tình gánh vác bớt một số công việc thích hợp giúp quý Thầy, Cô có thì giờ và phương tiện đi học thì đó cũng là một hành động gián tiếp góp phần đào tạo Tăng tài.

- Bất nhệ cầu thế hệ: Giúp thế hệ trẻ, mà trực tiếp nhất là con em của chính mình, hiểu Phật giáo và hành theo tinh thần Phật giáo. Đồng thời tạo điều kiện bảo trợ và phát triển những tổ chức Phật tử trẻ như Gia Đình Phật Tử, Thanh niên Phật Tử...

Giáo dục là một lãnh vực rất đa dạng. Đầu tư vào cơ sở vật chất dễ hơn vì có kết quả nhìn thấy ngay trước mắt, nhưng đầu tư vào giáo dục thì có khi kết quả chưa thấy liền, nhưng sẽ đâm hoa kết trái trong nhiều thế hệ tương lai.



Kết luận:

Rất có thể phát xuất từ tinh thần trọng sĩ thái quá của văn hóa Á Đông “Dân hữu tứ sĩ vi chi tiên...” nên khi nói đến Tam Giáo (Nho- Phật -Lão) xã hội Việt Nam ta hay nói đến một thế giới “học sĩ” gồm những nhân vật xa cách với sách vở bao quanh đầy mình. Cũng thế, đã có một thời, Phật giáo bị nhìn một cách lệnh lạc: Hoặc là một Phật giáo quá cao siêu với tam tạng kinh điển, với tám vạn bốn ngàn pháp môn vi diệu; với những công án mây trời ngũ sắc tận đầu đầu. Hoặc tệ hơn, một Phật giáo đầy mê tín với bùa chú, cờ phướn đèn lồng, trống đánh kèn thổi để trừ ma yểm quỷ. Hình ảnh đạo Phật lệnh lạc đó không ít thì nhiều, vẫn còn để lại những dấu vết trong thời hiện tại.

Đã có nhiều tu sĩ, học giả, cư sĩ Phật giáo bằng mọi phương tiện khả thi, cố đem Phật giáo đi vào cuộc đời hiện thực. Đây là một tiến trình rất quan trọng và cần thiết trong công tác Phật sự hộ đạo và hành đạo.

Càng ngày, người ta càng nhận ra rằng, tuy Phật giáo cao siêu “vô thượng thậm thâm vi diệu pháp”, nhưng con đường khởi thủy dẫn vào Phật giáo cũng chỉ là con đường

đất chân quê mà mọi giới chúng sanh, nếu có một tấm lòng, đều có thể bước đi trên nẻo đường đó một cách thoải mái và nhẹ nhàng.

Người Cư sĩ Phật giáo phải là lớp người “đưa Phật” điển hình để trân trọng mời những người quan tâm đến Phật giáo tìm đến Phật giáo một cách đơn giản.

Nếu Tăng Ni hoằng hóa Phật giáo bằng kinh sách và những buổi thuyết pháp thì người Phật tử tại gia phổ biến Phật giáo trong người thân và quần chúng bằng chính cách sống cùng những lời thăm hỏi, chia sẻ và an ủi của mình. Trong lời kết luận về vai trò hộ đạo của người Cư sĩ Phật giáo, thầy Thanh Từ nhận định rằng: “Giờ rảnh rỗi, Phật tử nói chuyện thân mật trong gia đình, họ ặc đi thăm người láng giềng đau yếu... đều là những buổi thuyết pháp linh động của cư sĩ. Cách ăn ở trong nhà, sự đối xử hàng xóm hợp đạo lý, ấy là bài thuyết pháp sống của Phật tử tại gia. Phật tử tại gia thực hiện được nhiệm vụ mình, mới thật là người hộ đạo chân chính”.

Hơn hai nghìn năm trước, đức Phật mỗi khi truyền giới hay dạy một hạnh tu cho Phật tử tu tại gia đều dặn dò: “Người tu tại gia giữ được rất khó vì nhiều nhân duyên ràng buộc” (Theo Kinh Ưu Bà Tắc). Cái khó vì hoàn cảnh của người Cư sĩ Phật giáo đã có từ nghìn năm trước và nghìn năm sau vẫn còn khó. Nhiều khi cái khó không phải phát xuất từ nó mà từ những khái niệm và định kiến mà người ta mặc lên cho nó. Bởi vậy, người Cư sĩ Phật giáo cùng lúc dần bước trên hai con đường ngõ như song hành nhưng lại đòi hỏi hai trách vụ khác biệt: Đời và Đạo. Hai con đường song song có cùng một điểm gặp gỡ: *Chân Tâm*.

Nguyễn Thọ Trần Kiêm Đoàn

NGƯỜI CƯ SĨ PHẢI LÀM GÌ ĐỂ TRUYỀN BÁ PHẬT GIÁO TRONG THẾ KỶ 21

Mật Hạnh Đỗ Mậu Quỳnh

Lời giới thiệu: *Cư sĩ Mật Hạnh Đỗ Mậu Quỳnh tốt nghiệp kỹ sư Phú Thọ. Sau năm 1975, ông sang Hoa Kỳ và định cư tại California. Ông hiện tu theo pháp môn Thiền Mật song tu. Đã thọ pháp với Thiền sư Nhất Hạnh, thầy Hằng Trường và nhiều lần dự các khóa tu của Đức Đạt Lai Lạt Ma cùng các vị Lạt Ma khác. Ông đã sang Ấn Độ tu học tại Bồ Đề Đạo Tràng và tịnh xá của Đức Đạt Lai Lạt Ma tại Dharamsala.*

Ông được mời phát biểu tại buổi “Hội Luận 2011” ngày 11 tháng 12 năm 2011 do Hội Hội Phật Học Đuốc Tuệ tổ chức tại miền Nam California. Nhưng ngày đó ông chỉ tham dự, xin miễn trình bày và chỉ viết bài góp ý thôi. Dưới đây, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu nội dung bài góp ý đó cùng quý độc giả.

Phật giáo là một tôn giáo đặc biệt vì ngoài phần căn bản là “tự tu, tự chứng” còn có phần nương vào tha lực cứu độ của chư Phật, chư bồ tát như Đức Phật A Di Đà, các vị Bồ tát như các Ngài Quan Thế Âm, Ngài Địa Tạng vương, Ngài Văn Thù, Ngài Phổ Hiền v.. v...

Thế nhưng từ xưa tới nay, sự phát triển của Phật giáo Việt Nam lại phần lớn trông vào tha lực, thể hiện qua việc xây dựng các chùa chiền (tự viện) to tát, trang nghiêm để Phật tử đến lễ bái cầu phước, tụng niệm nhiều hơn là tìm hiểu giáo pháp. Hoặc chỉ là nơi để thực hiện các nghi lễ như: Lễ Đản

sinh, Lễ Vu Lan, các ngày vía Phật, Bỏ tát hoặc những tang lễ, hôn lễ v.. v..

Mặc dù các sự việc này có đáp ứng được một số nhu cầu đòi hỏi của quần chúng, nhưng đó chỉ là hình tướng. Mà hình tướng thì vô thường và phải thay đổi theo hoàn cảnh xã hội và rõ ràng là không phù hợp với sự tiến bộ và suy nghĩ của giới trẻ trong thế giới Âu Mỹ ngày nay.

Trong khi đó thì chính pháp của Phật vốn là chân lý và luôn luôn đứng trong mọi hoàn cảnh xã hội (tùy duyên mà bất biến) lại không được phát triển sâu rộng đúng với tầm mức của nó, nhất là khi nó có khả năng giúp con người giải quyết những vấn đề mà sự tiến bộ quá mau chóng của nền văn minh vật chất đem lại, đó là những ưu tư, lo lắng, sợ hãi (nói chung là tâm thái bất an hay *stress*) mà bất cứ người nào cũng có thể mắc phải.

Thật vậy, những lời cuốn vật chất khiến chúng ta thèm muốn (ngay cả những em bé cũng đã thèm muốn những trò chơi điện tử, đã biết tập dùng điện thoại di động, computer v..v..) rồi đến năm giữ, đua đòi, sợ mất, cũng đưa đến những kết quả không hay làm điên đầu người lớn. Rồi chính người lớn, không phân biệt trẻ già, giàu nghèo, học thức hoặc địa vị cao thấp, đều có thể dễ dàng lâm vào tình trạng bất an này, tất cả đều do sự bất trắc của cuộc sống hiện tại. Đó cũng nằm trong mệnh đề KHỔ trong tứ đế: *Khô - Tập - Diệt - Đạo* mà sự áp dụng tám con đường tu trong Đạo Đế sẽ giúp giải quyết được rất nhiều nỗi “Bất An hay Stress” này vậy.

Ngoài ra, sự thấu hiểu về lý “nhân quả” và thuyết “luân hồi” cũng khiến người ta có cuộc sống đạo đức, bớt đi sự tranh giành, ganh ghét và oán hận, dễ tha thứ và hòa đồng để có cuộc sống tốt đẹp hơn.

Như thế, người cư sĩ Phật giáo khi tu tập và khuyên người khác tu hành (tức là truyền bá Phật Giáo), nhất là đối với giới trẻ và nói chung là người mới tu hay đang tìm hiểu về đạo Phật, nên tránh bớt những lý thuyết cao siêu hay kinh điển khó hiểu mà chỉ khai triển Bát Chánh Đạo hay tám con đường tu tập. Cộng thêm với hạnh lắng nghe, sự giúp đỡ để xoa dịu, an ủi những khó khăn của người nghe theo hạnh của Bồ Tát Quán Âm, tức là tập phát triển “Bốn Đức Tính Cao Quý” TỪ - BI - HỖ - XẢ của Phật giáo.

Nên triển khai và khuyên người thực tập các pháp Thiền quán (Meditation) và sống trong chánh niệm (Mindfulness). Phương pháp “chi” tức điều hòa hơi thở trong “thiền” cũng giúp ích rất nhiều trong việc giảm bớt những “Stress” tức bất an của cuộc sống.

Trong gia đình, người cư sĩ nên dạy con cháu về sự biết ơn (appreciation), bằng cách chỉ cho chúng thấy tất cả những gì ta đang thụ hưởng từ nhà cửa, xe cộ, cơm áo, vật dụng đều không do mình làm ra được, mà là sự góp công của biết bao người khác trong xã hội. Từ đó phát triển tình thương, sự chia sẻ và giúp đỡ đối với những người kém may mắn hơn ta, đó là thực hành hạnh Bồ Tát trong Phật Giáo.

Cũng dùng sự chênh lệch về giàu nghèo, địa vị và cuộc sống khác nhau của mọi tầng lớp trong xã hội để nói về thuyết “nhân quả”, “Luân hồi” và luật “Chiêu cảm” (Attraction) tức là người tốt, việc tốt thì sẽ thu hút những sự may mắn tốt đẹp, còn người ác, việc xấu thì chắc chắn sẽ đưa đến hậu quả xấu, những sự khổ sở, kém may mắn sau này.

Người cư sĩ nên có những bạn đồng tu hay gia nhập vào những hội đoàn, đoàn thể Phật giáo để chia sẻ kinh nghiệm và tìm cách giải quyết những khó khăn, cùng tìm được sự hứng thú trong việc tu tập. Ngoài ra, cũng dễ dàng thu hút người

khác, tạo sự lớn mạnh của đoàn thể, tăng trưởng sự lớn mạnh của Phật giáo, nhất là trong những công tác xã hội, giáo dục, từ thiện và y tế, giúp đỡ người khác.

Ngoài ra, người cư sĩ cũng phải trau dồi thể lực để có một thân thể khỏe mạnh và ít bệnh tật. Một tâm thức minh mẫn, sáng suốt chỉ có thể có được trong một thân thể khỏe mạnh. Và mọi hoạt động trong xã hội, sự hăng hái tin tưởng để chống với những đe dọa, những khó khăn trong cuộc sống (stress) đều phải nhờ vào một thân thể khỏe cộng với một tâm thức sáng suốt.

Chính vị sơ tổ Thiền Tông Trung Hoa là Ngài Bồ Đề Đạt Ma cũng đã thấy rõ việc này, nên Ngài đã sang tạo môn võ Thiếu Lâm để giúp người tu có một thân thể khỏe mạnh, khắc phục mọi bệnh tật. Rất nhiều người đã biết và tu tập môn “dịch chân kinh” để có được một thân thể khỏe mạnh. Tôi lập đi lập lại nhiều lần chữ “Thân thể khỏe mạnh” vì đã có kinh nghiệm bản thân về một thân thể đau yếu đã cản trở rất nhiều trong việc tu tập và hoạt động xã hội, nhất là lúc tuổi già.

Cuối cùng, với những người lớn tuổi hoặc có một sự tin tưởng lớn về sức mạnh của sự cầu nguyện các vị Phật, Bồ tát (thí dụ trông vào hạnh cứu khổ cứu nạn của đức Bồ Tát Quán Thế Âm) trong những lúc nguy biến, khó khăn thì sự cầu nguyện này bằng một lòng tin tuyệt đối cũng đem lại những kết quả bất ngờ, mà một số Phật tử cũng như người chưa theo đạo Phật đã từng trải qua.

Pháp tu Tịnh Đô, rất phổ thông trong Phật Giáo – mà căn bản là niềm tin tuyệt đối vào sự cứu độ của Đức Phật A Di Đà lúc lâm chung, cộng với sự kiên trì đọc tụng hồng danh Ngài - sẽ giúp người tu thoát khỏi luân hồi. Những Nghiệp quả đã tạo ra thì được hoãn lại cho đến khi chứng được đạo quả trong một cõi nước cực kỳ sung sướng, tốt đẹp như cõi thiên đường

của các tôn giáo thờ Thượng Đế. Sau đó sẽ tùy hạnh nguyện cứu độ chúng sanh mà dần dần trả nghiệp trong một tâm thức của bậc giác ngộ (Enlightened).

Tóm lại, người cư sĩ có lợi điểm mà quý vị tu sĩ không có, tức là sự cọ xát thường trực với cuộc sống hàng ngày, hay kinh nghiệm sống từ cá nhân, gia đình đến đoàn thể, xã hội.

Đồng thời, người cư sĩ có điều kiện để tiếp xúc dễ dàng hơn với quảng đại quần chúng. Nếu người cư sĩ cố gắng tạo được cho mình một sự hiểu biết vững chắc về những căn bản của Phật giáo (không bị lôi cuốn vào những kinh điển và giáo lý cao siêu) nhưng những đường lối thực hành rõ ràng và một cuộc sống mẫu mực thì việc giúp đỡ người khác tu tập và phát triển Phật giáo sẽ tiếp tay rất lớn cho Tăng Ni hoàng pháp. Đó là đường hướng tốt theo quan điểm của cá nhân tôi để góp phần phát triển Phật Giáo trong vai trò cư sĩ của thế kỷ 21 này.

Mật Hạnh Đỗ Mậu Quỳnh

TU HỌC ĐỂ HOÀNG PHÁP

Nguyễn Giác Phan Tấn Hải

Sau đây, là một số góp ý trong cương vị cư sĩ để giúp hoàng pháp ở hải ngoại, trong đó nêu lên ý chính: trước tiên phải là lo *tu* và *học*, nghĩa là học và hành; sau là *khuyến tấn tu học*, nghĩa là quảng bá chánh pháp, biện biệt được các nghĩa đúng sai, và dùng mọi phương tiện có thể có để mời gọi mọi người cùng tu học.

Bản thân từng người cư sĩ phải lo siêng năng tu học. Bởi vì, không tu, không học sẽ không làm được gì hết, và sẽ trở thành gương xấu cho các thế hệ sau, làm mất lòng tin từ tứ chúng, và tự cứu mình cũng không nổi. Thứ nhì, tìm phương pháp tiếp cận với tứ chúng trong các chùa, để hỗ trợ việc tu học, việc huấn luyện thế hệ kế tiếp. Và sau cùng, tiếp cận thích nghi với tất cả các thành phần khác trong và ngoài cộng đồng, và với cư dân địa phương.

Về bản thân từng người cư sĩ, trước tiên là phải thực tu, thực học. Chuyện học, cả pháp thế gian và pháp xuất thế gian, cực kỳ quan trọng, vì để giúp tự mưu sinh, tìm việc, hướng dẫn người khác, và tự phát triển những khả năng tiềm ẩn có thể có để sau này thêm phương tiện hoàng pháp. Muốn thực tu, thực học cần phải ngày đêm nuôi dưỡng Bồ Đề Tâm, luôn luôn thấy mình là người gìn giữ giáo pháp Đức Phật.

Về học, cần học các pháp thế gian cho vững, để ngay trong xã hội tự mình trở thành nơi nương tựa cho người khác. Các khả năng căn bản nên rèn luyện như viết tin, viết bài, sáng tác văn

học, chụp ảnh, sử dụng máy vi tính, thuyết trình, tổ chức... Pháp thể gian không nắm vững, tất nhiên phương tiện hoằng pháp sẽ hạn hẹp.

Hãy tham dự các đại lễ, các hội nghị, các thiền thất và nhìn cách hoằng pháp của các vị sư và cư sĩ Hoa Kỳ, Tây Tạng, Thái Lan, Đài Loan, Việt Nam... chúng ta sẽ thấy việc hoằng pháp là một kết tập rất nhiều công sức của nhiều người, và đòi hỏi nhiều kỹ năng. Đọc kỹ một cuốn sách về Thiền, hay một tạp chí Phật Giáo, chúng ta sẽ thấy đó là những công trình có khi là của riêng một người, có khi là của nhiều người – nhưng thành công hay thất bại sẽ là do những kỹ năng rèn luyện nhiều năm mà thành, và có khi là do cơ duyên từ nhiều đời trước. Gặp một câu văn dở, độc giả sẽ không muốn đọc tới đoạn kế tiếp. Gặp một câu tối nghĩa, độc giả có thể hiểu trật ý tác giả. Nghe một cô ca sĩ hát hay, buổi văn nghệ Phật Đản năm sau có thể thu hút thêm nhiều người chưa từng biết Đạo Phật tới tham dự. Kho tàng thơ Thiền còn lưu truyền qua nhiều thế kỷ, chưa nói chuyện đạo vị, thấy trước tiên là vì thơ hay. Thơ dở là đã biến mất từ lâu.

Ngoài ra, người cư sĩ có thể tự học thêm những khả năng khác để có thêm phương tiện hoằng pháp. Bạn có thể vào mạng YouTube (www.youtube.com) và gõ chữ “chinese ink” để tự học Thư Pháp và tranh thủy mặc, hay gõ chữ “drawing” hay “painting” để học vẽ, sau này có thể vẽ tranh Thiền trong những cơ duyên nào đó.

Trong các pháp thể gian cần học hiện nay ưu tiên còn là Anh Văn. Có rất nhiều bản văn về Phật Giáo chúng ta đọc trong những bản Việt dịch nhiều thập niên qua ở quê nhà có ngôn ngữ tối tăm, có khi dịch không đúng. Cho nên, nếu đọc đối chiếu bản Anh ngữ sẽ có cơ duyên nhìn Đạo Phật dưới lăng

kính đa diện hơn. Thí dụ, Kinh Pháp Cú có rất nhiều bản dịch khác nhau. Chuyện thời xưa, chúng ta đành để cho các nhà sử học đối chiếu, thí dụ 3 bản tiếng Sanskrit và 4 bản tiếng Trung Quốc. Nơi đây chúng ta chỉ bàn về 24 bản Kinh Pháp Cú tiếng Anh dịch từ tiếng Pali.

Chỉ riêng phân tích về bài kệ số 372 trong Kinh Pháp Cú, các bản Anh ngữ đã mang nhiều nghĩa lệch nhau.

Bài kệ này được Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch sang Việt ngữ:

372. *"Không trí tuệ, không thiên,
Không thiên, không trí tuệ.
Người có thiên có tuệ,
Nhất định gần Niết-Bàn."*

http://www.thuvienhoasen.org/D_1-2_2-69_4-8452_5-50_6-1_17-48_14-1_15-1/#nl_detail_bookmark)

Tác giả Sotapanna Jhanananda (Jeffrey S. Brooks) đã viết bài “A comparative analysis of 23 translations of Dhammapada Verse 372 to Reveal the Variability in Translation” (Phân Tích Đối Chiếu 23 Bản Dịch Bài Kệ 372 của Kinh Pháp Cú Để Hiện Lộ Các Dị Biệt Trong Dịch Thuật -- <http://www.greatwesternvehicle.org/translation.htm>) trong đó ông đối chiếu 24 bản Anh ngữ về bài kệ 372.

Chỉ cần trình độ tu học trung bình, một người giỏi tiếng Anh có thể thấy rằng nhiều dịch giả Anh ngữ đã dịch sai (nói lịch sự: “không chính xác”), cho dù họ đều là các học giả nổi tiếng hoặc các vị sư nổi tiếng của thế giới. Nếu bạn chỉ đọc một bản dịch, bạn sẽ không có cơ hội đối chiếu, và đành phải tin vào riêng một người. Cũng y hệt như khi 24 cô thiếu nữ đứng bên nhau, chúng ta sẽ thấy ngay cô nào trắng hơn, cao hơn, gầy hơn, cười tươi hơn, vân vân. Không có gì tuyệt vời hơn cho

người tu học khi đọc đối chiếu tới 24 bản Kinh Pháp Cú để dò tìm chính xác ý của Đức Phật thời xưa. Đây cũng là lý do chúng ta không nên hoàn toàn nương tựa riêng một vị sư, mà nên tiếp cận nhiều vị, và nên học nhiều pháp môn, trước khi chọn một pháp thích nghi cho mình.

Do vậy, nhu cầu học là cần thiết. Nhất là khi các thế hệ trẻ hơn đang nương tựa vào chúng ta để tìm hiểu Đạo Phật. Nhu cầu tu lại còn cần thiết hơn. Bởi vì, nếu bạn không nếm trải được pháp hỷ thiên duyệt, bạn không có gì để trao truyền cho người khác, và lúc đó bạn chỉ là cái máy cassette lập lại những gì bạn đã nghe. Lúc đó, sẽ rất là tội nghiệp cho mình, và cho người chung quanh.

Một nhu cầu để thấy cần phải tu chuyên cần, không chỉ là một khát vọng giải thoát, mà còn là để đối trị với pháp thế gian. Thí dụ như để ngăn ngừa và chữa bệnh ưu trầm, thậm chí, theo các cuộc nghiên cứu y học, pháp niệm Thân trong Tứ Niệm Xứ còn giúp giảm hoặc chữa các cơn đau của cơ thể, trong khi tăng trí nhớ và giúp giữ trí tuệ minh mẫn.

Dưới mắt khoa học Âu-Mỹ, Thiền là một phương thuốc chữa vô số bệnh, vậy mà nhiều chùa không sử dụng tới phương tiện này. Bạn chỉ cần vào trang Google.com, gõ nhóm chữ “mindfulness meditation health benefits” sẽ ra nhiều trang có ghi những cuộc nghiên cứu về lợi ích Thiền tập đối với sức khỏe, không chỉ ngăn và chữa nhiều bệnh mà còn giữ tuổi trẻ và chống lão hóa.

Một điểm có thể thấy rằng, trong khi thế hệ trẻ không đủ khả năng đọc tiếng Việt, hoặc chỉ có thể đọc lơ mơ, chúng ta lại không tập trung hướng dẫn giáo pháp bằng song ngữ cho các em. Trong khi chúng ta xây những ngôi chùa tốn nhiều triệu

đôla, thì có khi chúng ta lại quên xây con người. Nếu vừa xây được chùa lớn, vừa đào tạo được Phật Tử giỏi thì sẽ rất tốt. Còn nếu không, thì nên ưu tiên xây con người hơn.

Thực sự, phương tiện để dạy giáo pháp bằng song ngữ không tốn kém bao nhiêu. Chỉ cần các anh chị huynh trưởng Gia Đình Phật Tử chú tâm vào điểm này: tìm mua một máy in laser printer, mỗi tuần lên các trang web Phật Giáo, in một trang hay nửa trang giáo lý căn bản Anh ngữ ra để phát cho các em trong đơn vị. Ít nhất, mỗi tuần, các em cũng có một trang giáo lý để về đọc, bằng ngôn ngữ mà các em quen thuộc. Khi các em hiểu được, và khi thấm nhuần được một chút pháp hỷ thiên duyệt, sẽ không có sức mạnh nào chiêu dụ các em đi lệch đường nổi.

Như thế, tốn bao nhiêu? Máy Laser Printer HP 1102W chỉ tốn 85 đôla, một ống mực toner chỉ 20 đôla, và một ream giấy 500 tờ chỉ 4 đôla thôi. Xài cả mấy năm, mới cần mua thêm mực và giấy mới. Quá rẻ, mà thiết thực dạy cho các em biết thực sự Đạo Phật là gì.

Thêm nữa, trong khi tiếp cận với xã hội, người không có thực tu, thực học sẽ không ứng phó nổi trong nhiều tình huống. Thí dụ, thuận theo lời mời từ người hôn phối hay từ người bạn tình khác tôn giáo, bạn phải tham dự một khóa *Tĩnh Tâm* của Công Giáo, hay dự một khóa *Bồi Linh* của Tin Lành. Sau một khóa như thế, bạn thấy lòng mình nhẹ nhàng, thanh thản, và bạn nghĩ rằng tôn giáo nào cũng tốt, và không phân biệt được sự khác nhau giữa Phật Pháp và các giáo lý đạo khác.

Nếu bạn có thực tu, thực học, bạn sẽ phân biệt dễ dàng, sẽ không nhầm lẫn như thế. Thí dụ, các đạo khác đều dùng pháp cầu nguyện để tự kỷ ám thị, nhưng Phật Pháp trong tận cùng là

trở về Tánh Không nơi lòng mình; các đạo khác dùng niệm ám thị để ngộ nhận có một tự ngã nhỏ bé sẽ hội nhập cùng Nhan Thánh Đại Ngã, trong khi Phật Giáo nhận rõ bản tánh các niệm là vô niệm để rồi sẽ thấy thực tướng các pháp là Vô Ngã.

Do vậy, các đạo khác dùng âm thanh sắc tướng để tìm bình an, như hát những bài thánh ca tuyệt vời, như trang phục nhiều màu sắc trong các buổi lễ, như đốt hương thơm để người tham dự ngây ngất, thậm chí nam nữ trong khi cầu nguyện hay đi bộ còn nắm tay nhau để tạo cảm giác chia sẻ của một xã hội cộng thông hay hiệp thông. Hãy suy nghĩ rằng, nếu dùng sắc tướng để tạo được cảm giác an lành khỏe khoắn, thì bạn có thể đi bơi liên tục một tuần lễ, bạn sẽ có nhiều lợi ích về cả thân tâm hơn là tự thôi miên mình trong không khí đầy sắc tướng như thế.

Phật Pháp không dùng tới sắc tướng âm thanh để thôi miên hay ám thị, sau khi tụng kinh để nghe giáo nghĩa là lặng lẽ ngồi thiền để tâm mình không có nơi nào an trụ, để thấy *sắc thanh hương vị xúc pháp* đều là không, đều không có gì để phải vướng mắc, và thấy không có gì cần phải nắm tay nhau cầu nguyện để cộng thông hay hiệp thông.

Tương tự, bạn cần có đủ giáo nghĩa để trả lời khi có ai hỏi về khái niệm Trời, Đấng Sáng Thế, Thượng Đế trong nhà Phật. Nếu không thực tu, thực học, chúng ta sẽ bị một số thông tin dỏm qua email, qua Internet lừa gạt. Hiện nay có rất nhiều câu nói trên Internet được cho là của Đức Đạt Lai Lạt Ma thực ra chỉ là gán ghép, ngụy tạo.

Chúng ta có thể thấy một số người tung những thông tin truyền đạo trên Internet bằng cách vắn vèo cả lịch sử. Họ nói rằng nhà khoa học Albert Einstein tin vào Thượng Đế Sáng Tạo, nhưng thực sự Einstein không hề tin như thế, ông chỉ tự

nhận là một agnostic (bất khả tri); họ còn nói rằng một linh mục dòng Jesuit đã đưa ông Einstein từ lập trường vô thần trở thành người tin Chúa, nhưng đó chỉ là bịa đặt. Xin đọc: Albert Einstein's religious views (Quan Điểm Tôn Giáo của Albert Einstein

http://en.wikipedia.org/wiki/Albert_Einstein%27s_religious_views)

Hay như gần đây, nhiều email trên các diễn đàn tiếng Việt, có kể chuyện tỉ phú Bill Gates, một nhà từ thiện vĩ đại, “*Năm 2002 sau 10 giờ đêm đạo, Bill Gates đã ngẩng đầu lên trời, cảm tạ Thượng Đế đã sinh Bill và còn sinh thêm Warren n Buffett...*” (hết trích)

Có thực Bill Gates tin vào Thượng Đế? Đó là thông tin dỏm. Bill Gates cũng như Einstein, là người tin vào thuyết bất khả tri, thậm chí Bill Gates từng được đưa vào danh sách các nhà atheist (vô thần, xem http://www.celebatheists.com/wiki/Main_Page) vì ông có lúc nói rõ là không tin vào giáo lý độc thần sáng thế. (Xem cột bên phải và chú thích 2 và 3:

http://en.wikipedia.org/wiki/Bill_Gates)

Tương tự, Warren Buffett cũng không tin Thượng Đế, và tên ông nằm trong danh sách chủ nghĩa bất khả tri. (Xem cột bên phải và chú thích 3: http://en.wikipedia.org/wiki/Warren_Buffett). Nếu không đủ tiếng Anh, nếu không đọc nhiều, chúng ta sẽ nhầm lẫn rằng Albert Einstein, Bill Gates, Warren Buffett là các con chiên nhiệt thành. Người ta đưa thông tin dỏm là muốn làm chúng ta tin nhầm như thế.

Như thế, các pháp thế gian và pháp xuất thế gian đều cần phải học, phải rèn luyện.

Thực tu, thực học cũng sẽ giúp chúng ta ứng phó trong các trường hợp cần sự bình tĩnh. Thí dụ, một huynh trưởng Gia Đình Phật Tử cần suy nghĩ, nên giúp thế nào cho các em sắp dự kỳ thi SAT, các kỳ thi final cuối năm? Không có gì hay

hơn là trong các buổi sinh hoạt hàng tuần, hãy dạy các em ngồi Thiền 10 phút, hay 15 phút. Không cần yêu cầu các em ngồi kiết già hay bán già, vì 2 tư thế này dễ làm đau chân và có thể làm nản lòng nhiều em. Hãy ngồi theo thể Miến Điện (Burmese posture), nghĩa là chỉ xếp chân xuôi vào nhau. Bạn vào Google sẽ dễ dàng thấy thể ngồi này. Hãy tập hoặc để tâm theo hơi thở, hoặc theo dõi hơi thở phồng xẹp nơi bụng, hoặc theo dõi cảm giác hơi thở ở chóp mũi.... là những cách đơn giản nhất, nhưng cực kỳ hiệu nghiệm. Hoặc là hình dung mình như đã chết rồi, một pháp niệm tử. Hoặc là niệm câu Phật hiệu chậm rãi và lắng nghe rõ ràng, minh bạch từng chữ. Nếu giữ được trang nghiêm *đi đứng nằm ngồi* trong một pháp tu, học nhân sẽ cảm nghiệm được pháp hỷ thiền duyệt chỉ trong vài ngày. Có người chỉ ngồi thờ 10 phút đã thấy toàn thân an lạc rồi.

Tu học là chìa khóa của hoằng pháp. Tất cả mọi chuyện khác đều phải tới sau. Tu học cũng là bắt đầu đặt chân vào con đường giải thoát. Không bước đi, thì sẽ không bao giờ đến. Tu học chính là hoằng pháp, là mời gọi mọi người cùng bước vào con đường giải thoát vậy.

Nguyễn Giác Phan Tấn Hải

ĐEM PHẬT PHÁP ĐẾN CHO GIỚI TRẺ

Tâm Huy Huỳnh Kim Quang

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,
Kính thưa chư liệt vị,

Như chủ đề của cuộc hội thảo mà Ban Tổ Chức đã đề ra, mỗi chúng ta dù có mặt hay không có mặt trong hội trường này, nhưng với tư cách là người cư sĩ, là một Phật tử, thì đều quan tâm, thao thức và tự hỏi rằng mình có thể đóng góp được gì để đem giáo pháp mẫu nhiệm của đức Phật đến với những người có duyên. Trong số những người có duyên đó, có lẽ thế hệ con cháu của chúng ta là đối tượng cần được chú ý đến nhất.

Vì sao? Trước hết, đó là trách nhiệm làm ông bà, cha mẹ, chú bác, cô dì trong gia đình đối với con cháu. Khi chúng ta là người thừa hưởng những lợi lạc vô giá của Phật Pháp trong đời sống hàng ngày thì điều tự nhiên là chúng ta có trách nhiệm phải chia sẻ gia tài quý báu đó cho thế hệ con cháu chúng ta để chúng cũng có cơ duyên đem Phật Pháp làm đẹp, làm hạnh phúc và an lạc cho cuộc sống. Thứ nữa, với vai trò là người con Phật, đi theo dấu chân và hạnh nguyện tự giác, giác tha của đức Phật, chúng ta không thể bỏ qua việc đem Phật Pháp đến cho những ai có duyên trong đời mình mà con cháu là đối tượng gần gũi nhất. Sau cùng, khi chính bản thân chúng ta nhận thức rõ rằng Phật Pháp không những là diệu dược chữa lành bệnh khổ cho từng cá nhân con người mà còn là giải pháp hữu hiệu để xây dựng và phát triển cộng đồng xã hội, thì chúng ta không thể không góp phần vào việc đem Phật Pháp

đến cho thế hệ con cháu chúng ta, vì thế hệ trẻ là tương lai của cộng đồng xã hội.

Nhưng, vấn đề được đặt ra là, làm thế nào để đem Phật Pháp đến cho giới trẻ tại hải ngoại? Từ vấn đề tổng quát trên dẫn chúng ta đến mấy vấn đề có tính chi tiết và thực tế cụ thể khác. Đó là, tâm thức và hoàn cảnh của giới trẻ Việt Nam tại hải ngoại, những thuận nghịch duyên trong việc đem Phật Pháp đến cho giới trẻ, và phương cách đem Phật Pháp đến cho giới trẻ. Vì lẽ đó, có 3 vấn đề mà chúng tôi xin được trình bày chi tiết sau đây.

1- Tâm thức và hoàn cảnh của giới trẻ Việt Nam tại hải ngoại:

Giới trẻ Việt Nam là thế hệ thứ 2 hay một rưỡi của cộng đồng người Việt tại hải ngoại, có nghĩa là thế hệ được sinh ra, hay được dưỡng dục để trưởng thành tại hải ngoại. Thế hệ không được sinh ra nhưng được nuôi dưỡng và lớn lên tại hải ngoại dù có một khoảng thời gian ngắn ngủi sống trong truyền thống văn hóa tại Việt Nam nhưng chất liệu của truyền thống văn hóa dân tộc ấy không đủ mạnh để thấm sâu trong huyết quản mà thay vào đó là một truyền thống văn hóa khác có sức mạnh chiếm ngự cuộc đời của tuổi trẻ. Thế hệ được sinh ra tại hải ngoại thì hoàn toàn sống trong truyền thống văn hóa khác với truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam cho nên, nếp suy nghĩ, cách sống và lý tưởng của thế hệ này hầu như hoàn toàn xa lìa nguồn cội văn hóa dân tộc.

Tất nhiên, trong cái chung vẫn có cái riêng. Cái riêng chính là thế hệ trẻ vẫn còn được sống trong các gia đình mà ông bà, cha mẹ là những người còn giữ nguyên được bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc, từ ngôn ngữ, ăn uống đến các sinh hoạt văn hóa khác, nhờ vậy, đã có thể quân bình được phần nào tình trạng xa lìa nguồn cội của thế hệ trẻ Việt Nam tại hải ngoại. Nhưng, đó chỉ là lý thuyết. Trên thực tế, còn tùy

thuộc vào ý thức, trách nhiệm, vai trò và nỗ lực tới đâu của thế hệ ông cha đối với con cháu của mình nữa.

Văn hóa khác mà thế hệ trẻ Việt Nam tại hải ngoại được nuôi dưỡng và trưởng thành là văn hóa Tây Phương. Đó là nền văn hóa cởi mở, khai phóng với những giá trị dựa trên nền tảng của nền văn minh khoa học kỹ thuật, thực dụng và kinh tế tài chánh lấy sự thành đạt qua bằng cấp học vị, qua công ăn việc làm, qua mức thu nhập tài chánh cá nhân và gia đình, qua đời sống hưởng ngoại và hưởng thụ vật chất, qua tinh thần tự do, dân chủ và độc lập cá nhân, v.v... làm thước đo. Sống trong nền văn hóa như thế, thế hệ trẻ Việt Nam tại hải ngoại dễ dàng thoát ra khỏi nề nếp kỷ cương truyền thống của gia đình Việt Nam vốn lấy tinh thần gia trưởng, vâng lời, hiếu thuận, phục tùng làm thước đo. Đó chính là bối cảnh làm nền cho những dị biệt, xa cách, xung đột và bất an trong các gia đình người Việt nói riêng và các cộng đồng di dân tại hải ngoại nói chung.

Với tâm thức và hoàn cảnh của tuổi trẻ Việt Nam tại hải ngoại như vậy, việc đem Phật Pháp đến cho giới trẻ gặp những nghịch và thuận duyên nào?

2- Thuận duyên và nghịch duyên trong việc đem Phật Pháp đến giới trẻ:

Có thể nói, nghịch duyên trong việc đem Phật Pháp đến cho giới trẻ Việt Nam tại hải ngoại nhiều hơn thuận duyên. Vì sao?

Như đã trình bày ở trên, giới trẻ Việt Nam được sinh ra và lớn lên trong bối cảnh văn hóa khác với nền văn hóa truyền thống dân tộc cho nên, nếp suy nghĩ, cách sống cũng khác với thế hệ ông cha. Khoảng cách giữa hai thế hệ là một nan đề khó tránh khỏi, đặc biệt trong các gia đình của các cộng đồng di dân. Cộng thêm vào đó là yếu tố khác biệt về ngôn ngữ làm cho khoảng cách giữa hai thế hệ càng thêm rộng lớn. Thế hệ

ông cha thường sử dụng ngôn ngữ truyền thống dân tộc mang theo trong sinh hoạt gia đình, trong khi thế hệ tuổi trẻ chỉ thông thạo thứ tiếng của đất nước mà chúng được giáo dục và trưởng thành. Học đường mà thế hệ trẻ được đào tạo đa phần chủ trương tách rời ảnh hưởng của tôn giáo và chỉ chú trọng vào việc truyền trao kiến thức chuyên môn thuộc các lãnh vực thế gian mà không đề cập đến nền giáo dục đạo đức, luân lý và tôn giáo truyền thống. Hơn nữa, tuổi trẻ là thành phần hiếu động, là giai kỳ xung lực cao độ của đời người, cho nên, đối với họ, việc đi tìm một chỗ nương tựa cho đời sống tâm linh trong các tôn giáo nói chung và Phật Giáo nói riêng vẫn chưa phải là nhu cầu thiết yếu. Chính vì vậy, đối với giới trẻ, chùa chiền là nơi dành riêng cho thế hệ ông cha lớn tuổi, cho những ông bà già gần đất xa trời. Họ thật sự chưa thấy hấp lực nào để lôi cuốn vào các sinh hoạt của Phật Giáo.

Thuận duyên quý giá mà tuổi trẻ Việt Nam tại hải ngoại có cơ hội bắt gặp là càng ngày Phật Giáo càng ảnh hưởng sâu rộng vào xã hội Tây Phương trong giới trí thức, học giả, giáo sư, khoa học gia, v.v... Nhưng đó không là thuận duyên phổ biến trong đại đa số giới trẻ Việt Nam tại hải ngoại.

Đến đây, vấn nạn được đặt ra là, trong hoàn cảnh như thế, làm sao để mang Phật Pháp đến với trẻ?

3- Vài đề nghị đem Phật Pháp đến với giới trẻ:

Có điều xin thưa ngay rằng, đây chỉ là một vài đề nghị để góp phần vào công tác hoằng pháp trong giới trẻ. Và sau đây là một số đề nghị.

a- Nắm bắt cơ hội ngay tức khắc, không chò đợi:

Câu hỏi được nêu ra là: cơ hội là lúc nào? Có thể trả lời một cách không đắn đo rằng đó là ngay bây giờ. Thời điểm “ngay bây giờ” được nói đến ở đây không phải là hạn kỳ thời gian mà là động thái khởi sự. Do đó, thời điểm “ngay bây giờ” có thể không giống nhau giữa người này với người nọ. Với đôi

vợ chồng mới lấy nhau, đó là những suy nghĩ và dự tính về việc sinh con và cách giáo dục con ngay từ khi mới bắt đầu mang thai, để làm sao đem niềm tin Phật Pháp truyền từ người mẹ sang bào thai trong thời gian 9 tháng 10 ngày. Đối với các bậc cha mẹ có con còn non dại, đó là thực hiện ngay tức thì việc đem Phật Pháp dạy dỗ con bằng trái tim, bằng tấm lòng, bằng trí tuệ, bằng lời nói, và bằng hành động cụ thể.

b- Thân giáo:

Khi chúng ta muốn giới thiệu loại thuốc trị bệnh nào cho người khác thì điều trước tiên là bản thân mình phải là con bệnh từng được chữa lành bởi loại thuốc đó. Cũng tương tự như vậy, khi chúng ta muốn đem Phật Pháp đến cho con cháu của mình thì trước hết mình phải là người thực hành Phật Pháp có hiệu quả, có lợi lạc mà con cháu chúng ta có thể trông thấy. Chẳng hạn, chúng ta không thể khuyên con cháu đi chùa, học Phật, thực hành Phật Pháp, trong khi chính bản thân mình không đi chùa, không học Phật, không hành trì Phật Pháp trong đời sống hàng ngày. Thêm một thí dụ khác, con cháu chúng ta sẽ không có niềm tin vào Phật Pháp qua sự giới thiệu của chúng ta nếu bản thân chúng ta vẫn còn đầy dẫy tham, sân, si trong đời sống hàng ngày sau bao nhiêu năm đi chùa tụng kinh, nghe pháp, làm công quả, v.v...

c- Tạo cơ duyên:

Ngay từ lúc con cháu còn nhỏ, các bậc cha mẹ nên cố gắng tranh thủ từng cơ hội để dẫn con em đến chùa lễ Phật, dự các buổi lễ tại các chùa, hay các buổi lễ Phật Giáo được tổ chức nơi công cộng để cho con em có ấn tượng hay có thể ươm mầm hạt giống Phật Pháp trong tâm ngay từ lúc còn tấm bé. Đừng nghĩ rằng những cơ hội đó, những hình ảnh đó rồi sẽ tiêu mất đi. Không đâu! Chúng sẽ còn mãi trong tâm thức, trong tiềm thức của các em đến trọn cả đời. Ở nhà, nếu có bàn thờ Phật thì nên dạy con cháu thường xuyên thắp hương lễ Phật để hình ảnh đức Phật in sâu vào tâm thức của chúng. Khi

con em đến tuổi đi học, các bậc cha mẹ nên dành thì giờ đưa con em tham gia sinh hoạt trong các tổ chức tuổi trẻ Phật Giáo như Gia Đình Phật Tử, thanh thiếu niên Phật tử, hay các đoàn thể Phật tử sinh hoạt tại các chùa. Cha mẹ thường xuyên khuyến khích và khen thưởng cho con em trong việc đọc sách Phật Pháp bằng tiếng Việt hay tiếng Anh vào những lúc chúng rảnh rỗi, hay vào mùa nghỉ hè, v.v... Trong đời sống sinh hoạt gia đình hằng ngày, các bậc ông bà, cha mẹ nên tranh thủ từng công việc để có thể dạy con một vài điều hữu ích từ trong những lời dạy của đức Phật.

d- Thực hành mở tâm và lắng nghe:

Hố ngăn cách giữa hai thế hệ già trẻ có thể được nối kết lại gần nhau nếu chúng ta biết khéo léo bắt nhịp cầu cảm thông và hiểu biết. Nhịp cầu đó chính là thái độ cởi mở tâm thức và bình thản lắng nghe. Mở tâm để nhìn nhận thực tế là chúng ta đang sống trong xã hội cởi mở, văn minh, tự do, dân chủ, và bình đẳng, cho nên, chúng ta phải mở rộng lòng ra để tiếp nhận nền văn hóa mới, học hỏi những gì mình chưa biết từ xã hội và từ con người, ngay cả với con cháu chúng ta nữa. Bình thản lắng nghe để có thể hiểu biết một cách tường tận từng sự kiện xảy ra chung quanh mình, và những suy nghĩ, cảm nghĩ và ước muốn của thế hệ con cháu chúng ta, mà không áp đặt định kiến của chúng ta lên đó. Điều này thực ra là chuyện mà người cư sĩ Phật tử phải thực hành hàng ngày trong đời sống qua lời dạy của đức Phật, chứ không phải là chuyện xa lạ hay cần phải cố gắng quá sức của mình.

e- Hoằng pháp từ những người thân:

Hoằng pháp là hạnh nguyện lớn không phải làm một đời là xong. Cho nên, chư Phật và Bồ Tát phát đại nguyện thế độ chúng sinh trong vô lượng vô số kiếp. Chẳng hạn như ngài Địa Tạng đã phát nguyện: “Địa ngục vị không, thế bất thành Phật. Chúng sinh độ tận, phương chúng bồ đề,” (Khi nào địa ngục trống rỗng thì mới thành Phật. Nguyện độ hết chúng sinh

mới chứng đạo quả giác ngộ viên mãn). Với người cư sĩ Phật tử bình thường, chúng ta hãy bắt đầu hạnh nguyện góp phần hoằng pháp từ những người thân trong gia đình, trong thân tộc, vì đây là những người chúng ta có thiện duyên gần gũi nhất, và có nhiều cơ hội nhất để đem Phật Pháp đến với họ, đặc biệt là thế hệ con cháu chúng ta. Chỉ cần mỗi cư sĩ Phật tử phát nguyện và làm được như thế thì đã góp phần không nhỏ trong công cuộc hoằng pháp tại hải ngoại. Chúng ta hãy hình dung rằng, nếu mỗi bậc cha mẹ mà nỗ lực đem Phật Pháp đến được cho con em của mình thực sự thì số lượng trẻ em trong các gia đình Phật Giáo sẽ nhiều biết bao nhiêu, và tương lai của Phật Giáo tại hải ngoại sẽ tươi sáng biết chừng nào. Vì thế, xin hãy bắt đầu từ khởi điểm gần và dễ nhất, nhưng thật ra cũng không dễ chút nào cả đâu, với những người thân, với con cháu của chúng ta.

Kính thưa chư liệt vị,

Những gì trình bày trên đây chỉ là gợi ý. Mong rằng từ những gợi ý nhỏ nhất này sẽ góp phần gợi hứng thêm cho nhiều suy tư, sáng kiến, và hành động cụ thể và hữu ích đối với cuộc hội thảo mang chủ đề “Sự Đóng Góp của Người Cư Sĩ Trong Công Cuộc Hoằng Pháp Tại Hải Ngoại” hôm nay.

Cầu nguyện hội thảo được thành tựu viên mãn và hội hướng công đức đến pháp giới chúng sinh đồng thành Phật đạo.

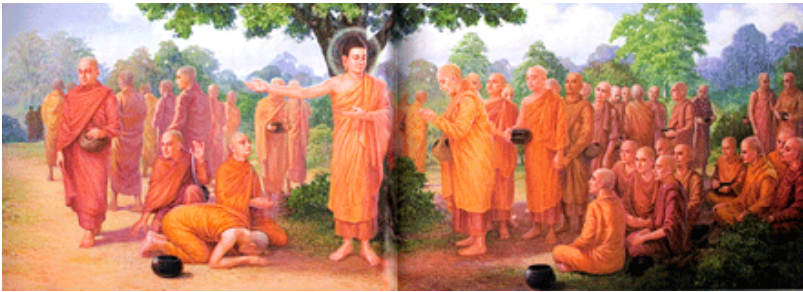
Trân trọng kính cảm ơn và kính chào chư liệt vị.

Tâm Huy Huỳnh Kim Quang

TẶNG ĐOÀN CỦA ĐỨC PHẬT BUỒI SƠ KỲ VÀ VÀI Ý NGHĨ VỀ ĐỊNH HƯỚNG HOẰNG PHÁP

Trí Tánh Đỗ Hữu Tài

Mùa xuân là mùa đâm chồi nảy lộc của thiên nhiên. Cách đây hơn 25 thế kỷ, nhân loại cũng đã chứng kiến một hiện tượng "đâm chồi nảy lộc" khác vĩ đại và tuyệt vời hơn nhiều. Không phải của thiên nhiên mà của trí tuệ, không phải làm đẹp cảnh vật mà làm sáng lên một con đường giải phóng chúng sinh thoát khổ. Hiện tượng khai hoa nở nhụy đó là sự thành hình của Tăng đoàn Phật giáo (Tăng già, *Sangha*) do chính Đức Phật khai sinh, nuôi dưỡng và từ đó lớn lên, lan rộng, vượt thời gian, tồn tại cho đến ngày nay dưới những chiếc tăng bào nhiều màu sắc trên khắp mặt địa cầu.



Lịch sử cho biết rằng năm 528 đến năm 484 trước Tây lịch là khoảng thời gian 45 năm mà Đức Phật đã đi hết miền Tây bắc nước Ấn Độ, qua các vương quốc Kosala và Magadha cùng

nhiều tiểu quốc khác dọc sông Ganges và sông Gandak để tuyên giảng giáo pháp của mình. Đó cũng chính là giai đoạn Ngài khai sinh và xây dựng Tăng đoàn, từng người một, từng ngày một, để đặt nền móng nhưng đồng thời cũng để thiết kế và hoàn thiện một công cụ thiện xảo với chức năng, thay Ngài sau này, duy trì bánh xe Chánh pháp được quay đều, và quay bền vững, trong không gian vô tận và thời gian vô cùng.

Trong một xã hội Ấn Độ với thượng tầng văn minh và hạ tầng tổ chức cách đây hơn 25 thế kỷ, trình độ khoa học chưa cao, cơ sở vật chất còn sơ khai, các trường phái học thuật và tôn giáo còn mông muội thần quyền, **Đức Phật đã bắt đầu như thế nào với Tăng đoàn sơ khai** để sau này, với nội lực khởi động đó, trở thành một trong Tam bảo. Ngài đã bắt đầu như thế nào để kết nạp, huấn luyện và chuyển giao công tác hoàng dương Chánh pháp cho các đệ tử của mình? Ngài đã xây dựng cấu trúc, đặt ra nguyên tắc vận hành, và giải quyết các vấn đề tồn sinh của tổ chức Tăng đoàn như thế nào? Và Ngài đã vạch chiến lược phát triển cũng như giải quyết các khủng hoảng nội bộ như thế nào?...

Những câu hỏi có tính sử học và khoa học quản lý đó đã được Đức Phật đối diện và giải quyết không phải bằng phép thần thông mà bằng tri giác đời thường dưới ánh sáng của tuệ giác Phật giáo. Một số kinh tạng Pàli (*Trường A Hàm, Trung A Hàm, Tăng Nhất A Hàm và Tạp A Hàm*) cùng những phát hiện sử học, khảo cổ học hiện đại đã hé lộ một số chi tiết, tuy mong manh và vẫn còn sơ phác, nhưng cũng đủ cho các nhà sử Phật học tái dựng lại được vài khía cạnh về vóc dáng và hành xử của một Đức Phật lịch sử trong một khung cảnh xã hội Ấn Độ hiện thực cách đây hơn 25 thế kỷ. Thật vậy, bốn bộ kinh đó là các tài liệu cổ nhất có ghi lại cuộc đời của Đức Phật và hoạt

động của Tăng đoàn, đánh dấu bước đầu hình thành Kinh tạng và Luật tạng.

Bài viết này xin nhằm giới thiệu một tò mò xã hội học rất nhỏ về một hiện tượng xảy ra trong buổi bình minh của Phật giáo: **Thành phần xã hội nào đã chấp nhận Đức Phật và giáo pháp của Ngài để gia nhập Tăng đoàn trong buổi đầu sơ khai?**

Chúng ta đều biết rằng lúc bấy giờ xã hội Ấn Độ được thiết lập theo cấu trúc kim tự tháp, gồm 5 tầng chồng chất lên nhau nhưng nương dựa hữu cơ vào nhau. Đó là một tập hợp những thành phần phức tạp về bản chất và đa dạng về khả năng tiếp nhận giáo pháp của Ngài:

1- Trên hết là giai cấp **tăng lữ** mà chủ yếu là giáo sĩ Bà la môn (*Brahmin*) giữ độc quyền thống trị tư tưởng và tế tự, với một trình độ học thuật cao, dễ thâm thấu các phạm trù trừu tượng (như Vô ngã, Vô thường, lý Nhân duyên), nhưng lại cao ngạo trong vai trò lãnh đạo tinh thần quốc gia, nhiều sở tri chương và muốn duy trì đặc quyền đặc lợi của hệ thống giai cấp hiện hành.

2- Tiếp theo là giai cấp **hoàng tộc và tướng lĩnh** (Sát đế ly, *Khattiyas*). Họ là thành phần lãnh đạo chính trị, quốc phòng và kinh tế của xã hội, nắm vững quyền sở hữu các nguồn lợi vật chất quốc gia, đề cao giá trị vật dục và triển khai khuynh hướng hưởng thụ trong đời sống thế tục (thân phụ Đức Phật, vua Tịnh Phạn, là một mẫu hình tiêu biểu).

3- Rồi đến giai cấp **kinh doanh và ngân hàng** (Phệ xá, *Vessas*), chủ nhân các phương tiện tích tụ và phân phối các sinh hoạt trồng trọt ngũ cốc, nông nghiệp, vải vóc và

thương mãi, tạo vốn tư bản để trao đổi nô lệ và hàng hóa. Họ vừa là cái miệng háu ăn rất lớn vừa là cái bụng phì nộn rất to của xã hội, nhưng trái tim thì khô héo và bộ óc thì cần cỗi.

4- Sau đó là giai cấp **nô lệ** (Thù đà la, *Suddas*), tin chắc rằng mình sinh ra từ gót chân của Phạm Thiên, nên thù phận làm tôi đòi cho các giai cấp trên. Là bấp thịt, là nguồn năng lượng cơ bắp của xã hội, họ thiếu học, nghèo khổ và an phận nhưng đôn hậu, hiền lành và nhiều tình cảm, họ là mảnh đất màu mỡ cho các hình thức mê tín thần quyền phát triển.

5- Và cuối cùng là một tập hợp đông đảo nhất của một lớp người **bần tiện** (Pa-ri-a, *Pariahs*), không được có giai cấp (casteless) sống bần cùng ngoài lề xã hội, bị các giai cấp ở trên xem như **thịt**, không ai muốn liên hệ với (untouchable).

Với 5 loại "đối tượng" như thế, và với một nội dung giáo pháp độc đáo, tân kỳ, phức tạp, cách mạng triệt để, vừa trừu tượng vừa thực tiễn, vừa thần bí vừa khoa học... nhưng tất cả lại đan bện với nhau thành một tổng thể chặt chẽ và nhất quán như các cặp phạm trù Tứ diệu đế/Bát Chánh đạo, Luân hồi/Tái sinh, Duyên sinh/Vô ngã, Niết bàn/Vô thường... làm sao Đức Phật tiếp cận, giảng dạy, thậm chí còn phải tranh luận để thuyết phục những đối tượng có tư duy tri thức và tập quán tâm lý **hoàn toàn khác nhau** này?

Có lẽ, với thực tế xã hội lúc bấy giờ tại Ấn Độ, *bình đẳng trong một xã hội bất bình đẳng* là mệnh lệnh của thời đại, và gia nhập Tăng đoàn để **thủ tiêu mọi cách biệt giai cấp** là tiếng gọi quyền rũ nhất, là một trong những động cơ (cá nhân)

nóng bỏng nhất. Giáo pháp của Đức Phật, vốn định vị con người không phải trên giai cấp nhưng trên luật Nhân quả và Nghiệp báo do mình quyết định và tự mình tạo ra, đã san bằng mọi hố sâu thẳm quyền và chính trị, mọi cách biệt kinh tế và xã hội, mở cơ hội cho mọi người đều bằng nhau: Những vị Phật sẽ thành! “*Như các con sông ~~đ~~ hết tên gọi riêng biệt khi cùng đổ ra biển lớn*” (Trung A Hàm, 8.19).



Với tiền đề lý luận dựa trên đặc tính bình đẳng đó của giáo pháp, ta có quyền nghĩ rằng có lẽ hai giai cấp ti tiện của đày tày xã hội là Thủ-đà-la và Pa-ri-a sẽ gia nhập Tăng đoàn đồng đẳng nhất, nhiệt tình nhất. Nhưng thật sự có phải như thế không? Cho đến nay, tuy không có một tài liệu nào cho biết gần đích xác có bao nhiêu người đã theo Đức Phật trong giai đoạn sơ khai đó, (dù trong một số kinh có kể những "giai thoại" có lúc có cả ngàn người xin làm đệ tử của Ngài), nhưng ít nhất Kinh tạng Pali cũng đã cung cấp cho chúng ta danh sách của **457 con người lịch sử** có thật, với tên tuổi nghề nghiệp, và sống đồng thời với Đức Phật, công khai chấp nhận

Kỷ yếu Hội Luận 2011 - Đuốc Tuệ

giáo pháp của Ngài, tôn xưng Ngài là bốn sư, và một số làm lễ "đăng ký" gia nhập Tăng đoàn sống đời tu tập.

Danh sách này gồm 291 Tỷ kheo, 61 Tỷ kheo ni, 74 cận sự nam và 31 cận sự nữ. Tuy nhiên, trong số 457 vị vừa xuất gia vừa tại gia này, có một số vị không có thông tin về nguồn gốc và giai cấp xã hội rõ ràng nên cuối cùng ta chỉ còn 306 vị để làm mẫu khảo sát (sample). Riêng cho bài này, xin chỉ quan tâm đến những vị đã xuống tóc thể phát gia nhập Tăng đoàn, gồm **238 vị** và được phân bố như sau:

Giai cấp	Tỳ kheo		Tỳ kheo ni	
	Số lượng	(%)	Số lượng	(%)
Bà la môn (Brahmin)	96	48,2	15	38,4
Hoàng tộc (Khattiyas)	57	28,6	13	33,2
Kinh doanh (Vessas)	27	13,5	10	25,8
Bần tiện (Pariahs)	13	6,6	1	2,6
Nô lệ (Suddas)	6	3,1	0	0
Tổng cộng	199	100,0	39	100,0

Nguồn: Hans W. Schumann, *Der Historische Buddha*, Diederichs, München, 2004

Nếu ta chấp nhận mẫu khảo sát 238 vị trong Tăng đoàn ở trên là có tính tiêu biểu, có thể tổng quát hóa, thì qua kết quả phân bố này, ta rút ra được những bài học gì cho hoạt động hoằng pháp hôm nay của Phật giáo Việt Nam? Lẽ dĩ nhiên, Việt Nam không phải là Ấn Độ, năm 2010 không phải là năm 480 trước Tây lịch, và nhất là các Giáo hội PGVN trong và ngoài nước không phải là Tăng già thời Đức Phật. Tuy nhiên, đặc thù cho

trường hợp Phật giáo, có vài *hàng số xã hội học* có vẻ như vẫn bất biến, và còn có giá trị cho ngày hôm nay:

■ Trước hết, như trong mọi xã hội và môi trường văn hóa mà người đàn bà chưa được giải phóng như xã hội Ấn Độ cách đây hơn 25 thế kỷ, thì nam giới bao giờ cũng nặng độn hơn, chủ động hơn và dẫn thân hơn nữ giới trong hầu hết mọi hình thái sinh hoạt của con người. Cho nên, số Tỷ kheo gia nhập Tăng đoàn đông hơn Tỷ kheo ni là chuyện dĩ nhiên. Tuy nhiên, nếu ta biết rằng chính Đức Phật, dù biết rõ 5 khuyết điểm và 5 ưu điểm của nữ giới (*Tăng Chi bộ kinh* 4, Tương ưng Nữ nhân) vẫn đã khất khe như thế nào trong việc chấp thuận Ni giới như một thành tố của Tăng đoàn (với *Bát kính pháp* và giữ 98 giới nhiều hơn chư Tăng) thì tỷ số 20% (39/199) giữa Tỷ kheo ni và Tỷ kheo quả thật là **một biểu hiện cách mạng triệt để và một khẳng định về sự hiện diện của nữ giới trong công cuộc hoằng dương Chánh pháp**. Nó vừa nói lên tính khai phóng và bình đẳng của tổ chức Tăng đoàn dưới thời Đức Phật, vừa ghi nhận lòng quyết tâm của phái nữ lúc bấy giờ trong nỗ lực làm một cuộc cách mạng tự thân trong quá trình tìm cầu giải thoát.



Maha Pajapati Gotami requesting for permission from the Buddha to establish the Order of Nuns (Bhikkhuni Sasana)

Bà Maha Bàxàbàđề xin phép Đức Phật để thành lập Ni đoàn

Hiện nay, số lượng Ni chúng trong nước chiếm 52% tổng số Tăng Ni (ngoài nước không có số liệu thống kê này), và phản ánh gần đúng với phân bố giới tính của dân số Việt Nam. Đó là điều rất cân xứng, tốt hơn cả thời Đức Phật về mặt... lượng. Nhưng có vẻ như vị trí và chức năng của Ni giới Việt Nam trong Hiến chương Giáo hội, trên các cơ cấu lãnh đạo cũng như ngoài thực tế hành hoạt, **hầu như chỉ đóng một vai trò ngoại biên rất khiêm nhường, không có cơ hội để phát huy tiềm lực của mình trong chiến lược hoàng pháp.** Bàng bạc trong tư duy cũng như trong hiện thực xã hội, ngay cả khi ra đến nước ngoài, đầu óc "trọng nam khinh nữ" của truyền thống Tống Nho thủ cựu và của giới luật khắt khe, hình như còn tệ hơn thời kế mẫu Maha Baxàbadề 25 thế kỷ trước. Các Giáo hội cần thể hiện tính khai phóng và bình đẳng trong tổ chức Tăng đoàn như dưới thời Đức Phật, để **nhân đôi** sức mạnh phát triển của Giáo hội, và để làm mẫu mực và sức bật cho xã hội nương theo. Nếu Phật giáo, đạo của bình đẳng, cách mạng và nhân quyền, không bắt đầu thì ai bắt đầu đây?

■ Tiếp theo, và rất rõ ràng, là giai cấp Bà la môn đã đón nhận Phật pháp đông nhất (chiếm hơn 1/3 cho đến gần 1/2), dù lúc theo Tăng đoàn làm người du mục (wanderer) với chỉ 3 tấm y và 1 bình bát, họ đã phải rũ bỏ hết mọi đặc quyền đặc lợi của giai cấp cũ. Lý do chính giải thích sự gia nhập đông đảo này là vì giai cấp Bà la môn được đào tạo trong, và sau đó sống với, môi trường tâm linh và trí thức, tư duy logic cao và có tính hệ thống mạnh, vốn là những đặc điểm nổi bật (và quyền rũ) của hệ tư tưởng Phật giáo khi tiếp cận từ góc độ trí thức thuần lý (rationalism). Cho nên khi nghe đi giảng của một vị Đạo sư như Đức Phật, về những chân lý như giáo pháp của Ngài, những chân lý bề gãy dễ dàng mọi đề kháng tri thức trong óc họ, thì họ không thể có phản ứng gì hơn là quy hàng và kính phục. Rồi tự nguyện làm đệ tử của Ngài. Họ là **những nhà trí**

thức đã gặp một đạo lấy trí tuệ làm sự nghiệp nên dễ bị chinh phục, mà chinh phục một cách triệt để và toàn diện, là dĩ nhiên vậy!

Đầu thiên niên thứ nhì, Phật giáo lại càng được công nhận là một hệ thống tư duy cực kỳ khoa học và thuần lý, nhưng lại rất hiện thực và nhân bản, vừa kích thích thái độ tra vấn nơi tầng lớp trí thức và nghệ sĩ, vừa mời gọi họ gia nhập một cuộc hành trình vừa có Chân, vừa có Thiện, vừa có Mỹ. Nếu ta **lau sạch được bụi mê tín, quét đi được rác thủ cựu, và làm hiển lộ rồi đưa được những đặc tính này đến với giai tầng "Bà la môn" hiện đại** thì chắc đạo Phật Việt Nam sẽ khởi sắc hơn nhiều. "Bà la môn" Âu Mỹ đã tra vấn và đang lũ lượt rủ nhau đăng trình về hướng giải thoát cũng chỉ vì thế.

■ Điều đáng nói thứ ba, ngược với thói nghĩ thông thường, là hai giai cấp hoàng tộc và doanh nhân lại theo Phật đông hơn (khoảng 1/3) hai giai cấp nô lệ bần cùng. Lý do gì đã khiến những con người uy quyền sống trên nhưng ulla, chạy theo những hưởng thụ vật dục... lại chấp nhận một cái đạo nói về khổ, về niết bàn, về vô thường, về xả bỏ. Các bộ kinh Nguyên thủy cho ta biết Đức Phật là nhà hùng biện tuyệt vời trong việc chọn đề tài (và các ẩn dụ) tùy theo căn cơ của thính chúng. Với hai giai cấp hoàng tộc và doanh nhân này, Ngài đã vận dụng tính tạm bợ và bất toàn của mọi "sự" và "vật" (vật lý và tâm lý) mà bản thân giai cấp họ đã trực tiếp thể nghiệm thông qua chính cuộc sống uy quyền nhưng bất trắc, nhưng lựa nhưng bất an, để mở cho họ một phương pháp luận mới về nhận thức (Bát chánh đạo), chỉ cho họ một con đường mới (Trung đạo). Chức quyền thế tục và của cải vật chất, vốn là những thuộc tính xác định tính giai cấp của họ, và tưởng là những chướng duyên cản trở, thì **bằng cách tiếp cận khéo léo của Đức Phật, bỗng trở thành tăng thượng duyên cho họ**

mau ỉnh ngộ, quyết định từ bỏ tất cả để gia nhập Tăng đoàn hoặc trở thành những A Dục vương hộ đạo.

Ngày nay, đọc lại *Việt Nam Phật giáo sử lược* của thầy Mật Thể, ta thấy thời nào mà cao tăng và quân vương vì lợi ích dân tộc thật sự và chân tình đồng hành với nhau thì thời đó nước ta giàu dân ta mạnh, đạo pháp chan hòa, tổ quốc cường thịnh. Giai cấp Sát đế ly Việt Nam hiện nay, từ trung ương đến địa phương, đang trong quá trình hóa thân về nhận thức, nhất là nhận thức về vai trò của tôn giáo trong đời sống quốc gia, cũng như **nhận thức về ý nghĩa đời sống trước những khủng hoảng chung và thảm kịch riêng mà họ thể nghiệm.** Phật giáo Việt Nam cần tiếp cận "giai cấp" này bằng cách khởi đi, như nhà hùng biện Cồ Đàm ngày xưa, từ chính những thể nghiệm của giai cấp Sát đế ly Việt Nam này để thuyết phục họ trở thành những Lý Phật tử thời hiện đại. Nhưng ở về bên kia, liệu Phật giáo Việt Nam, như một tổng thể hay như những cá nhân Tăng Ni, đã đủ tư cách "cao tăng" để được giai cấp Sát đế ly Việt Nam hôm nay, trong bộ máy Nhà nước cũng như ngoài môi trường xã hội, xem là bạn đồng hành chưa?

■ Và cuối cùng, con số quá khiêm nhường (chỉ 10% Tỳ kheo và 2,6% Tỳ kheo ni) của hai giai cấp nô lệ bản cùng trong xã hội, hai giai cấp có lẽ chiếm tuyệt đại đa số toàn dân số Ấn Độ lúc bấy giờ, đã nói lên sự thất bại của bước đầu xây dựng Tăng đoàn khi không thu phục được thành phần đông đảo nhất và xứng đáng nhất của xã hội Ấn Độ lúc bấy giờ. Thật vậy, đó là thành phần sinh ra là khổ, tiếp tục sống là khổ, và trước lúc chết cũng là khổ. Khổ tinh thần triền miên và khổ vật chất mãi mãi. Mà đối với tuyệt đại đa số chúng sinh, "khổ" là gì nếu không phải vừa là nguyên ủy hình thành vừa là lý do tồn tại của Phật giáo! Tứ diệu đế há chẳng phải là bài giảng đầu tiên để Phật chuyển pháp luân sao? Thế thì tại sao hai thành phần

đau khổ Pariahs và Suddhas đó lại gia nhập Tăng đoàn ít ỏi như thế? Hans W. Schumann (trong *Der Historische Buddha* - Đức Phật lịch sử) lý giải hiện tượng này bằng 3 lý do: (1) Họ không có khả năng tri thức để tiếp thu được các khái niệm trừu tượng và/hoặc cần lý trí nên họ đã từ khước lời dạy của Đức Phật. (2) Họ bị từ chối không được gia nhập Tăng đoàn vì đa số mang các chứng bệnh truyền nhiễm chết người, và (3) Họ vào rồi ra khỏi Tăng đoàn liền vì giáo pháp của Đức Phật không giải quyết được ngay tức khắc cái khổ vật chất của họ (lão, bệnh và tử - Tuổi thọ trung bình thời đó ở Ấn Độ là ... 27 tuổi). Nhìn lại nước ta, trong hơn 350 năm qua, một tôn giáo ngoại nhập, xa lạ với truyền thống tâm linh và văn hóa cha ông, nhưng đã phát triển được trên mảnh đất tâm linh của dân tộc và dạy cho ta một bài học chua xót: "*Theo đạo có gạo mà ăn*"! Bài học đó, có thể chính Đức Phật cũng đã từng không thấy trong thời sơ khai thiết lập Tăng đoàn nên một mảng lớn dân chúng Ấn Độ thuộc hai giai cấp Suddhas và Pariahs khôn cùng đã khước từ giáo pháp của Ngài hoặc bị xua đuổi khỏi Tăng đoàn. Điều đó có nghĩa là trong kích thước hoàng pháp hôm nay, trước lúc nói với dân chúng nghèo khổ và ít học về các phạm trù trừu tượng của giáo pháp, xin hãy **cụ thể giúp họ có cơm ăn áo mặc, có thuốc uống nhà ở**. Mà đó chẳng phải là một trong Lục độ Ba la mật của Phật giáo hay sao? Các công tác ưu trợ từ thiện, các Tuệ Tĩnh đư ờng, các lớp học tình thương, các mái nhà tình nghĩa... thường bị "rẻ rúng" giao cho Ni chúng phụ trách trong khi, với trường hợp Việt Nam và trong giai đoạn này, đáng lẽ phải là một đại công tác của mỗi Phật tử, của từng Giáo hội.

* * *

Lịch sử hình thành và phát triển của Tăng đoàn, từ gốc đầu tiên ở Ấn Độ cách đây hơn gần 2.600 năm, hay của Việt Nam

cách đây khoảng hai mươi thế kỷ, chắc còn để lại nhiều bài học quý giá có thể áp dụng vào công cuộc hoằng dương Chánh pháp. Trong lúc say mê với tốc độ phát triển của thời đại hôm nay, nhiều lúc chúng ta bị lôi cuốn vào những cuộc phiêu lưu không tưởng, thậm chí còn tác hại vào ngôi nhà Phật giáo Việt Nam. Ngược lại, cũng nhiều lúc chúng ta tự mãn với thành quả nặng tính hình thức, rồi ngủ yên trên thành quả đó mà không nỗ lực nhịp bước song hành với thời đại.

Cả hai thái độ đều sẽ gặp nhiều cạm bẫy bất trắc. Tồi ưu vẫn là vận dụng bài học quá khứ và đãi lọc thành tựu của thời đại để phối hợp tìm cho mình một hướng đi đúng chánh đạo, một cung cách hoằng truyền đúng Chánh pháp. Như đi dẫn trầm thống và ước mơ thiết tha của một vị Thầy của chúng ta, Hòa thượng Thích Thiện Hoa (trong *Lịch sử Phật giáo Ấn Độ*) cách đây chưa lâu:

Khao khát cái tuyệt đối, khinh thường cái tương đối; mong cầu cái vĩnh viễn trường tồn, ruồng bỏ cái biến chuyển vô thường, người Việt Nam nói riêng và người Á châu nói chung đã được huấn tập mấy ngàn năm trong một thái độ tư tưởng như trên, nên đã xem thường lịch sử, là một môn học theo sát sự biến chuyển vô thường của sự thế, mà mục đích là mong ghi chép một cách trung thành những gì đã mất hút trong bóng tối của thời gian.

Quan niệm khinh thường lịch sử ấy đã đem lại cho chúng ta nhiều điều tai hại không nhỏ. Chúng ta đã bỏ mất bao nhiêu bài học quý giá mà ông cha chúng ta mua với một giá rất đắt; chúng ta đã mất rất nhiều liên lạc với quá khứ, tắt mất đường thông cảm với người xưa, và đang lạc loài trong hiện tại vì không biết nên bỏ con đường nào và nên theo con đường nào.

Người ta thường nói rất đúng: một dân tộc không quá khứ, thì cũng khó mà có tương lai.

Riêng trong phạm vi Phật giáo chúng ta, tìm về cho đúng nguồn gốc, thử vạch lại con đường đi truyền giáo của ông cha, xây dựng lại mô hình của một thời đại huy hoàng của Phật giáo, đó là những công việc vô cùng khó khăn, nhọc mệt.

Nhưng mặc dù mệt nhọc, khó khăn, không lẽ thấy vết xe đổ của người xưa mà nay chúng ta không tránh, cứ nhắm mắt đi càn? Người xưa đã xem thường lịch sử, ngày nay trái lại, chúng ta phải dành cho nó một địa vị quan trọng. Có thấy rõ được nguồn gốc, sự phát triển, những thời đại thịnh suy của một tôn giáo, chúng ta mới hiểu rõ được giá trị chân thật của tôn giáo ấy. Nhất là nếu chúng ta là những người có nhiệm vụ truyền bá giáo lý của Phật Đà, thì hơn ai cả, chúng ta phải học lịch sử đạo Phật để tìm hiểu lẽ thịnh suy, nguyên nhân những thành bại của công cuộc hoằng dương Chánh pháp trên khắp năm châu, hầu bắt chước những điều hay có lợi cho đạo, bỏ những điều dở, có hại cho đạo, để Phật pháp được hoằng truyền mãi mãi với thời gian.

Trí Tánh Đỗ Hữu Tài

Kỷ yếu Hội Luận 2011 - Đuốc Tuệ

Phần Bốn

Lời thưa Tổng kết và Hình ảnh



Kỷ yếu Hội Luận 2011 - Đức Tuệ

LỜI THƯA CỦA HỘI PHẬT HỌC ĐUỐC TUỆ

Mật Nghiêm Đăng Nguyên Phả

I –NHẬN ĐỊNH.

Thế kỷ 20 qua đi, đã cống hiến cho nhân loại những tiến bộ về khoa học kỹ thuật và khoa học nhân văn trên nhiều lãnh vực của cuộc sống. Tuy nhiên nó cũng mang lại cho loài người một gánh nặng là nền văn minh vật chất chạy theo lợi nhuận, mất quân bình về mặt tinh thần. Do đó đã dẫn đến cuộc khủng hoảng niềm tin sâu rộng nơi các tôn giáo trên thế giới.

Khoa học càng tiến bộ thì vũ trụ quan và nhân sinh quan càng thay đổi và niềm tin về Quyền Năng Sáng Tạo của một số tôn giáo độc thần đã bị lung lay hoặc bị phủ nhận. Vì vậy, trong buổi bình minh của thế kỷ 21 các tôn giáo đang đứng trước nguy cơ suy thoái, dù rằng đã trải qua quá trình xây dựng hàng vài ngàn năm. Đây là một sự thật mà phần lớn những tín đồ hiểu biết của các tôn giáo đều phải công nhận và đang đi tìm giải pháp để cứu vãn tình thế. Mỗi tôn giáo đều có phương cách riêng của mình để tiếp tục tồn tại hầu phụng sự nhân sinh!

Chúng tôi, một số những Phật Tử, đã nhìn thấy những đổi thay trên thế giới, những thăng trầm của quê mẹ, những bức xúc của xã hội, những vinh nhục của bản thân, những đắng cay của cuộc sống, nên thường hằng thao thức, ước mong đóng góp phần mình trong việc dựng xây một đời sống an bình và hạnh phúc thực sự cho bản thân cũng như cho tha nhân. Chúng tôi

đã cùng nhau tập hợp lập nên **Hội Phật học Đuốc Tuệ** với chủ trương, đường lối gồm 5 điểm chính:

II – TÔN CHỈ

1- Tập hợp các Phật tử, cùng những người muốn tìm hiểu Phật pháp, để cùng nhau tu học, tương trợ và phổ biến Đạo Lý Tinh Thức

2- Duy trì các giá trị truyền thống của đạo Phật, phát huy và triển khai Phật pháp hợp với thời đại khoa học và lý trí, không mê tín, cực đoan.

3- Thuần túy tu học, hướng về chân lý giác ngộ giải thoát hầu đem lại hạnh phúc thực sự và niềm an vui tinh thần cho tất cả mọi người .

4- Đối với các tôn giáo và các trào lưu triết học khác, mở lòng chân thành trao đổi tri thức, kinh nghiệm và đối thoại xây dựng, để tạo nên sự cảm thông và hiểu biết lẫn nhau, nhằm đem đạo vào đời, mở rộng mối giao hữu đến các hội Phật học Việt Nam cũng như Phật học ngoại quốc.

5- Trong tinh thần tự nguyện bất vụ lợi, sẵn sàng tích cực tham gia các hoạt động nhân đạo, phụng sự nhân sinh, cứu trợ xã hội. Hội nhập vào nền văn hóa bản xứ, nhưng vẫn bảo tồn tinh hoa văn hóa dân tộc, nhắm vào thế hệ trẻ. Hướng đến tương lai, chuyển hóa con người tiến đến Chân Thiện Mỹ.

III – ĐƯỜNG ĐI và MỤC ĐÍCH

Thế giới đang ganh đua phát triển để nâng cao đời sống vật chất, tiến tới toàn cầu hóa về kinh tế, đồng thời đang nỗ lực hình thành một trật tự chính trị và xã hội mới.

Nhìn vào thực trạng thì con người thời nay đang được hưởng những tiện nghi vật chất cao, nhờ vào khoa học. Thế nhưng con người vẫn bất an và niềm hạnh phúc thật sự vẫn chưa đạt

được. Vấn đề đem lại hạnh phúc chân thật là chức năng của tôn giáo.

Ngày nay khoa học và tôn giáo dường như chưa đồng ý hướng dù cả hai cùng nhằm mục đích phụng sự nhân sinh, mà khoa học đang ở thể thượng phong.

Phật giáo từ hơn 2500 năm nay vẫn an nhiên phụng sự nhân loại. Phật giáo chủ trương hòa bình bất bạo động. Phật giáo chỉ ra con đường sống thực và đem lại hạnh phúc thực sự cho con người. Phật giáo lại đưa ra những nhận thức rất khoa học. Vì vậy, ngày nay người Âu Mỹ, ngày càng đến nhiều với đạo Phật và đạo Phật đang đáp ứng đúng nhu cầu tinh thần của thời đại mới. Đạo Phật đang mang lại một nền khoa học tâm linh bổ túc cho nền khoa học thực nghiệm, để cùng phụng sự thế giới.

Xu hướng chung của thế giới hôm nay là khoa học và tôn giáo phải hòa hợp để tạo niềm tin và hạnh phúc thực sự cho nhân loại. Chúng tôi thành lập hội Phật học Đuốc Tuệ để đem đạo vào đời, để sống đạo, để đóng góp một ngọn nến tinh thức cho ngôi nhà hòa bình và hạnh phúc của nhân loại vào thời đại mới.

Đời sống cùng hoàn cảnh của cộng đồng người Việt tại hải ngoại là vừa hội nhập và phát triển trong một xã hội mới, với nền văn hóa mới, mà không mất đi bản sắc dân tộc. Trên cương vị của người Phật tử sống Đạo nơi đời, chúng tôi chọn con đường **“VÌ ĐỜI PHỤNG SỰ VÌ ĐẠO DẪN THÂN”**.

Trước những chuyển biến mau lẹ của thời đại và trong môi trường sống đầy thách thức và cạm bẫy về cả hai mặt văn hóa và chính trị, chúng tôi đề ra năm Quy tắc ứng xử để có thể hoàn thành được các tôn chỉ và mục đích vạch ra, đó là:

- Thứ nhất: Không làm mất lòng tin của đại chúng.
- Thứ hai: Không phê phán các trào lưu, khuynh hướng hay tông phái Phật giáo khác.

- Thứ ba: Không làm chính trị vì Đạo Giải Thoát vượt trên mọi ý thức hệ.
- Thứ tư: Không làm thương mại vì không mượn Đạo tạo đời
- Thứ năm: Không thuộc về và không chịu ảnh hưởng của bất cứ định chế hoặc tổ chức Phật giáo nào ở trong hay ngoài nước.

Chúng tôi rất quý trọng và nương tựa vào Tam Bảo trong tinh thần tự tu và đồng học, không xa rời quan điểm **Phật là Giác, Pháp là Chánh, Tăng là Tịnh**, với nỗ lực **Văn – Tư – Tu** và **Giới - Định – Tuệ**.

IV –KẾT LUẬN

Chân lý thì lúc nào cũng đúng, vượt cả thời gian, không gian, Quốc độ và Thời Đại! Hơn thế nữa, nếu chân lý ấy được truyền đạt trên cơ sở của Từ Bi và Trí Tuệ, để giúp các chúng sinh trong mọi hoàn cảnh, có thể vận dụng để làm thăng hoa cuộc sống thì đó chính là Đạo Tinh Thức hay Đạo Phật.

Chúng ta, những người Việt Nam xa quê trong hoàn cảnh hiện tại, khi mà những di sản tinh thần và truyền thống văn hóa đang bị chao đảo và hư hao vì những tác động của đời sống vật chất hưởng thụ thì Đạo Phật là một tư lương quý giá, một hành trang cần thiết để vượt những khó khăn với Tâm bình an trong dòng sống mới.

Dù muốn hay không thì mọi người Việt hải ngoại đều cùng “*Đồng hội, đồng thuyền*”. Trên tinh thần tương quan, tương liên đó, Hội Phật Học Đuốc Tuệ mong được phục vụ Quý Đồng Hương, dắt dìu nhau tiến đến tương lai, trong vai trò trung gian, thỉnh quý thầy truyền pháp để cùng tu học, hầu chuyển hóa phiền não và làm chủ được mình trong thế giới cường si và mộng tưởng này.

Kỷ yếu Hội Luận 2011 - Đuốc Tuệ

Với tinh thần “*Tự giác, Giác tha, Giác hạnh viên mãn*” tức là tự mình tỉnh thức, giúp người thức tỉnh, cùng sống trong giác ngộ tròn đầy, theo đúng những lời Đức Phật đã dạy: “*lại đây, hỡi các người rất thân yêu của ta, hãy lấy giáo pháp của ta làm đuốc soi đường, hãy tự thắp đuốc lên mà đi, đừng tìm cầu sự giải thoát ở một kẻ nào khác ngoài các con, đừng tìm cầu sự giải thoát ở một nơi nào khác ngoài chính con. Mọi sự trên đời không có gì quý giá, thân người theo luật vô thường rồi sẽ tan rã. Chỉ có chân lý của đạo Tỉnh Thức là bất di, bất dịch. Hãy tinh tấn để tự giải thoát, hỡi các người rất thân yêu của ta . . .*”

Đó là con đường ĐUỐC TUỆ, con đường thắp sáng tâm linh từ một đuốc Phật châm lửa cho hàng ngàn vạn, đến hàng tỷ đuốc khác để cho thế gian chong đèn sáng mãi, đón một bình minh cho nhân loại ngày mai, khi chúng sinh là Phật sẽ thành làm tròn hạnh nguyện.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

California ngày 28 tháng 11 năm 2011

Mật Nghiêm Đặng Nguyên Phả



Pháp Hội

*Ở đây sen đang nở
Mặc gió đời đong đưa
Hành giả Tâm rộng mở
Không uống kiếp sống thừa.*

*Biển Tâm hoa nở đẹp
Gương giải thoát tràn đầy
Đời không còn ngõ hẹp
Thênh thang cảnh trời mây.*

*Muôn Pháp là phương tiện
Không gian Tâm vô biên
Ngã Pháp đều buông hết
Bi Trí sẽ hiện tiền*

*Xin Phật độ hôm nay ngày Hội lớn
Chuyển Tâm đời thành Tâm đạo thênh thang
Ngồi chung một con thuyền về một bến
Rời bờ mê sang bến giác huy hoàng.*

Nam mô A Di Đà Phật

Mật Nghiêm

**Hội Phật Học Đuốc Tuệ Hội Thảo
Về Hoàng Pháp Của Người Cư Sĩ:
Hoàng Pháp Là Đem Lại An Lạc Cho Mọi Người**
[Nguồn: http://vietbao.com/D_1-2_2-74_4-184585_15-2/]



Cư sĩ Mật Nghiênm Đặng Nguyên Phá, Hội trưởng Hội Phật học Đuốc Tuệ đọc diễn văn khai mạc hội thảo. (Photo VB)



Quang cảnh trong cuộc hội thảo tại Trung Tâm Sangha. (Photo VB)

HUNTINGTON BEACH (VB) -- Khoảng 200 chư tôn đức Tăng, Ni, nhân sĩ tri thức và đồng hương Phật tử tham dự buổi hội thảo với chủ đề *Sự Đóng Góp Của Người Cư Sĩ Trong Công Cuộc Hoằng Pháp Tại Hải Ngoại* được tổ chức tại Trung Tâm Sangha, Thành Phố Huntington Beach, California, Hoa Kỳ, vào chiều Chủ Nhật, ngày 11 tháng 12 năm 2011.

Quang lâm tham dự gồm có Đại Đức Thích Minh Tuệ, Sư Cô Thích Nữ Nguyên Thâm, *Hội Cư Sĩ Phật Giáo Orange County, Tổng Hội Cư Sĩ Phật Giáo Việt Nam Tại Hoa Kỳ*, Nhóm Thần Sinh *Sợi Nắng*, Nhóm Thần Sinh *Xóm Dừa*, Nhóm *Mắt Thương Nhìn Đời*, *Hội Phật Tử Lạc Pháp*, *Hội Phật Học Đuốc Tuệ*, v.v

Chủ tọa cuộc hội thảo là Cư Sĩ Mật Nghiêm Đặng Nguyên Phả, Hội Trưởng Hội Phật Học Đuốc Tuệ. Điều hợp hội thảo gồm các vị Cư Sĩ Tâm Cát, Cư Sĩ Minh Trí, và Cư Sĩ Minh Đức. Các thuyết trình viên gồm có các Cư Sĩ Tâm Diệu Nguyễn Xuân Quang, Nguyễn Lượng Nguyễn Phước Trí, Joe Đỗ Vinh, Tâm Quang Vĩnh Hảo, và Chân Văn Đỗ Quý Toàn.

Mở đầu chương trình hội thảo là phần trang nghiêm niệm danh hiệu đức Bổn Sư ba lần để cầu chư Phật gia bị cho cuộc hội thảo được thành tựu viên mãn. Sau khi niệm Phật, hội trường trở nên yên tĩnh và cử tọa lắng tâm để theo dõi các phần thuyết trình của các diễn giả.

Cư Sĩ Mật Nghiêm Đặng Nguyên Phả, trong lời khai mạc, đã bày tỏ niềm hoan hỷ được đón tiếp chư vị thiện hữu tri thức đã đến tham dự đông đủ. Cư Sĩ Mật Nghiêm nói rằng chúng ta thường nghe nói Tứ chúng đồng tu, tức là bốn chúng đệ tử Phật, gồm 2 chúng xuất gia Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni và 2 chúng tại gia nam và nữ cư sĩ cùng tu tập. Cư sĩ Mật Nghiêm nhấn

mạnh rằng tu là học, hành và hoằng pháp. Tăng, Ni thì tuyên Pháp, còn cư sĩ thì đem đạo vào đời, cũng tức là hoằng pháp. Cư sĩ Mật Nghiêm đặt vấn đề rằng hội thảo để chúng ta cùng nhau thảo luận cách làm sao người cư sĩ sống trong thế giới vật chất cám dỗ mà vẫn giữ được bản sắc của người Phật tử và của dân tộc. Riêng đối với giới trẻ thì làm sao để giữ con em mình không đánh mất nguồn gốc dân tộc và đạo pháp. Cư sĩ Mật Nghiêm cũng nghiêm túc nêu ra thao thức rằng chúng ta hiện giờ tu hành thế nào, đã tu chưa. Nhân đây, Cư sĩ Mật Nghiêm cũng kêu gọi chư vị thức giả đóng góp bài vở để hoàn thành cuốn Kỷ Yếu từ nay đến cuối năm.

Trước khi bắt đầu phần thuyết trình, Cư Sĩ Tâm Cát đã trình bày sơ lược một vài nội quy của hội thảo để giúp cho cuộc hội thảo đạt được thành quả tốt nhất.

Diễn giả đầu tiên là Cư Sĩ Tâm Diệu Nguyễn Xuân Quang, chủ biên trang mạng Phật Giáo Thư Viện Hoa Sen - www.thuvienhoasen.org -- với đề tài *Vận Dụng Bài Học Lịch Sử Cận Đại Về Hoằng Pháp Của Các Cư Sĩ Tiền Bối*. Cư sĩ Tâm Diệu đưa ra 3 hình ảnh tiêu biểu của người cư sĩ trong giai đoạn chấn hưng Phật Giáo Việt Nam cận đại. Đó là 3 vị Cư Sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám, Cư Sĩ Chánh Trí Mai Thọ Truyền, và Cư Sĩ Đoàn Trung Còn. Theo Cư sĩ Tâm Diệu, Cư Sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám là người sáng lập Hội An Nam Phật Học tại Huế, Gia Đình Phật Hóa Phổ, và Báo Viên Âm, với 3 mục tiêu: Giáo dục tuổi trẻ bằng Phật Pháp, đào tạo Tăng tài, và hoằng pháp qua tuyên thông báo chí. Cũng theo Cư sĩ Tâm Diệu, Cư Sĩ Chánh Trí Mai Thọ Truyền là người sáng lập Hội Phật Học Nam Việt, xây dựng ngôi chùa lịch sử là Chùa Xá Lợi tại Sài Gòn, và Tạp Chí Từ Quang từ năm 1951 tới năm 1975. Cư sĩ Đoàn Trung Còn, theo Cư sĩ Tâm Diệu, là người sáng lập Phật Học Tùng Thư và Trí Thức Tùng Thư, biên soạn bộ Phật Học Từ Điển gồm 3 tập dày trên 2,400

trang, đồng sáng lập Tịnh Độ Tông Việt Nam, đến năm 1970 thì xuất gia với pháp danh Thích Hồng Tại. Cả ba vị cư sĩ trên đều là những cư sĩ đã cống hiến đời mình cho sự nghiệp hoằng pháp rất hiệu quả tại Việt Nam.

Diễn giả thứ 2 là Cư sĩ Nguyên Lượng Nguyễn Phước Trí, Hội Trưởng Hội Cư Sĩ Phật Giáo Orange County, với đề tài *Kinh Nghiệm Sinh Hoạt Hoằng Pháp Của Cư Sĩ Lúc Hợp Tác Với Các Tự Viện*. Cư sĩ Nguyên Lượng nói rằng đệ tử Phật có hai chúng: Xuất gia và tại gia. Chúng Xuất gia lo truyền giảng đạo pháp, và chúng tại gia lo gìn giữ chất liệu Phật Pháp cho trường tồn. Cư sĩ Nguyên Lượng kể về sinh hoạt của Hội Cư Sĩ Orange County trong 20 năm qua và công tác làm tài xế đưa đón các cụ già đến Chùa tụng kinh, nghe pháp vào mỗi tối Thứ Sáu hằng tuần. Cư sĩ nói rằng khi chờ các bác, các cụ đi chùa thì gặp rất nhiều trường hợp nghịch duyên, nhưng ông nghĩ rằng đây là công tác chờ một vị Phật tương lai nên cảm thấy việc làm có ý nghĩa và không phiền não. Cư sĩ Nguyên Lượng nhấn mạnh đến 4 điều kiện mà qua đó ông thực hành để làm công tác hoằng pháp: Nói để nghe và hiểu, nhìn thấy đối tượng là ai, thấy từng hoàn cảnh của mỗi đối tượng, và biết rõ mình đang ở đâu.

Diễn giả thứ 3 là Cư sĩ Joe Đỗ Vinh, Ủy Viên Kế Hoạch của Thành Phố Garden Grove và cũng là người ra tranh cử chức vụ Dân Biểu Tiểu Bang California trong mùa bầu cử sắp tới, đại diện cho Tổng Hội Cư Sĩ Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ, với đề tài được ghi trong chương trình của Ban Tổ Chức là *Kinh Nghiệm Hoằng Pháp Của Tổng Hội Cư Sĩ Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ*. Ông Đỗ Vinh khi thuyết trình đã không nói vào đề tài mà nói về vấn đề “dẫn than”, được ghi trên khẩu hiệu của Hội Phật Học Đuốc Tuệ là *Vì Đời Phụng Sự, Vì Đạo Dẫn Thân*. Theo ông Đỗ Vinh, đi học, làm việc đều là hình

thái của dân thân. Ông Đỗ Vinh nêu ý kiến là để hoằng pháp được thành tựu cho giới trẻ tại Hoa Kỳ thì phải dùng đến tiếng Anh, vì giới trẻ tại đây đa phần chỉ thông thạo Anh Ngữ.

Diễn giả thứ 4 là Cư Sĩ Tâm Quang Vĩnh Hảo, Chủ Biên Báo Chánh Pháp, với đề tài *Cư Sĩ và Việc Hoằng Pháp*. Mở đầu phần thuyết trình, Cư sĩ Tâm Quang đã trích lời Phật khuyến tấn cho 60 vị A La Hán đầu tiên đi hoằng pháp mà Cư Sĩ Tâm Quang cho đó là tuyên ngôn hoằng pháp trong đạo Phật. Lời Phật dạy trong Đại Phẩm của Luật Tạng rằng, *Này các Tỳ Kheo!... Hãy lên đường vì lợi lạc của nhiều người, vì hạnh phúc của số đông, vì lòng lân mẫn đối với thế gian, vì lợi lạc, vì hạnh phúc của trời và người* Cư sĩ Tâm Quang nhấn mạnh đến mục tiêu của hoằng pháp là đem lại hạnh phúc cho nhiều người chứ không phải vì mục đích nào khác. Cư sĩ Tâm Quang cũng giải thích về ý nghĩa của người cư sĩ là 'người tại gia theo đạo Phật, đã quy y Tam Bảo, giữ năm giới và hộ trì Tam Bảo. Theo Cư sĩ Tâm Quang thì quy y Tam Bảo, giữ giới, thực hành bố thí chính là hoằng pháp.

Diễn giả thứ 5 là Cư Sĩ Chân Văn Đỗ Quý Toàn, nhà thơ, giáo sư, nhà bình luận, nhà giáo thọ, trong phần thuyết trình đã nhắc lại ý nghĩa về hoằng pháp trong Phật Giáo là đem lại sự an lạc, hạnh phúc cho người khác. Cư sĩ Chân Văn nói rằng sở dĩ người cư sĩ phải hoằng pháp vì là người con Phật. Là con Phật thì không ai nói rằng tôi theo Phật cho tôi, mà không care gì tới ai hết. Cư sĩ Chân Văn nhấn mạnh rằng khi người con Phật sống đúng theo lời Phật dạy thì đã hoằng pháp rồi. Nhân đó, Cư sĩ Chân Văn kể chuyện về việc cách nay nhiều năm lúc ông còn ở Canada dự một hội thảo đa tôn giáo tại Montreal tại một trường học cho các học sinh lớp 9, ông đã nói đến việc chỉ cần sống theo tinh thần của Phật dạy là có được an lạc chứ không phải bỏ đạo của mình. Cư sĩ Chân Văn nói rằng đó là

Kỷ yếu Hội Luận 2011 - Đuốc Tuệ

điểm đặc biệt của Phật Giáo mà không một tôn giáo nào khác có được.

Sau phần thuyết trình của 5 diễn giả là phần hội thảo để người tham dự có thể chia sẻ quan điểm và kinh nghiệm cũng như nêu các câu hỏi liên quan tới những đề tài đã thuyết trình.

Những cuộc hội thảo như vậy là cơ hội giá trị để người cư sĩ có thể trao đổi, tìm hiểu và biết cách làm sao góp phần vào việc đem Phật Pháp đến cho mọi người để cùng nhau tu tập và lợi lạc trong cuộc sống.

Độc giả có thể liên lạc với Hội Phật Học Đuốc Tuệ ở số điện thoại: (714) 454-6286.

[Nguồn: http://vietbao.com/D_1-2_2-74_4-184585_15-2/]

Kỷ yếu Hội Luận 2011 - Đuốc Tuệ

HÌNH ẢNH BUỔI HỘI LUẬN 2011 CỦA HỘI PHẬT HỌC ĐUỐC TUỆ



Toàn cảnh Hội trường



*Chủ tọa: Đạo hữu **Mật Nghiêm** Đặng Nguyên Phả
Dẫn Chương trình: Đạo hữu **Tịnh Tánh***

Kỷ yếu Hội Luận 2011 - Đuốc Tuệ



Ban Điều hành: Các Đạo hữu Tâm Cát, Minh Trí và Minh Đức



Trước lúc khai mạc, Hội chúng cùng chấp tay cầu Phật gia bị cho Hội luận 2011 được khởi động dưới ánh sáng của Trí tuệ và Từ bi để viên mãn trong Thanh tịnh và Hòa hợp

Kỷ yếu Hội Luận 2011 - Đuốc Tuệ



*Năm Đạo hữu trong Thuyết trình đoàn
(Đạo hữu Nguyễn Lượng về sớm nên vị đại diện thay thế)*



*Đạo hữu Tâm Diệu Nguyễn Xuân Quang
Bản dịch Bộ kinh Đại Bát Niết Bàn của Cư sĩ Đăng Trung Cồn*

Kỷ yếu Hội Luận 2011 - Đức Tuê



*Đạo hữu **Nguyễn Lương** Nguyễn Phước Trí (trái)
và Đạo hữu **Huyền Độ** Đỗ Vinh*



*Đạo hữu **Tâm Quang** Vĩnh Hào (trái)
và Đạo hữu **Chân Văn** Đỗ Quý Toàn*

Kỷ yếu Hội Luận 2011 - Đuốc Tuệ



Ban Hợp ca của Hội Thanh niên Phật tử Lạc Pháp trình bày những nhạc phẩm có nội dung Phật giáo

Kỷ yếu Hội Luận 2011 - Đuốc Tuệ



*Đại đức Thích Minh Tuệ (trái)
và Ni cô Thích Nữ Nguyên Thắm phát biểu cảm tưởng*



Hội chúng đóng góp ý kiến

Kỷ yếu Hội Luận 2011 - Đuốc Tuệ



Cử tọa phản biện



Thính chúng theo dõi phân thảo luận

Kỷ yếu Hội Luận 2011 - Đuốc Tuệ



Hội Phật Học Đuốc Tuệ

P.O. Box 9871, Fountain Valley, CA 92728

Tel: (714) 454-6286 - email: duoctue@email.com

Thực hiện tâm nguyện phát huy Phật Pháp, quảng bá giáo lý Giác Ngộ Tinh Thức đến quảng đại quần chúng, Hội Phật Học Đuốc Tuệ đã cung thỉnh chư vị tôn đức Giảng Sư quang lâm về Quận Orange để thuyết pháp và tổ chức những khóa tu học trong năm 2012, theo lịch trình và chủ đề sau đây:

1	Ngày 23 Năm 2012 & Ngày 29 Năm 2012	Tết Nguyên Đán & Tiệc Tân Niên	Nhà bác Quân Đuốc Tuệ và Thân Hữu
2	Chủ Nhật ngày 05 2g00 đến 5g30 chiều	Thầy PHỤNG SƠN Tu Tập Thiền Để Đạt Được Sức Khỏe và Hạnh Phúc	Trung Tâm SANGHA 7641 Talbert Ave. Huntington Beach, CA 92648
3	Thứ Bảy ngày 10 & Chủ Nhật ngày 11 8g00 đến 8g30 chiều	Hòa Thượng THÍCH TRÍ ĐỨC Khóa Tu Tịnh Độ Pháp Môn	Chùa Bát Nhã 803 S. Sullivan Street Santa Ana, CA 92704
4	Chủ Nhật ngày 15 2g00 đến 5g30 chiều	Sư Khánh Hỷ Tu Tập Thiền Minh Sát	Trung Tâm SANGHA 7641 Talbert Ave. Huntington Beach, CA 92648
5	Thứ Bảy ngày 12 & Chủ Nhật ngày 13 2g00 đến 5g30 chiều	Hòa Thượng THÍCH GIÁC NHƯ Pháp Môn Niệm Phật Trong Kinh A Di Đà	Trung Tâm SANGHA 7641 Talbert Ave. Huntington Beach, CA 92648
6	Chủ Nhật Ngày 3 2g00 đến 5g30 chiều	Thượng Tọa THÍCH TÂM THIỆN Áo Tướng và Tinh Thức	Trung Tâm SANGHA 7641 Talbert Ave. Huntington Beach, CA 92648
6-7	Thứ Bảy ngày 30 - 6 & Chủ Nhật ngày 1 tháng 7 8g00 đến 8g30 chiều	Hòa Thượng THÍCH TRÍ ĐỨC Khóa Tu Tịnh Độ Pháp Môn	Chùa Bát Nhã 803 S. Sullivan Street Santa Ana, CA 92704
7	Chủ Nhật ngày 8 6g00 đến 9g30 chiều	Tiệc Chay Gây Quỹ Kỷ Niệm 9 năm Hội Phật Học Đuốc Tuệ	Seafood World Restaurant
8	Thứ Bảy ngày 11 & Chủ Nhật ngày 12 2g00 đến 5g30 chiều	Ni Sư THÍCH NỮ GIỚI HƯƠNG Kinh A HÂM Mưa Pháp Chuyển Hóa Phiền Nã	Trung Tâm SANGHA 7641 Talbert Ave. Huntington Beach, CA 92648
9	Thứ Bảy ngày 08 & Chủ Nhật ngày 09 8g00 đến 8g30 chiều	Hòa Thượng THÍCH TRÍ ĐỨC Khóa Tu Tịnh Độ Pháp Môn	Chùa Bát Nhã 803 S. Sullivan Street Santa Ana, CA 92704
9	Chủ Nhật ngày 23 2g00 đến 5g30 chiều	Hòa Thượng THÍCH THÁI SIÊU Trung Bộ Kinh	Trung Tâm SANGHA 7641 Talbert Ave. Huntington Beach, CA 92648
10	Chủ Nhật ngày 14 2g00 đến 5g30 chiều	Hòa Thượng THÍCH GIÁC NHƯ Niệm Tin Trong Phật Giáo	Trung Tâm SANGHA 7641 Talbert Ave. Huntington Beach, CA 92649
11	Chủ Nhật ngày 11 2g00 đến 5g30 chiều	Sư Khánh Hỷ Học Thiền	Trung Tâm SANGHA 7641 Talbert Ave. Huntington Beach, CA 92648
12	Chủ Nhật ngày 09 2g00 đến 5g30 chiều	Hội Luận Thường Niên Hội Phật Học Đuốc Tuệ tổ chức	Trung Tâm SANGHA 7641 Talbert Ave. Huntington Beach, CA 92649